



KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

VŨ MINH GIANG (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử)
NGHIÊM ĐÌNH VỸ (Tổng Chủ biên cấp Tiểu học phần Lịch sử)
NGUYỄN THỊ THU THUYẾT (Chủ biên phần Lịch sử)
ĐÀO THỊ HỒNG – LÊ THỊ THU HƯƠNG

ĐÀO NGỌC HÙNG (Tổng Chủ biên phần Địa lí)
TRẦN THỊ HÀ GIANG (Chủ biên phần Địa lí)
ĐẶNG TIẾN DUNG – ĐOÀN THỊ THANH PHƯƠNG

LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 4



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

VŨ MINH GIANG (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử)
NGHIÊM ĐÌNH VỸ (Tổng Chủ biên cấp Tiểu học phần Lịch sử)
NGUYỄN THỊ THU THỦY (Chủ biên phần Lịch sử)
ĐÀO THỊ HỒNG – LÊ THỊ THU HƯƠNG
ĐÀO NGỌC HÙNG (Tổng Chủ biên phần Địa lí)
TRẦN THỊ HÀ GIANG (Chủ biên phần Địa lí)
ĐẶNG TIỀN DUNG – ĐOÀN THỊ THANH PHƯƠNG

LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ

4



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH

Mỗi hoạt động học tập trong sách **Lịch sử và Địa lí 4** đều được chỉ dẫn bằng một kí hiệu nhất định. Thầy, cô giáo sẽ hướng dẫn các em học theo các chỉ dẫn này. Các em cũng có thể làm theo các chỉ dẫn để tự học.

MỤC TIÊU BÀI HỌC

Nhấn mạnh những yêu cầu học sinh cần đạt được sau khi học xong bài học.



KHỞI ĐỘNG

Xác định nhiệm vụ học tập của học sinh; nêu vấn đề kích thích tư duy, tạo hứng thú để dẫn vào bài mới.



KHÁM PHÁ

Thông qua nội dung (kênh chữ, kênh hình) và các hoạt động, giúp học sinh hình thành tri thức, kĩ năng mới.

Thông tin hỗ trợ, bổ sung hoặc có tính liên môn nhằm làm rõ hơn nội dung của bài.



LUYỆN TẬP

Củng cố tri thức, rèn luyện các kĩ năng gắn với kiến thức vừa được học.



VẬN DỤNG

Vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã được học để giải quyết các tình huống, vấn đề trong thực tiễn cuộc sống.

BÀI 11 **SÔNG HỒNG VÀ VĂN MINH SÔNG HỒNG**

Sau bài học này, em sẽ:

- Xác định được sông Hồng trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Kể được một số tên gọi khác của sông Hồng.
- Sưu tầm, sử dụng tư liệu lịch sử (tranh ảnh, đoạn trích từ tiểu...), trình bày được một số thành tựu tiêu biểu của văn minh sông Hồng.
- Mô tả được một số nét cơ bản về đời sống vật chất và tinh thần của người Việt cổ thông qua quan sát một số hình ảnh về cuộc sống của người Việt cổ trong hoa văn trên trống đồng Đông Sơn, kết hợp với một số truyền thuyết.
- Đề xuất được ở mức độ đơn giản một số giải pháp để giữ gìn và phát huy giá trị của sông Hồng.

KHỞI ĐỘNG

Em có biết sông Hồng bắt nguồn từ đâu? Sông Hồng chảy qua những tỉnh, thành phố nào ở nước ta?

Hình 1. Sông Hồng – đoạn chảy qua thành phố Hà Nội

KHÁM PHÁ

1. Vị trí và tên gọi sông Hồng

Dựa vào bản đồ địa hình phần đất liền Việt Nam ở Bài 1, trang 7 và thông tin, em hãy:

- Xác định vị trí sông Hồng trên bản đồ.
- Kể một số tên gọi khác của sông Hồng.

Sông Hồng bắt nguồn từ Trung Quốc, phân chảy trên lãnh thổ Việt Nam dài khoảng 556 km, từ huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai và đổ ra biển ở cửa Ba Lạt – ranh giới giữa 2 tỉnh Thái Bình và tỉnh Nam Định.

Sông Hồng còn có nhiều tên gọi khác như: Nhị Hà, Hồng Hà, sông Xích Đằng, sông Ké Chờ, sông Cái...

Em có biết?

Rừng bậc thang ở Mù Cang Chải (Yên Bái), Hoàng Su Phì (Hà Giang), Sả Pá (Lào Cai) đã được công nhận là danh thắng quốc gia và trở thành địa điểm du lịch nổi tiếng.

Hình 4. Rừng bậc thang ở Mù Cang Chải (tỉnh Yên Bái)

LUYỆN TẬP

Hoàn thành bảng sau vào vở:

ĐẶC ĐIỂM, ẢNH HƯỞNG CỦA TỰ NHIÊN VÙNG ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ ĐỐI VỚI ĐỜI SỐNG VÀ SẢN XUẤT

Thành phần tự nhiên	Đặc điểm	Ảnh hưởng
Địa hình	?	?
Khi hậu	?	?
Sông ngòi	?	?

VẬN DỤNG

Tìm hiểu và giới thiệu về một con sông ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

Hãy bảo quản, giữ gìn sách giáo khoa để dành tặng cho các em học sinh lớp sau!

LỜI NÓI ĐẦU

Các em học sinh yêu quý!

Ở lớp 1, 2, 3, các em đã được trang bị những kiến thức cơ bản về thế giới tự nhiên và cuộc sống xung quanh trong môn Tự nhiên và Xã hội. Lên lớp 4, môn Lịch sử và Địa lí sẽ giúp các em tìm hiểu, khám phá những tri thức về địa lí, lịch sử ở địa phương em và các vùng, miền của đất nước Việt Nam.

Mỗi bài học trong sách giáo khoa **Lịch sử và Địa lí 4** sẽ giúp các em tìm hiểu về thiên nhiên, con người, hoạt động sản xuất; những nét lịch sử – văn hoá nổi bật ở các vùng của đất nước Việt Nam.

Các em hãy hoạt động, tương tác với thầy, cô giáo và các bạn để cùng trải nghiệm, khám phá được nhiều điều thú vị, bổ ích về địa lí, lịch sử đất nước chúng ta trong cuốn sách này nhé!

Chúc các em học tập đạt kết quả tốt!

CÁC TÁC GIẢ

MỤC LỤC

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH	2
LỜI NÓI ĐẦU	3
MỞ ĐẦU	6
Bài 1. Làm quen với phương tiện học tập môn Lịch sử và Địa lí	6
CHỦ ĐỀ 1. ĐỊA PHƯƠNG EM (TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG)	12
Bài 2. Thiên nhiên và con người ở địa phương em	12
Bài 3. Lịch sử và văn hoá truyền thống địa phương em	16
CHỦ ĐỀ 2. TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ	18
Bài 4. Thiên nhiên vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ	18
Bài 5. Dân cư và hoạt động sản xuất ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ	24
Bài 6. Một số nét văn hoá ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ	28
Bài 7. Đền Hùng và lễ giỗ Tổ Hùng Vương	32
CHỦ ĐỀ 3. ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ	36
Bài 8. Thiên nhiên vùng Đồng bằng Bắc Bộ	36
Bài 9. Dân cư và hoạt động sản xuất ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ	41
Bài 10. Một số nét văn hoá ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ	46
Bài 11. Sông Hồng và văn minh sông Hồng	50
Bài 12. Thăng Long – Hà Nội	54
Bài 13. Văn Miếu – Quốc Tử Giám	59
Bài 14. Ôn tập	63

CHỦ ĐỀ 4. DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG	65
Bài 15. Thiên nhiên vùng Duyên hải miền Trung	65
Bài 16. Dân cư và hoạt động sản xuất ở vùng Duyên hải miền Trung	70
Bài 17. Một số nét văn hoá ở vùng Duyên hải miền Trung	73
Bài 18. Cố đô Huế	77
Bài 19. Phố cổ Hội An	81
CHỦ ĐỀ 5. TÂY NGUYÊN	85
Bài 20. Thiên nhiên vùng Tây Nguyên	85
Bài 21. Dân cư và hoạt động sản xuất ở vùng Tây Nguyên	89
Bài 22. Một số nét văn hoá và truyền thống yêu nước, cách mạng của đồng bào Tây Nguyên	93
Bài 23. Lễ hội Cồng chiêng Tây Nguyên	97
CHỦ ĐỀ 6. NAM BỘ	100
Bài 24. Thiên nhiên vùng Nam Bộ	100
Bài 25. Dân cư và hoạt động sản xuất ở vùng Nam Bộ	104
Bài 26. Một số nét văn hoá và truyền thống yêu nước, cách mạng của đồng bào Nam Bộ	108
Bài 27. Thành phố Hồ Chí Minh	112
Bài 28. Địa đạo Củ Chi	118
Bài 29. Ôn tập	121
Giải thích khái niệm, thuật ngữ	122

MỞ ĐẦU

BÀI 1

LÀM QUEN VỚI PHƯƠNG TIỆN HỌC TẬP MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ

Sau bài học này, em sẽ:

- Kể được tên một số phương tiện hỗ trợ học tập môn Lịch sử và Địa lí: bản đồ, lược đồ, biểu đồ, tranh ảnh, hiện vật, nguồn tư liệu,...
- Sử dụng được một số phương tiện môn học vào học tập môn Lịch sử và Địa lí.



KHỞ ĐỘNG

Hai bạn trong hình đang trao đổi về nội dung gì? Hãy kể tên một số phương tiện học tập môn Lịch sử và Địa lí mà em biết.

Đây là một số phương tiện học tập môn Lịch sử và Địa lí.

LƯỢC ĐỒ KHỞI NGHĨA HAI BÀ TRUNG NĂM 40



BẢNG DIỆN TÍCH VÀ SỐ DÂN CỦA MỘT SỐ TỈNH, THÀNH PHỐ NƯỚC TA NĂM 2020

STT	Tỉnh, thành phố	Diện tích (km ²)	Số dân (triệu người)
1	Hà Nội	3 359	8 247
2	Đà Nẵng	1 285	1 170
3	Lâm Đồng	9 783	1 310
4	Thành phố Hồ Chí Minh	2 061	9 228
5	Cần Thơ	1 439	1 241

Chúng mình sẽ sử dụng các phương tiện này như thế nào nhỉ?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG



KHÁM PHÁ

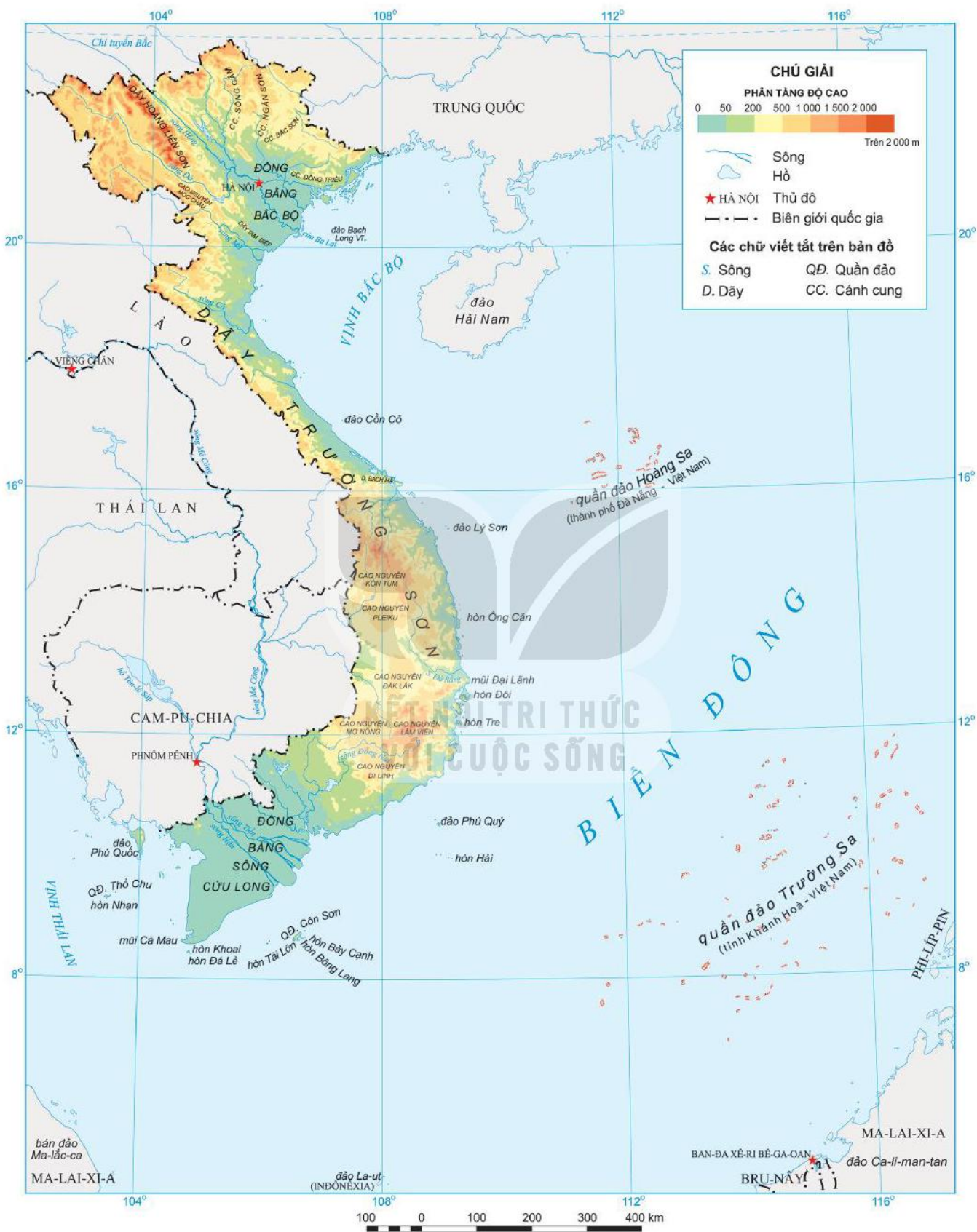
1. Bản đồ, lược đồ



Quan sát các hình 1, 2, em hãy:

- Đọc tên bản đồ, lược đồ và cho biết những đối tượng được thể hiện trong bảng chú giải.
- Chỉ một nơi có độ cao trên 1 500 m ở hình 1.
- Chỉ hướng tiến quân của quân Hai Bà Trưng ở hình 2.

Bản đồ là hình vẽ thu nhỏ một khu vực hay toàn bộ bề mặt Trái Đất theo một tỉ lệ nhất định.



▲ Hình 1. Bản đồ địa hình phần đất liền Việt Nam

2. Bảng số liệu, biểu đồ, trục thời gian



1. Em hãy đọc bảng diện tích và số dân của một số tỉnh, thành phố nước ta năm 2020.
2. Quan sát hình 4, em hãy cho biết tỉnh hoặc thành phố có diện tích lớn nhất.
3. Quan sát hình 5, em hãy giới thiệu các mốc thời gian gắn liền với sự kiện lịch sử tương ứng của Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1975.

Bảng số liệu là tập hợp các số liệu về các đối tượng được sắp xếp một cách khoa học.

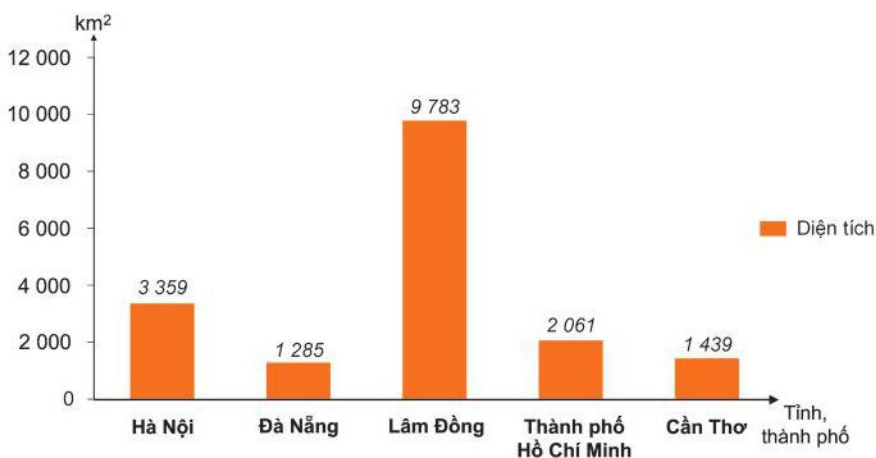
BẢNG DIỆN TÍCH VÀ SỐ DÂN CỦA MỘT SỐ TỈNH, THÀNH PHỐ NƯỚC TA NĂM 2020

STT	Tỉnh, thành phố	Diện tích (km ²)	Số dân (nghìn người)
1	Hà Nội	3 359	8 247
2	Đà Nẵng	1 285	1 170
3	Lâm Đồng	9 783	1 310
4	Thành phố Hồ Chí Minh	2 061	9 228
5	Cần Thơ	1 439	1 241

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

(Nguồn: Tổng hợp từ Niên giám thống kê Việt Nam 2021)

Biểu đồ là hình vẽ thể hiện trực quan các số liệu.



▲ **Hình 4.** Biểu đồ diện tích của một số tỉnh, thành phố nước ta năm 2020

Trục thời gian là một đường thẳng thể hiện chuỗi các sự kiện lịch sử theo trình tự thời gian.



▲ **Hình 5.** Trục thời gian thể hiện một số sự kiện tiêu biểu của lịch sử Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1975

Các bước sử dụng bảng số liệu, biểu đồ, trục thời gian:

- Bước 1** Đọc tên bảng số liệu, biểu đồ, trục thời gian để biết phương tiện thể hiện nội dung gì.
- Bước 2** Đọc nội dung các cột, hàng của bảng số liệu; chú giải của biểu đồ hoặc các sự kiện trên trục thời gian để biết sự sắp xếp thông tin của các đối tượng.
- Bước 3** Tìm các số liệu trong bảng hoặc mô tả nội dung cụ thể của biểu đồ, trục thời gian theo yêu cầu của bài học.

▲ **Hình 6.** Sơ đồ các bước sử dụng bảng số liệu, biểu đồ, trục thời gian

3. Hiện vật, tranh ảnh



Quan sát các hình 7, 8, em hãy:

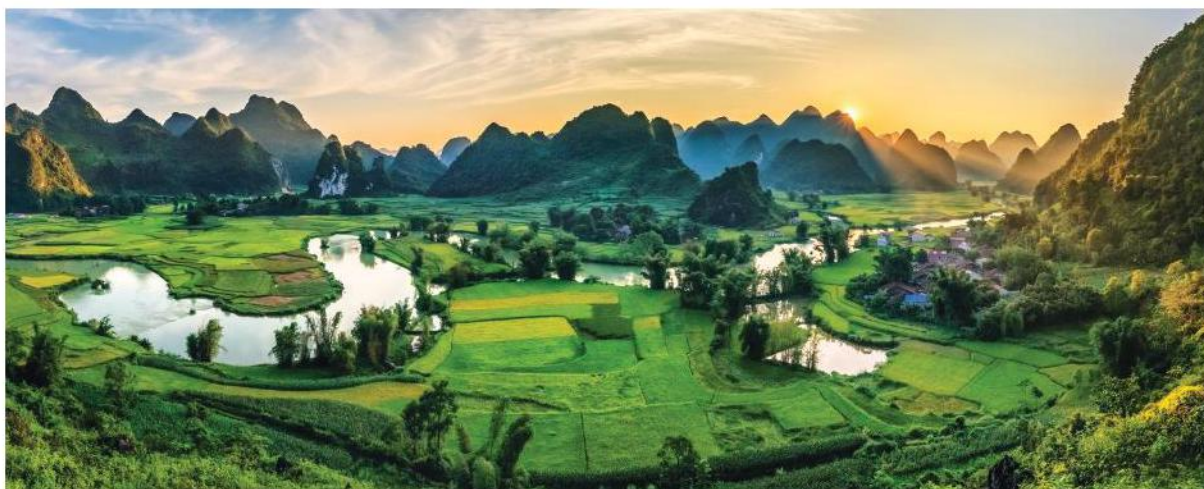
- Mô tả mũi tên đồng Cổ Loa.
- Mô tả bức ảnh cánh đồng Phong Nậm.

Hiện vật lịch sử là những di tích, đồ vật, ... trong quá khứ của con người còn được lưu giữ đến ngày nay.



▲ **Hình 7.** Mũi tên đồng Cổ Loa

Tranh ảnh lịch sử, địa lí là những hình ảnh được vẽ hoặc chụp về các nhân vật, địa điểm, hiện vật, sự kiện lịch sử, đối tượng địa lí gắn với không gian cụ thể, ...



▲ Hình 8. Cánh đồng Phong Nậm (tỉnh Cao Bằng)

Các bước sử dụng hiện vật, tranh ảnh:

- Bước 1** Đọc tên hiện vật, tranh ảnh.
- Bước 2** Quan sát và mô tả những đối tượng lịch sử hoặc địa lí được giới thiệu thông qua hiện vật, tranh ảnh.
- Bước 3** Nhận xét về các đối tượng lịch sử hoặc địa lí theo yêu cầu bài học.

▲ Hình 9. Sơ đồ các bước sử dụng hiện vật, tranh ảnh



LUYỆN TẬP

1. Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện một số phương tiện học tập môn Lịch sử và Địa lí (theo gợi ý ở hình bên).
2. Tìm trong sách giáo khoa *Lịch sử và Địa lí 4* ví dụ về các phương tiện học tập môn học: bản đồ, lược đồ, bảng số liệu, tranh ảnh, trục thời gian,... (mỗi phương tiện lấy hai ví dụ).

Phương tiện
học tập môn
Lịch sử và Địa lí

?

?

?



VẬN DỤNG

Hãy cùng bạn thực hành sử dụng một phương tiện học tập môn Lịch sử và Địa lí.

Chủ đề 1

ĐỊA PHƯƠNG EM (TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG)

BÀI 2

THIÊN NHIÊN VÀ CON NGƯỜI Ở ĐỊA PHƯƠNG EM

Sau bài học này, em sẽ:

- Xác định được vị trí địa lí của địa phương trên bản đồ Việt Nam.
- Mô tả được một số nét chính về tự nhiên (ví dụ: địa hình, khí hậu,...) của địa phương có sử dụng lược đồ hoặc bản đồ.
- Trình bày được một số hoạt động kinh tế ở địa phương.
- Thể hiện được tình cảm với địa phương và sẵn sàng hành động bảo vệ môi trường xung quanh.



KHOẼ ĐỘNG

"Núi rừng đây là của chúng ta
Những cánh đồng thơm mát
Những ngả đường bát ngát
Những dòng sông đỏ nặng phù sa"

(Nguyễn Đình Thi, *Đất nước*, in trong *Tuyển tập Nguyễn Đình Thi*, tập 3, NXB Văn học, 1997)

Đoạn thơ trên giúp em liên tưởng đến những cảnh đẹp thiên nhiên nào ở địa phương em?



KHÁM PHÁ

1. Chuẩn bị

Để học tập và tìm hiểu về địa lí địa phương, các em cần chuẩn bị:

- Tài liệu giáo dục địa phương lớp 4.
- Tìm hiểu các thông tin, tài liệu về tự nhiên, các hoạt động kinh tế của địa phương (từ sách, báo, internet,...).

2. Nội dung tìm hiểu

Dựa vào *Tài liệu giáo dục địa phương lớp 4*, hình 1 và hiểu biết của bản thân, em hãy tìm hiểu về thiên nhiên và con người ở địa phương em theo gợi ý sau:

1. Vị trí địa lí

- Xác định vị trí địa lí địa phương em (tỉnh hoặc thành phố) trên bản đồ hành chính Việt Nam
- Các tỉnh hoặc thành phố tiếp giáp
- Biển hoặc quốc gia tiếp giáp (nếu có)



2. Tự nhiên

- Đặc điểm địa hình: độ cao, các dạng địa hình chính,...
- Đặc điểm khí hậu: nhiệt độ trung bình năm, lượng mưa trung bình năm, các mùa trong năm,...
- Đặc điểm sông, hồ: số lượng, tên các sông, hồ lớn,...



THIÊN NHIÊN VÀ CON NGƯỜI Ở ĐỊA PHƯƠNG EM

3. Kinh tế

- Hoạt động nông nghiệp: trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản
- Hoạt động công nghiệp: khai thác khoáng sản, sản xuất điện, chế biến lương thực, dệt may,...
- Hoạt động dịch vụ: du lịch, thương mại, giao thông vận tải,...



4. Bảo vệ môi trường

- Hiện trạng môi trường: đất, nước, không khí,...
- Hành động bảo vệ môi trường của bản thân và gia đình





▲ Hình 1. Bản đồ hành chính Việt Nam



LUYỆN TẬP

Hoàn thành bảng thông tin dưới đây vào vở:

A	B
Tên các tỉnh/thành phố tiếp giáp với địa phương em	?
Các mùa trong năm của địa phương em	?
Tên một số hoạt động kinh tế nổi bật ở địa phương em	?
Tên một số địa điểm du lịch nổi tiếng của địa phương em	?
Tên một số tuyến đường giao thông ở địa phương em	?



VẬN DỤNG

Viết đoạn văn ngắn giới thiệu về một địa danh nổi tiếng ở địa phương em.



▲ Hình 2. Đoạn sông Hậu chảy qua thành phố Cần Thơ

BÀI 3

LỊCH SỬ VÀ VĂN HOÁ TRUYỀN THÔNG ĐỊA PHƯƠNG EM

Sau bài học này, em sẽ:

- Mô tả được một số nét về văn hoá của địa phương.
- Lựa chọn và giới thiệu được ở mức độ đơn giản một món ăn, một loại trang phục hoặc một lễ hội tiêu biểu,... ở địa phương.
- Kể được câu chuyện về một trong số các danh nhân ở địa phương.



KHỞI ĐỘNG

Quan sát hình ảnh bên và chia sẻ những thông tin mà em biết liên quan đến hình ảnh đó.

Hãy giới thiệu những phong tục tương tự ở địa phương em.



▲ Phong tục gói bánh chưng ngày tết Nguyên đán



KHÁM PHÁ

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

1. Văn hoá truyền thống



Đọc thông tin và dựa vào *Tài liệu giáo dục địa phương lớp 4*, em hãy:

- Kể tên một số phong tục, tập quán, nhà ở, lễ hội và món ăn ở địa phương em.
- Giới thiệu với bạn về một loại trang phục, một món ăn hoặc một lễ hội tiêu biểu ở địa phương em.

– Gợi ý giới thiệu về trang phục:

- + Tên trang phục
- + Một số điểm nổi bật của trang phục
- + Chia sẻ cảm nghĩ của em về trang phục

...

– Gọi ý giới thiệu về món ăn:

- + Tên món ăn
- + Nguyên liệu chính
- + Cách làm món ăn
- ...

– Gọi ý giới thiệu về lễ hội:

- + Tên lễ hội
- + Thời gian, địa điểm tổ chức lễ hội
- + Mục đích của lễ hội
- + Một số hoạt động chính trong lễ hội
- ...

2. Tìm hiểu và kể chuyện về danh nhân

Kể lại câu chuyện về một danh nhân ở địa phương (theo gợi ý dưới đây):

- Tên danh nhân.
- Danh nhân đó gắn với câu chuyện nào? Kể vắn tắt nội dung câu chuyện.
- Em học được điều gì từ danh nhân đó?



LUYỆN TẬP

1. Lập và hoàn thiện bảng (theo gợi ý dưới đây) về một số nét văn hoá truyền thống tiêu biểu của địa phương em.

STT	Lĩnh vực	Tên gọi	Mô tả
1	Lễ hội	?	?
2	Món ăn	?	?
3	Phong tục, tập quán	?	?
...	?	?	?

2. Giới thiệu về một lễ hội hoặc một danh nhân tiêu biểu ở địa phương em.



VẬN DỤNG

Lập kế hoạch cho buổi tham quan tìm hiểu về một di tích lịch sử – văn hoá ở địa phương em (theo gợi ý dưới đây):

- Tên di tích.
- Mục đích tham quan.
- Thời gian dự kiến.
- Chuẩn bị.
- Các bước thực hiện.

Chủ đề 2

TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ

BÀI 4

THIÊN NHIÊN VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ

Sau bài học này, em sẽ:

- Xác định được vị trí địa lí, một số địa danh tiêu biểu (ví dụ: dãy núi Hoàng Liên Sơn, đỉnh Phan-xi-păng, cao nguyên Mộc Châu,...) của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Quan sát lược đồ, tranh ảnh, mô tả được một trong những đặc điểm thiên nhiên (ví dụ: địa hình, khí hậu, sông ngòi,...) của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- Nêu được một cách đơn giản ảnh hưởng của địa hình, khí hậu, sông ngòi đối với đời sống và sản xuất của người dân ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- Đưa ra được một số biện pháp bảo vệ thiên nhiên và phòng, chống thiên tai ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.



KHỞI ĐỘNG

Quan sát hình 1, em hãy trả lời các câu hỏi:

- Cột mốc xác định độ cao của đỉnh núi nào?
- Đỉnh núi này nằm ở vùng nào của nước ta? Nêu những hiểu biết của em về vùng đất đó.



▲ Hình 1. Cột mốc trên đỉnh Phan-xi-păng (Fansipan)



KHÁM PHÁ

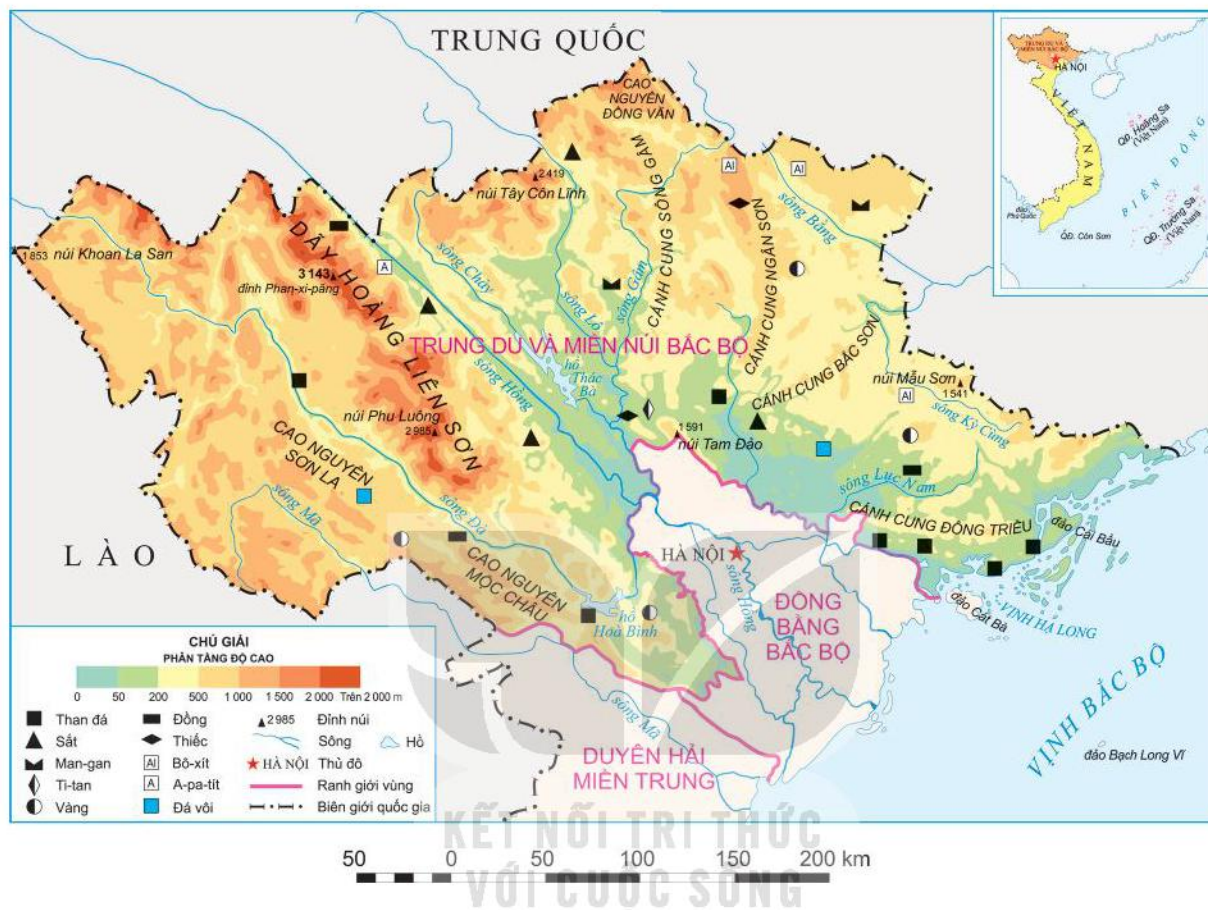
1. Vị trí địa lí



Đọc thông tin và quan sát hình 2, em hãy xác định vị trí của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ trên lược đồ.

Trung du và miền núi Bắc Bộ là vùng lãnh thổ nằm ở phía bắc của đất nước.

Vùng này không chỉ có phần đất liền rộng lớn mà còn có cả vùng biển giàu tiềm năng ở phía đông nam.



▲ Hình 2. Lược đồ địa hình và một số khoáng sản ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ



▲ Hình 3. Cột cờ Lũng Cú (tỉnh Hà Giang)

Em có biết?

Cột cờ Lũng Cú được xây dựng trên đỉnh núi Rồng thuộc xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang; nằm ở địa đầu Tổ quốc. Trên đỉnh cột là Quốc kì Việt Nam rộng 54 m², tượng trưng cho 54 dân tộc của nước ta.

2. Đặc điểm thiên nhiên

a) Địa hình



Đọc thông tin và quan sát các hình 2, 4, 5, em hãy:

- Xác định trên lược đồ: dãy núi Hoàng Liên Sơn, đỉnh Phan-xi-păng và cao nguyên Mộc Châu.
- Mô tả đặc điểm chính của địa hình ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có địa hình chủ yếu là đồi núi. Tại đây có nhiều dãy núi lớn, trong đó Hoàng Liên Sơn là dãy núi cao và đồ sộ nhất nước ta, đỉnh cao nhất là Phan-xi-păng (3 143 m).

Trong vùng còn có một số cao nguyên và vùng đồi thấp. Các đồi có đặc điểm đỉnh tròn, sườn thoải, nằm ở nơi chuyển tiếp giữa vùng núi và đồng bằng, được gọi là vùng trung du.



▲ Hình 4. Một phần dãy Hoàng Liên Sơn (tỉnh Lào Cai)



▲ Hình 5. Vùng trung du (tỉnh Phú Thọ)

b) Khí hậu



Đọc thông tin và quan sát hình 6, em hãy nêu đặc điểm nổi bật của khí hậu vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa với mùa đông lạnh nhất cả nước. Khí hậu của vùng cũng chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi độ cao địa hình. Ở các vùng núi cao nhiệt độ hạ thấp, vào các tháng mùa đông đôi khi có tuyết rơi (thị xã Sa Pa – tỉnh Lào Cai, đỉnh núi Mẫu Sơn – tỉnh Lạng Sơn,...).



▲ Hình 6. Tuyết rơi ở thị xã Sa Pa (tỉnh Lào Cai) vào mùa đông năm 2016

c) Sông ngòi



Đọc thông tin và quan sát hình 2, 7, 8, em hãy:

- Xác định trên lược đồ các sông lớn ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- Nêu đặc điểm chính của sông ngòi ở vùng.

Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có nhiều sông lớn như sông Hồng, sông Đà, sông Chảy, sông Lô, sông Gâm,... Các sông trong vùng nhiều thác ghềnh, có khả năng phát triển thủy điện.



▲ Hình 7. Đoạn sông Đà chảy qua tỉnh Sơn La



▲ Hình 8. Đoạn sông Gâm chảy qua tỉnh Tuyên Quang

d) Khoáng sản



Đọc thông tin và quan sát hình 2, em hãy kể tên và xác định trên lược đồ một số khoáng sản chính ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Trung du và miền núi Bắc Bộ có tài nguyên khoáng sản phong phú bậc nhất nước ta. Các khoáng sản chính là than, sắt, a-pa-tít (apatite), đá vôi,...

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

Em có biết?

Loại đất chính của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là đất đỏ vàng, thích hợp trồng nhiều loại cây ăn quả và cây công nghiệp.

Vùng biển ở phía đông nam có nhiều vịnh đẹp, nhiều bãi tôm, bãi cá lớn.

3. Ảnh hưởng của các điều kiện tự nhiên đối với sản xuất và đời sống



Đọc thông tin và quan sát các hình từ 9 đến 14, em hãy cho biết ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên đối với đời sống và sản xuất ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Điều kiện tự nhiên của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ tạo thuận lợi để phát triển nhiều ngành kinh tế: công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản; thủy điện; trồng và chế biến cây công nghiệp, cây ăn quả, dược liệu;... và du lịch.

Tuy nhiên, người dân trong vùng cũng gặp một số khó khăn trong sinh hoạt và sản xuất do địa hình bị chia cắt, thiên tai (lũ quét, sạt lở đất, sương muối, rét đậm, rét hại,...),...



▲ Hình 9. Khai thác quặng sắt (tỉnh Thái Nguyên)



▲ Hình 10. Đập thủy điện Sơn La trên sông Đà (tỉnh Sơn La)



▲ Hình 11. Thu hoạch chè (tỉnh Phú Thọ)



▲ Hình 12. Một góc vịnh Hạ Long (tỉnh Quảng Ninh)



▲ Hình 13. Lũ quét và sạt lở đất ở tỉnh Lai Châu năm 2018



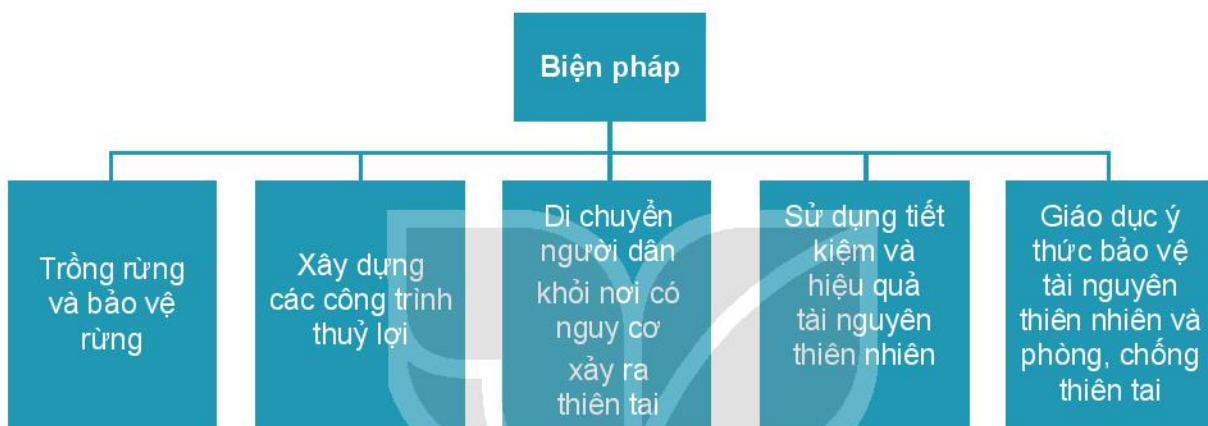
▲ Hình 14. Băng giá ở tỉnh Lào Cai năm 2020

4. Biện pháp bảo vệ thiên nhiên và phòng, chống thiên tai



1. Dựa vào kiến thức đã học, em hãy kể tên một số thiên tai thường xảy ra ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
2. Đọc thông tin và sơ đồ hình 15, em hãy nêu một số biện pháp góp phần bảo vệ thiên nhiên và phòng, chống thiên tai.

Trung du và miền núi Bắc Bộ là vùng chịu nhiều ảnh hưởng của các thiên tai, gây thiệt hại về người và tài sản. Vì vậy, cần thực hiện các biện pháp để bảo vệ thiên nhiên và phòng, chống thiên tai.



▲ Hình 15. Sơ đồ một số biện pháp bảo vệ thiên nhiên và phòng, chống thiên tai ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ



LUYỆN TẬP

Hãy cho biết trong các câu sau câu nào đúng, câu nào sai.

- a) Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ tiếp giáp với hai quốc gia là Lào và Cam-pu-chia (Cambodia).
- b) Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa với mùa đông lạnh nhất cả nước.
- c) Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có nhiều sông lớn thuận lợi cho phát triển thủy điện.
- d) Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là nơi giàu tài nguyên khoáng sản bậc nhất cả nước.



VẬN DỤNG

Nếu đi du lịch ở thị xã Sa Pa, em sẽ chọn đi vào mùa nào trong năm? Vì sao?

BÀI 5

DÂN CƯ VÀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT Ở VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ

Sau bài học này, em sẽ:

- Kể được tên một số dân tộc sinh sống ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- Nhận xét được một cách đơn giản về sự phân bố dân cư ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ thông qua lược đồ phân bố dân cư.
- Kể được một số cách thức khai thác tự nhiên (ví dụ: làm ruộng bậc thang, xây dựng các công trình thủy điện, khai thác khoáng sản,...).



KHỞ ĐỘNG

Thiên nhiên của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có nhiều nét đặc sắc, góp phần tạo nên sự khác biệt về đời sống và hoạt động sản xuất của người dân trong vùng.

Hãy nêu những hiểu biết của em về con người và hoạt động sản xuất ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.



KHÁM PHÁ

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

1. Dân cư



1. Đọc thông tin và quan sát các hình 1, 2, em hãy kể tên một số dân tộc sinh sống ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
2. Đọc thông tin và quan sát hình 3, em hãy:
 - Cho biết những tỉnh có mật độ dân số dưới 100 người/km².
 - Cho biết những tỉnh có mật độ dân số trên 400 người/km².
 - Nhận xét về sự phân bố dân cư ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có số dân hơn 14 triệu người (năm 2020). Đây là nơi sinh sống của một số dân tộc như: Mường, Thái, Dao, Mông, Tày, Nùng, Kinh,... Mỗi dân tộc có tiếng nói, tập quán sinh hoạt và trang phục truyền thống riêng, tạo nên sự đa dạng về văn hoá của vùng.

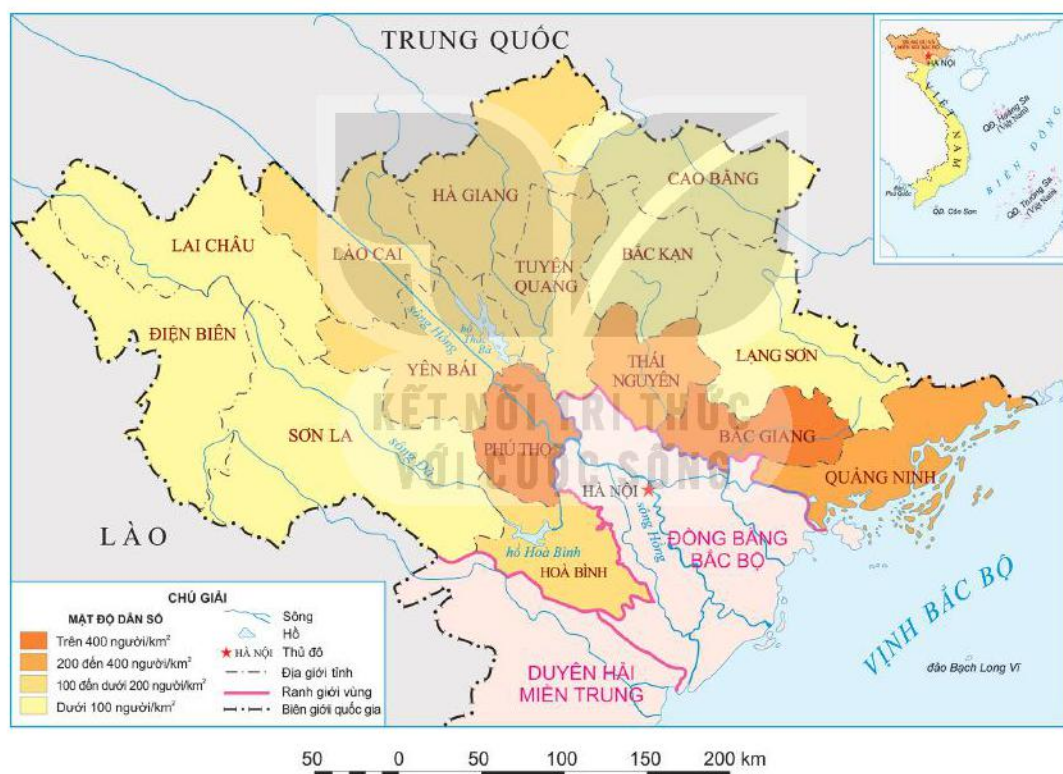


▲ Hình 1. Người Mông



▲ Hình 2. Người Tày

Trung du và miền núi Bắc Bộ có diện tích rộng nhưng ít dân nên đây là vùng dân cư thưa thớt. Dân cư trong vùng phân bố không đồng đều giữa các tỉnh, giữa khu vực miền núi và khu vực trung du.



▲ Hình 3. Lược đồ mật độ dân số theo tỉnh ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ năm 2020

2. Một số cách thức khai thác tự nhiên

a) Làm ruộng bậc thang



Đọc thông tin và quan sát hình 4, em hãy cho biết vai trò của ruộng bậc thang đối với đời sống và sản xuất của người dân ở khu vực miền núi Bắc Bộ.

Để có thể trồng lúa nước trên đất dốc, người dân ở khu vực miền núi đã xẻ sườn núi thành những bậc phẳng, gọi là ruộng bậc thang.

Làm ruộng bậc thang không chỉ giúp người dân đảm bảo nguồn lương thực mà còn hạn chế tình trạng phá rừng làm nương rẫy. Đồng thời, vẻ đẹp của các khu ruộng bậc thang đã thu hút nhiều du khách, góp phần thúc đẩy hoạt động du lịch cho vùng.

Em có biết?

Ruộng bậc thang ở Mù Cang Chải (Yên Bái), Hoàng Su Phì (Hà Giang), Sa Pa (Lào Cai) đã được công nhận là danh thắng quốc gia và trở thành địa điểm du lịch nổi tiếng.



Hình 4. Ruộng bậc thang ở Mù Cang Chải (tỉnh Yên Bái) ▶

b) Xây dựng các công trình thủy điện



Đọc thông tin và quan sát các hình 5, 6, em hãy kể tên và xác định trên lược đồ một số nhà máy thủy điện ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Sông ngòi ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có tiềm năng lớn để phát triển thủy điện. Nhiều nhà máy thủy điện đã được xây dựng, cung cấp điện cho sinh hoạt và sản xuất, đồng thời giảm lũ cho vùng đồng bằng.



▲ Hình 5. Nhà máy thủy điện Thác Bà trên sông Chảy (tỉnh Yên Bái)

c) Khai thác khoáng sản



Đọc thông tin và quan sát hình 6, em hãy:

- Xác định trên lược đồ một số mỏ khoáng sản ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- Kể tên một số sản phẩm có nguồn gốc từ khoáng sản của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Khai thác khoáng sản là hoạt động kinh tế quan trọng của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Khoáng sản khai thác được dùng làm nguyên liệu và nhiên liệu cho nhiều ngành công nghiệp: than cho sản xuất điện, các khoáng sản kim loại để luyện kim, a-pa-tít để sản xuất phân lân, đá vôi làm vật liệu xây dựng,... Khoáng sản được khai thác ở các mỏ, sau đó vận chuyển đến nhà máy để chế biến.



▲ **Hình 6.** Lược đồ một số nhà máy thủy điện và mỏ khoáng sản ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ

LUYỆN TẬP

Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện một số cách thức khai thác tự nhiên ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ (vai trò, phân bố).

VẬN DỤNG

Sưu tầm hình ảnh về một số dân tộc ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ và chia sẻ với các bạn.

BÀI 6

MỘT SỐ NÉT VĂN HOÁ Ở VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ

Sau bài học này, em sẽ:

Mô tả được một số nét văn hoá của các dân tộc ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ (lễ hội Gầu Tào, lễ hội Lồng Tồng, hát Then, múa Xoè Thái, chợ phiên vùng cao, ...).



KHỞI ĐỘNG

Hình dưới đây giúp em biết điều gì về văn hoá của dân tộc Mông ở Mai Châu, tỉnh Hoà Bình? Hãy nêu hiểu biết của em về một số nét văn hoá ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.



▲ Hình 1. Lễ hội Gầu Tào của dân tộc Mông ở Mai Châu (tỉnh Hoà Bình)



KHÁM PHÁ

1. Lễ hội



Đọc thông tin và quan sát các hình 2, 3, em hãy:

- Kể tên một số lễ hội tiêu biểu ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- Mô tả một lễ hội mà em ấn tượng nhất.

Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ nổi tiếng với lễ hội Gầu Tào, lễ hội Lồng Tồng, ... Các lễ hội được tổ chức nhằm cầu cho mọi người có một năm khoẻ mạnh, nhiều may mắn, mùa màng bội thu, ...

Lễ hội Gầu Tào là lễ hội truyền thống của người Mông, được tổ chức vào đầu năm, tại nơi bằng phẳng, rộng rãi.

Sau phần nghi lễ được tiến hành trang trọng là những hoạt động vui chơi như: múa khèn, đi thăng bằng, đẩy gậy,...

Lễ hội Lồng Tồng (còn gọi là hội Xuống đồng) là lễ hội truyền thống của người Tày, Nùng,... được tổ chức trên những cánh đồng hoặc khu đất rộng. Cày ruộng là nghi thức quan trọng trong lễ hội, sau đó có các trò chơi dân gian như: tung còn, kéo co, đẩy gậy,...

Ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ còn có nhiều lễ hội nổi tiếng khác như: lễ hội Đền Hùng (tỉnh Phú Thọ), lễ hội Xương Giang (tỉnh Bắc Giang),...



▲ Hình 2. Múa khèn trong lễ hội Gầu Tào ở Đồng Văn (tỉnh Hà Giang)



▲ Hình 3. Nghi thức cày ruộng trong lễ hội Lồng Tồng ở Lâm Bình (tỉnh Tuyên Quang)

2. Hát múa dân gian



1. Đọc thông tin và quan sát các hình 4, 5, em hãy giới thiệu nét cơ bản về hát Then, múa Xoè Thái của các dân tộc ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
2. Các loại hình nghệ thuật trên phản ánh điều gì?

Hát Then là một loại hình diễn xướng âm nhạc dân gian của các dân tộc Tày, Nùng, Thái, thường được tổ chức vào những dịp lễ quan trọng.

Thông qua các làn điệu khác nhau của Then, người dân mong muốn những điều may mắn và cuộc sống tốt lành.



▲ Hình 4. Hát Then tại lễ hội Lồng Tồng (tỉnh Lạng Sơn)

Em có biết?

Thực hành Then của người Tày, Nùng, Thái và Nghệ thuật Xoè Thái lần lượt được UNESCO (tên viết tắt của Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá Liên hợp quốc) ghi danh là Di sản văn hoá phi vật thể đại diện của nhân loại vào các năm 2019, 2021.

Xoè là loại hình múa truyền thống đặc sắc của người Thái, được biểu diễn trong các dịp lễ, tết, ngày vui của gia đình, dòng họ, bản mường,... Những điệu xoè chứa đựng ước mơ, khát vọng và là niềm tự hào của người Thái.



▲ Hình 5. Múa Xoè cộng đồng của người Thái ở Yên Châu (tỉnh Sơn La)

3. Chợ phiên vùng cao



Đọc thông tin và quan sát các hình 6, 7, em hãy mô tả cảnh chợ phiên ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Chợ phiên ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ thường họp vào những ngày nhất định.

Hàng hoá phần lớn là những sản phẩm của người dân địa phương, nhiều nhất là hàng thủ công, công cụ sản xuất, một số món ăn đặc trưng như: thắng cố, cơm lam,...



▲ Hình 6. Chợ phiên ở San Thàng (tỉnh Lai Châu)



▲ Hình 7. Khu vực bán gia súc ở chợ phiên Bắc Hà (tỉnh Lào Cai)

Em có biết?

Chợ phiên Bắc Hà nổi tiếng ở vùng Tây Bắc, họp vào Chủ nhật hằng tuần. Là một chợ lớn ở vùng cao, còn giữ được nhiều nét truyền thống của chợ phiên miền núi nên chợ Bắc Hà được nhiều du khách trong và ngoài nước ghé thăm.

Chợ phiên vùng cao còn là nơi giao lưu và gặp gỡ của người dân sau những giờ lao động vất vả, nơi kết bạn của các nam nữ thanh niên.



LUYỆN TẬP

Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện một số nét văn hoá nổi bật ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ (theo gợi ý dưới đây).



VẬN DỤNG

So sánh chợ phiên ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ với chợ nơi em sống hoặc nơi khác.

BÀI 7

ĐỀN HÙNG VÀ LỄ GIỖ TỔ HÙNG VƯƠNG

Sau bài học này, em sẽ:

- Xác định được vị trí của khu di tích Đền Hùng trên bản đồ hoặc lược đồ, thời gian, địa điểm tổ chức lễ giỗ Tổ Hùng Vương hiện nay; đọc được sơ đồ khu di tích, xác định được một số công trình kiến trúc chính trong quần thể di tích Đền Hùng.
- Sử dụng tư liệu lịch sử và văn hoá dân gian để trình bày những nét sơ lược về lễ giỗ Tổ Hùng Vương.
- Kể lại được một số truyền thuyết có liên quan đến Hùng Vương.
- Thể hiện được niềm tự hào về truyền thống dân tộc qua lễ giỗ Tổ Hùng Vương.



KHỞI ĐỘNG

*Dù ai đi ngược về xuôi
Nhớ ngày giỗ Tổ mùng Mười tháng Ba.*

Câu ca dao trên gọi cho em nhớ đến lễ hội nào ở nước ta? Hãy chia sẻ điều em biết về lễ hội này.



KHÁM PHÁ

1. Khu di tích Đền Hùng



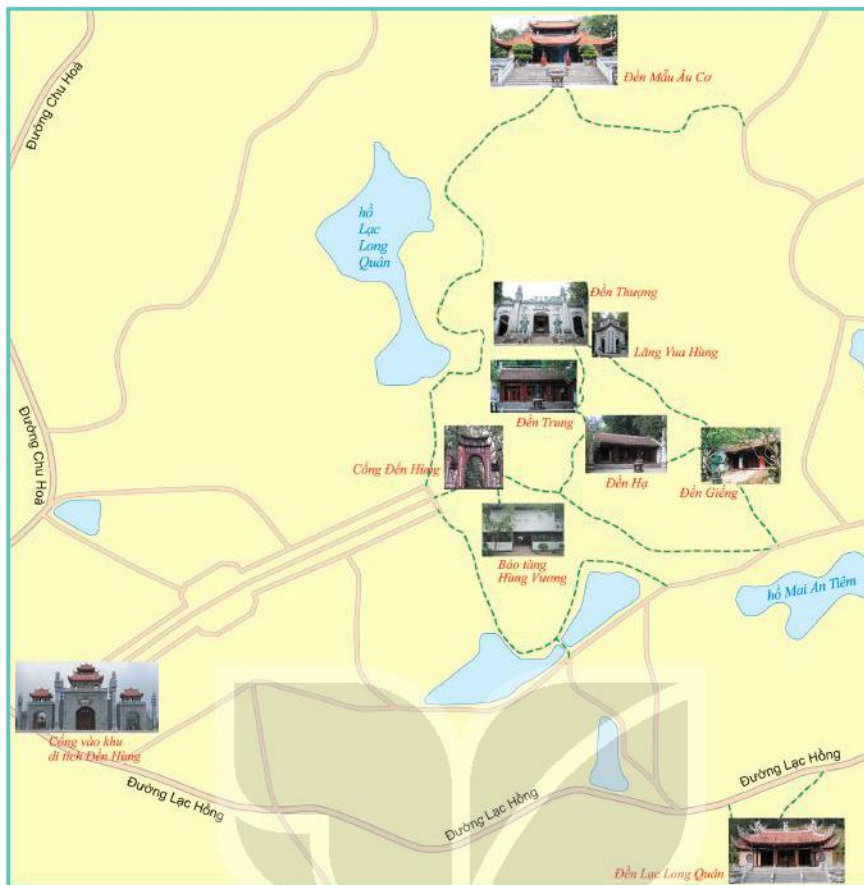
Đọc thông tin và quan sát các hình 1, 2, em hãy:

- Xác định vị trí của khu di tích Đền Hùng trên lược đồ hình 1.
- Kể tên và xác định vị trí một số công trình kiến trúc chính trong khu di tích Đền Hùng trên sơ đồ hình 2.

Khu di tích Đền Hùng chủ yếu thuộc thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Khu di tích gồm: Đền Hạ, Đền Trung, Đền Thượng, lăng Vua Hùng, đền Quốc Tổ Lạc Long Quân, đền Tổ Mẫu Âu Cơ,...



▲ Hình 1. Lược đồ hành chính tỉnh Phú Thọ



▲ Hình 2. Sơ đồ các di tích chính của khu di tích Đền Hùng

2. Lễ giỗ Tổ Hùng Vương



KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Đọc thông tin và quan sát các hình 3, 4, em hãy:

- Cho biết thời gian và địa điểm tổ chức lễ giỗ Tổ Hùng Vương.
- Giới thiệu sơ lược về lễ giỗ Tổ Hùng Vương và nêu ý nghĩa của ngày giỗ Tổ.

Lễ giỗ Tổ Hùng Vương là ngày lễ lớn của dân tộc Việt Nam, được tổ chức vào ngày 10 tháng Ba (âm lịch) hằng năm, nhằm tôn vinh công lao dựng nước của các Vua Hùng.

TU' LIỆU. "Nay phụng mệnh theo Bộ Lễ, chuẩn bị ngày Quốc tế tại miếu Tổ Hùng Vương là ngày mồng Mười tháng Ba".

(Bản dịch bia Hùng miếu điển lệ, bia dựng thời vua Khải Định, nhà Nguyễn)

Ngày nay, lễ giỗ Tổ Hùng Vương được Nhà nước tổ chức theo nghi lễ truyền thống. Nghi thức quan trọng nhất là lễ rước kiệu vua và lễ dâng hương. Đoàn rước kiệu lần lượt đi qua các đền để đến Đền Thượng. Tại đây, lễ dâng hương được tổ chức trang trọng, thể hiện đạo lý uống nước nhớ nguồn. Phần hội có các trò chơi như: thi gói bánh chưng, giã bánh giầy, hát Xoan, đấu vật,...



▲ Hình 3. Nghi lễ rước kiệu



▲ Hình 4. Thi giã bánh giầy

3. Truyền thuyết thời Hùng Vương



Đọc thông tin và các câu chuyện dưới đây, em hãy:

1. Kể tên một số truyền thuyết có liên quan đến thời Hùng Vương.
2. Kể lại một trong hai truyền thuyết theo cách của em.

Thời đại Hùng Vương có nhiều truyền thuyết được lưu truyền đến ngày nay như: *Con Rồng cháu Tiên*; *Bánh chưng, bánh giầy*; *Sơn Tinh, Thủy Tinh*;...



CON RỒNG CHÁU TIÊN

Ngày xưa, ở vùng đất Lạc Việt có vị thần là Lạc Long Quân thuộc nòi Rồng, sống dưới nước, đã kết duyên với nàng Âu Cơ xinh đẹp sống ở núi cao. Ít lâu sau, Âu Cơ sinh ra bọc trăm trứng, nở ra một trăm người con hồng hào, khỏe mạnh.

Một hôm, Lạc Long Quân nói với Âu Cơ rằng: "Ta là nòi Rồng sống dưới nước, nàng là giống Tiên sống ở non cao; nay ta đưa năm mươi con xuống biển, nàng đưa năm mươi con lên núi, chia nhau cai quản các phương, có gì thì tương trợ lẫn nhau".

Âu Cơ và trăm con nghe theo. Người con trưởng theo mẹ, được tôn lên làm vua, lấy hiệu là Hùng Vương, đóng đô ở Phong Châu (Phú Thọ ngày nay), đặt tên nước là Văn Lang. Cũng bởi sự tích này mà về sau người Việt Nam thường nhắc đến nguồn gốc của mình là con Rồng cháu Tiên.

(Theo Tú Anh, *Truyện cổ tích Việt Nam*, NXB Thanh niên, 2002)



▲ Hình 5. Lăng Hùng Vương trong khu di tích Đền Hùng

BÁNH CHUNG, BÁNH GIẤY

Hùng Vương thứ sáu lúc về già muốn truyền ngôi, bèn gọi các con đến và truyền rằng: Ai tìm được lễ vật có ý nghĩa để lễ Tiên vương thì sẽ được truyền ngôi.

Các hoàng tử cho người lên rừng, xuống biển tìm của ngon vật lạ. Riêng Lang Liêu thì rất lo lắng vì chưa biết chuẩn bị lễ vật gì. Một đêm, chàng được thần báo mộng: "Trong Trời, Đất không có gì quý bằng hạt gạo, hãy lấy gạo làm bánh mà lễ Tiên vương".

Tỉnh dậy, Lang Liêu rất vui mừng. Chàng lấy gạo nếp thơm đem vo sạch, dùng đậu xanh, thịt lợn làm nhân, gói trong lá dong thành bánh hình vuông, tượng trưng cho Đất, gọi là bánh chung; vắn gạo ấy đồ thành xôi rồi giã nhuyễn, nặn thành bánh hình tròn, tượng trưng cho Trời, gọi là bánh giầy.

Đến ngày lễ, các hoàng tử mang sơn hào hải vị tiến dâng. Lễ vật của Lang Liêu chỉ có hai thứ bánh. Thấy lạ, vua hỏi và biết ý nghĩa của lễ vật nên chọn những thứ bánh ấy để tế Trời, Đất và Tiên vương. Vua cũng quyết định truyền ngôi cho Lang Liêu. Từ đó, dân ta có tục làm bánh chung, bánh giầy để thờ cúng Trời, Đất, Tổ tiên.

(Theo Nguyễn Đồng Chi, Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam, Tập 1, NXB Giáo dục, 2000)



LUYỆN TẬP

Kể lại một truyền thuyết có liên quan đến thời Hùng Vương mà em thích theo một trong các hình thức sau: đóng vai, kể chuyện bằng tranh,...



VẬN DỤNG

Ngày 10 tháng Ba (âm lịch) hằng năm được chọn là ngày Quốc lễ giỗ Tổ Hùng Vương. Điều đó thể hiện truyền thống tốt đẹp nào của dân tộc?

Chủ đề 3 ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ

Bài 8

THIÊN NHIÊN VÙNG ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ

Sau bài học này, em sẽ:

- Xác định được vị trí địa lí của vùng Đồng bằng Bắc Bộ trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Nêu được một trong những đặc điểm thiên nhiên (ví dụ: địa hình, sông ngòi,...) của vùng Đồng bằng Bắc Bộ.
- Trình bày được một số thuận lợi và khó khăn của địa hình, sông ngòi đối với sản xuất và đời sống ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.
- Đưa ra được một số biện pháp bảo vệ thiên nhiên ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.



KHỞI ĐỘNG

Hãy mô tả những điều em quan sát được về thiên nhiên ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ qua hình 1.



▲ Hình 1. Một góc vùng Đồng bằng Bắc Bộ



KHÁM PHÁ

1. Vị trí địa lí



Đọc thông tin và quan sát hình 2, em hãy:

- Xác định vị trí của vùng Đồng bằng Bắc Bộ trên lược đồ.
- Kể tên những vùng tiếp giáp với vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

Vùng Đồng bằng Bắc Bộ được bồi đắp bởi phù sa của hệ thống sông Hồng và sông Thái Bình. Vùng này tiếp giáp với vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, vùng Duyên hải miền Trung và vịnh Bắc Bộ.

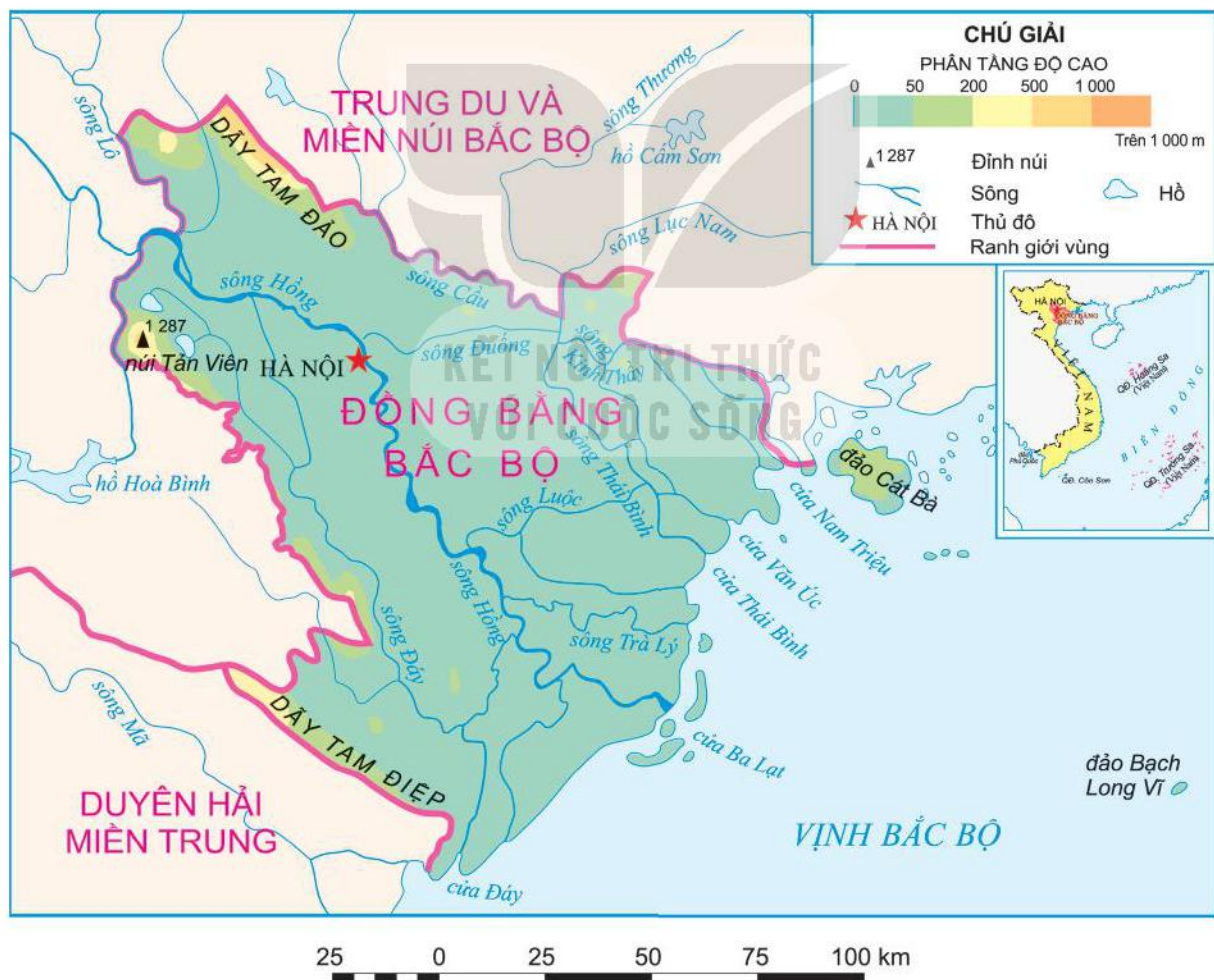
2. Đặc điểm thiên nhiên

a) Địa hình



Đọc thông tin và quan sát hình 2, em hãy nêu đặc điểm địa hình của vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

Địa hình vùng Đồng bằng Bắc Bộ tương đối bằng phẳng, độ cao trung bình dưới 25 m. Đồng bằng có dạng hình tam giác và vẫn tiếp tục mở rộng về phía biển.



Hình 2. *Lược đồ địa hình vùng Đồng bằng Bắc Bộ*

b) Khí hậu



Đọc thông tin, em hãy cho biết:

- Nhiệt độ và lượng mưa trung bình năm của vùng Đồng bằng Bắc Bộ.
- Các mùa trong năm của vùng.

Vùng Đồng bằng Bắc Bộ có khí hậu nhiệt đới gió mùa, với nhiệt độ trung bình năm trên 23°C. Mùa đông lạnh, ít mưa. Mùa hạ nóng, mưa nhiều. Lượng mưa trung bình năm từ 1 600 mm đến 1 800 mm.

c) Sông ngòi



Đọc thông tin và quan sát hình 2, em hãy kể tên và xác định trên lược đồ một số sông lớn ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.



Vùng Đồng bằng Bắc Bộ có hệ thống sông Hồng và sông Thái Bình với nhiều nhánh là sông Đáy, sông Đuống, sông Luộc, sông Trà Lý,... toả khắp vùng. Hệ thống sông cung cấp cho vùng lượng nước và phù sa lớn.

▲ Hình 3. Đoạn sông Đáy chảy qua tỉnh Hà Nam

d) Đất và sinh vật



Đọc thông tin và quan sát các hình 4, 5, em hãy:

- Cho biết tên loại đất chính ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.
- Nêu đặc điểm của sinh vật tự nhiên ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

Vùng Đồng bằng Bắc Bộ chủ yếu là đất phù sa màu mỡ. Ở ven biển, đất phèn, đất mặn ít màu mỡ hơn.

Sinh vật tự nhiên của vùng rất phong phú nhưng chịu tác động mạnh mẽ bởi con người. Hiện nay, nhiều loài động, thực vật tự nhiên được bảo vệ trong các khu bảo tồn thiên nhiên (vườn quốc gia và khu dự trữ sinh quyển,...).



▲ **Hình 4.** Động, thực vật ở Vườn quốc gia Cúc Phương (tỉnh Ninh Bình)



▲ **Hình 5.** Rừng ngập mặn ở Vườn quốc gia Xuân Thủy (tỉnh Nam Định)

3. Một số thuận lợi và khó khăn của vùng Đồng bằng Bắc Bộ



Đọc thông tin, em hãy nêu những thuận lợi và khó khăn của vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

Đồng bằng Bắc Bộ có vị trí địa lí thuận lợi cho việc giao lưu, trao đổi hàng hoá với các vùng khác. Địa hình của vùng bằng phẳng thuận lợi cho giao thông, sinh hoạt và sản xuất của người dân. Vùng có hệ thống sông ngòi dày đặc cung cấp nước cho sinh hoạt và sản xuất, phát triển giao thông đường thủy.

Tuy nhiên, vào mùa đông nhiệt độ của vùng xuống thấp, ảnh hưởng đến sự sinh trưởng của cây trồng, vật nuôi và sức khoẻ của con người. Vào mùa hạ, mưa nhiều, nước sông dâng cao, thường gây ra ngập lụt.

4. Bảo vệ thiên nhiên vùng Đồng bằng Bắc Bộ



Đọc thông tin và quan sát các hình 6, 7, em hãy cho biết một số biện pháp để bảo vệ thiên nhiên ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

Thiên nhiên ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ đang có một số vấn đề cần quan tâm là: đất bạc màu, nguồn nước ô nhiễm, sinh vật tự nhiên bị suy giảm,... Hiện nay, biến đổi khí hậu càng làm gia tăng những tác động tiêu cực tới thiên nhiên của vùng.

Để bảo vệ thiên nhiên và ứng phó với biến đổi khí hậu cần thực hiện đồng thời nhiều biện pháp. Một số biện pháp là: sử dụng phân bón hữu cơ, xử lí nước thải, phân loại rác và bỏ rác đúng nơi quy định, trồng cây, thành lập các khu bảo tồn thiên nhiên, giáo dục và tuyên truyền bảo vệ thiên nhiên,...



▲ Hình 6. Phân loại rác thải và bỏ rác đúng nơi quy định



▲ Hình 7. Trồng rừng ngập mặn ven biển



LUYỆN TẬP

Hoàn thành bảng sau vào vở:

ĐẶC ĐIỂM, ẢNH HƯỞNG CỦA TỰ NHIÊN
VÙNG ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ ĐỐI VỚI ĐỜI SỐNG VÀ SẢN XUẤT

Yếu tố tự nhiên	Đặc điểm	Ảnh hưởng
Địa hình	?	?
Khí hậu	?	?
Sông ngòi	?	?



VẬN DỤNG

Tìm hiểu và giới thiệu về một con sông ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

Bài 9

DÂN CƯ VÀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ

Sau bài học này, em sẽ:

- Kể được tên một số dân tộc ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.
- Nhận xét và giải thích được ở mức độ đơn giản sự phân bố dân cư ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ thông qua bản đồ hoặc lược đồ phân bố dân cư.
- Mô tả được một số hoạt động sản xuất truyền thống (trồng lúa nước, nghề thủ công,...) ở Đồng bằng Bắc Bộ; Mô tả được một hệ thống đê và nêu được vai trò của đê điều trong trị thủy.



KHỞI ĐỘNG

Những câu thơ sau giúp em liên tưởng đến hoạt động sản xuất nào ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ?

*"Hạt gạo làng ta
Có vị phù sa
Của sông Kinh Thầy"*

(Trần Đăng Khoa, *Hạt gạo làng ta*, in trong *Góc sân và khoảng trời*, NXB Kim Đồng, 2017)



KHÁM PHÁ

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

1. Dân cư

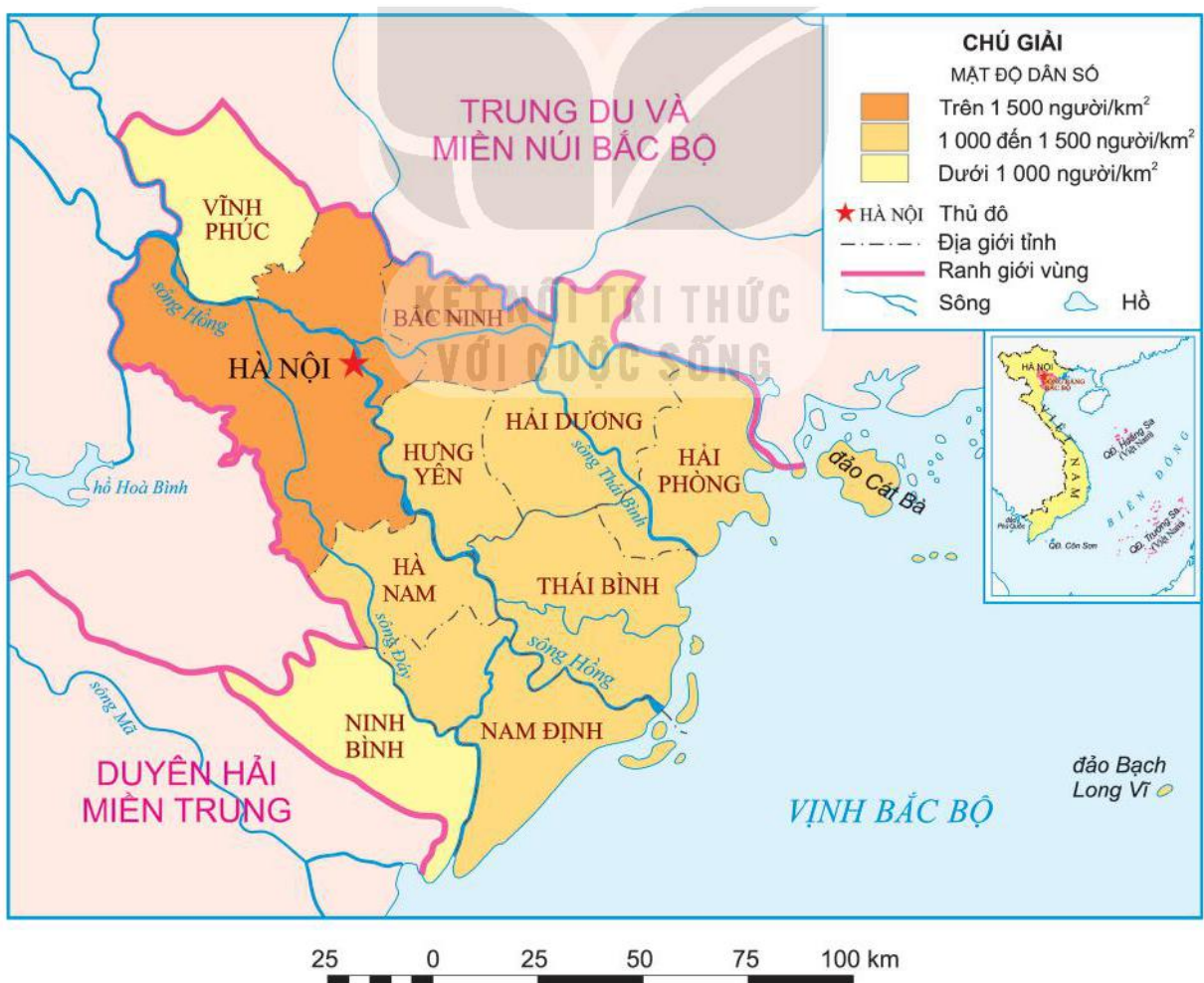


1. Đọc thông tin, em hãy kể tên một số dân tộc ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.
2. Quan sát hình 2 và đọc thông tin, em hãy:
 - Nhận xét sự phân bố dân cư của vùng Đồng bằng Bắc Bộ.
 - Giải thích vì sao vùng Đồng bằng Bắc Bộ có dân cư tập trung đông đúc nhất cả nước.

Đồng bằng Bắc Bộ là vùng đông dân, số dân của vùng là hơn 21 triệu người (năm 2020). Do điều kiện tự nhiên thuận lợi cho sinh sống, giao thông và sản xuất nên vùng có dân cư tập trung đông đúc nhất nước ta. Dân cư ở đây chủ yếu là người Kinh và một số dân tộc khác như Mường, Sán Dìu,...



▲ **Hình 1.** Một khu vực dân cư ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ



▲ **Hình 2.** Lược đồ mật độ dân số theo tỉnh hoặc thành phố ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ năm 2020

2. Một số hoạt động sản xuất truyền thống

a) Trồng lúa nước



1. Đọc thông tin, em hãy cho biết những điều kiện thuận lợi để phát triển hoạt động trồng lúa nước ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.
2. Quan sát hình 3, em hãy kể tên một số công việc phải làm khi trồng lúa nước.

Trồng lúa nước là hoạt động sản xuất nông nghiệp truyền thống ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ do có đất đai màu mỡ, nguồn nước dồi dào, người dân giàu kinh nghiệm sản xuất. Đây là vùng trồng lúa lớn thứ hai của nước ta.

Em có biết?

Ngoài trồng lúa nước, vùng Đồng bằng Bắc Bộ còn trồng nhiều loại rau màu, cây ăn quả và chăn nuôi gia súc, gia cầm, nuôi trồng thủy sản.



a) Làm đất



b) Cấy lúa



c) Chăm sóc lúa



d) Thu hoạch lúa

▲ Hình 3. Một số công việc trong trồng lúa nước

b) Nghề thủ công truyền thống



Đọc thông tin và quan sát hình 4, em hãy:

- Kể tên một số nghề thủ công truyền thống ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.
- Mô tả một số nghề thủ công truyền thống ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

Vùng Đồng bằng Bắc Bộ có nhiều nghề thủ công truyền thống. Những nơi nghề thủ công phát triển mạnh đã tạo thành các làng nghề, chuyên làm một loại hàng thủ công: làng Bát Tràng (Hà Nội) chuyên làm gốm, làng Đại Bái (Bắc Ninh) chuyên đúc đồng, làng Văn Lâm (Ninh Bình) chuyên thêu ren, làng Đồng Xâm (Thái Bình) chuyên chạm bạc, ... Các sản phẩm thủ công truyền thống được sử dụng rộng rãi trong đời sống hằng ngày và xuất khẩu ra nhiều nước trên thế giới.

Một sản phẩm thủ công truyền thống được tạo thành qua nhiều công đoạn khác nhau. Gốm, sứ là các sản phẩm thủ công truyền thống được tạo nên từ đất sét, trải qua quá trình phơi sấy, nung và tráng men. Đúc đồng là nghề đòi hỏi người thợ phải có tay nghề cao, khéo léo từ khâu tạo mẫu đến hoàn thiện sản phẩm.



a) Đồ gốm, sứ Bát Tràng



b) Đồ đồng Đại Bái

▲ Hình 4. Một số sản phẩm thủ công ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ

3. Hệ thống đê ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ



Đọc thông tin và quan sát hình 5, em hãy:

- Mô tả hệ thống đê sông Hồng.
- Nêu vai trò của hệ thống đê ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

Để ngăn lũ lụt và có thể trồng lúa nhiều vụ trong năm, người dân vùng Đồng bằng Bắc Bộ đã đắp đê dọc hai bên bờ sông và kè đê kiên cố.

Đê sông Hồng là hệ thống đê lớn nhất nước ta với chiều dài hàng nghìn ki-lô-mét. Đê được đắp bằng đất thành những đường cao, to dọc hai bên bờ sông. Ngày nay, phần lớn mặt đê đã được trải nhựa hoặc bê tông và nâng cấp để kiên cố hơn.



▲ Hình 5. Một đoạn đê sông Hồng



LUYỆN TẬP

Chọn ý ở cột A sao cho phù hợp với ý ở cột B để tạo thành thông tin hoàn chỉnh và ghi kết quả vào vở.

A	B
1. Người dân ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ chủ yếu là	a) vùng trồng lúa lớn thứ hai cả nước.
2. Dân cư tập trung đông đúc ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ do	b) chàm bạc, đúc đồng, dệt lụa, làm gốm,...
3. Đồng bằng Bắc Bộ là	c) hạn chế ngập lụt và có thể trồng cây nhiều vụ trong năm.
4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ có nhiều nghề thủ công truyền thống như:	d) dân tộc Kinh.
5. Hệ thống đê giúp vùng Đồng bằng Bắc Bộ	e) điều kiện tự nhiên thuận lợi cho sinh sống và sản xuất.



VẬN DỤNG

Sưu tầm hình ảnh về một sản phẩm thủ công truyền thống ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ và chia sẻ với các bạn.

BÀI 10

MỘT SỐ NÉT VĂN HOÁ Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ

Sau bài học này, em sẽ:

- Mô tả được một số nét văn hoá ở làng quê vùng Đồng bằng Bắc Bộ.



KHỞI ĐỘNG

Quan sát bức tranh dưới đây và dựa vào hiểu biết của em, hãy giới thiệu một số nét văn hoá tiêu biểu ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.



▲ Hình 1. Một cảnh làng quê truyền thống vùng Đồng bằng Bắc Bộ (tranh vẽ của họa sĩ Trần Nguyên)



KHÁM PHÁ

1. Làng quê truyền thống



Đọc thông tin và quan sát các hình từ 2 đến 4, em hãy mô tả một số nét văn hoá nổi bật của làng quê truyền thống ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

Ở các làng quê truyền thống Bắc Bộ thường có lũy tre xanh, cổng làng, cây đa, giếng nước, sân đình. Một số làng còn có đền, chùa, miếu,...

Cổng làng là cửa ngõ ra vào làng, là nơi người dân dừng nghỉ chân, hóng mát, cũng là nơi trẻ em tụ tập, cùng vui đùa,...

Cây đa tạo bóng mát thường được trồng ở đầu làng, cuối làng hoặc ở vị trí trung tâm, bên cạnh các di tích lịch sử – văn hoá.



▲ Hình 2. Cổng làng Đường Lâm (thành phố Hà Nội)



▲ Hình 3. Giếng nước ở Hoa Lư (tỉnh Ninh Bình)

Giếng làng trước đây là nơi cung cấp nguồn nước sinh hoạt chính cho dân làng.



▲ Hình 4. Đình làng Đình Bảng (tỉnh Bắc Ninh)

Đình là nơi thờ Thành hoàng, thường được xây dựng ở vị trí trung tâm. Sân đình là nơi diễn ra các sinh hoạt văn hoá chung của làng.

2. Nhà ở



Đọc thông tin và quan sát các hình 5, 6, em hãy:

- Mô tả nét chính về nhà ở truyền thống của người dân vùng Đồng bằng Bắc Bộ.
- Cho biết điểm khác nhau giữa nhà ở hiện nay với nhà ở truyền thống của người dân vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

Trước đây, người dân vùng Đồng bằng Bắc Bộ thường ở trong những ngôi nhà được đắp bằng đất hoặc xây bằng gạch, mái lợp lá hoặc ngói. Nhà thường có ba gian. Gian chính là nơi thờ cúng và tiếp khách. Hai gian bên gọi là buồng, dùng làm phòng ngủ hoặc chứa thóc, gạo, đồ dùng,...

Ngày nay, nhà ở của người dân có sự thay đổi theo hướng hiện đại và tiện nghi hơn.



▲ Hình 5. Nhà ở truyền thống vùng Đồng bằng Bắc Bộ



▲ Hình 6. Nhà ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ hiện nay

3. Lễ hội



Đọc thông tin và quan sát các hình 7, 8, em hãy:

- Kể tên một số lễ hội tiêu biểu ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.
- Giới thiệu một số nét chính về lễ hội truyền thống ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

Đồng bằng Bắc Bộ nổi tiếng với nhiều lễ hội lớn như: hội Lim, hội chùa Hương, hội Gióng, lễ hội Phủ Giày,... Các lễ hội thường được tổ chức vào mùa xuân để cầu cho mọi người được mạnh khỏe, mùa màng bội thu,...

Trong các lễ hội, người dân mặc trang phục truyền thống, tổ chức tế lễ và nhiều hoạt động vui chơi, giải trí như: đánh đu, đấu vật, kéo co, cờ người,...



▲ Hình 7. Hát Quan họ trong hội Lim (tỉnh Bắc Ninh)



▲ Hình 8. Trò chơi cờ người trong lễ hội Cổ Loa (thành phố Hà Nội)



LUYỆN TẬP

Lập và hoàn thành bảng (theo gợi ý dưới đây) về một số nét văn hoá tiêu biểu của làng quê vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

Một số nét văn hoá	Đặc điểm
Làng quê truyền thống	?
Nhà ở	?
Lễ hội	?



VẬN DỤNG

Sưu tầm tranh ảnh về làng quê ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ ngày nay và giới thiệu với thầy, cô giáo và các bạn.

Sau bài học này, em sẽ:

- Xác định được sông Hồng trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Kể được một số tên gọi khác của sông Hồng.
- Sưu tầm, sử dụng tư liệu lịch sử (tranh ảnh, đoạn trích tư liệu,...), trình bày được một số thành tựu tiêu biểu của văn minh sông Hồng.
- Mô tả được một số nét cơ bản về đời sống vật chất và tinh thần của người Việt cổ thông qua quan sát một số hình ảnh về cuộc sống của người Việt cổ trong hoa văn trên trống đồng Đông Sơn, kết hợp với một số truyền thuyết.
- Đề xuất được ở mức độ đơn giản một số giải pháp để giữ gìn và phát huy giá trị của sông Hồng.



KHỞI ĐỘNG

Em có biết sông Hồng bắt nguồn từ đâu? Sông Hồng chảy qua những tỉnh, thành phố nào ở nước ta?



Hình 1. Sông Hồng – đoạn chảy qua thành phố Hà Nội



KHÁM PHÁ

1. Vị trí và tên gọi sông Hồng



Dựa vào bản đồ địa hình phần đất liền Việt Nam ở Bài 1, trang 7 và thông tin, em hãy:

- Xác định vị trí sông Hồng trên bản đồ.
- Kể một số tên gọi khác của sông Hồng.

Sông Hồng bắt nguồn từ Trung Quốc, phần chảy trên lãnh thổ Việt Nam dài khoảng 556 km, từ huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai và đổ ra biển ở cửa Ba Lạt – ranh giới giữa tỉnh Thái Bình và tỉnh Nam Định.

Sông Hồng còn có nhiều tên gọi khác như: Nhị Hà, Hồng Hà, sông Xích Đằng, sông Kê Chợ, sông Cái,...

2. Văn minh sông Hồng

a) Thành tựu tiêu biểu của văn minh sông Hồng



Đọc thông tin và quan sát các hình 2, 3, em hãy trình bày một số thành tựu tiêu biểu của văn minh sông Hồng.

Cách ngày nay khoảng 2 700 năm, trên lưu vực sông Hồng, sông Mã, sông Cả đã hình thành nền văn minh đầu tiên của người Việt cổ.

Một số thành tựu tiêu biểu của nền văn minh sông Hồng là sự ra đời của Nhà nước Văn Lang và Nhà nước Âu Lạc, trống đồng Đông Sơn, thành Cổ Loa,...

Đứng đầu Nhà nước Văn Lang là Hùng Vương, đứng đầu Nhà nước Âu Lạc là An Dương Vương; giúp việc cho vua có Lạc hầu, Lạc tướng.

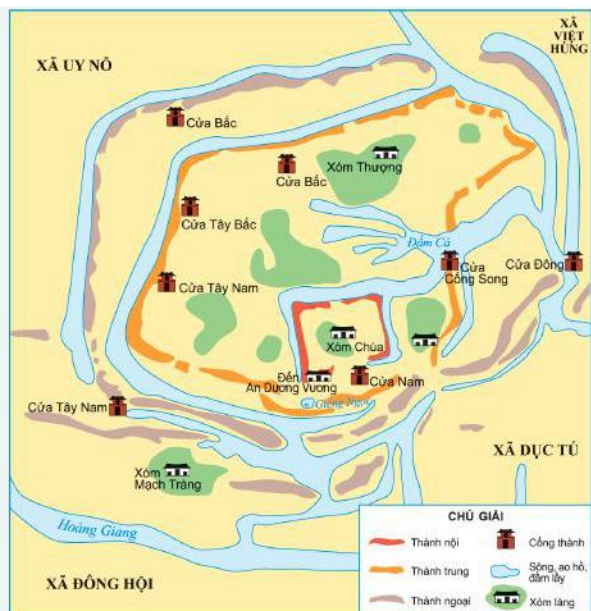
Trống đồng Đông Sơn được phát hiện lần đầu tiên tại huyện Đông Sơn (tỉnh Thanh Hoá).

Trống đồng Đông Sơn có nhiều loại, đẹp nhất là trống đồng Ngọc Lũ (tỉnh Hà Nam). Trống đồng là nhạc cụ, thường được sử dụng trong các lễ hội.



▲ Hình 2. Trống đồng Ngọc Lũ

Thành Cổ Loa (nay thuộc huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội), có ba vòng khép kín là thành nội, thành trung và thành ngoại.



▲ Hình 3. Sơ đồ khu di tích Cổ Loa ngày nay

b) Đời sống của người Việt cổ



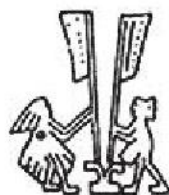
1. Đọc thông tin và quan sát hình 4, em hãy mô tả một số nét chính về đời sống vật chất và tinh thần của người Việt cổ.
2. Câu chuyện *Bánh chưng, bánh giầy* ở Bài 7, trang 35 cho em biết điều gì về đời sống vật chất và tinh thần của người Việt cổ?

• Đời sống vật chất

Nguồn lương thực chính của cư dân Việt cổ là gạo, chủ yếu là gạo nếp. Người Việt cổ ở nhà sàn, đi lại chủ yếu bằng thuyền. Nam thường đóng khố, cởi trần; nữ mặc váy và áo yếm. Họ biết trồng dâu, nuôi tằm, dệt vải, làm thủy lợi,...



a) Hình thuyền



b) Hình người gặt gạo



c) Hình người thổi kèn, nhảy múa



d) Hình nhà sàn mái cong

▲ **Hình 4.** Đời sống của người Việt cổ được khắc họa qua hoa văn trên trống đồng Ngọc Lũ

• Đời sống tinh thần

Cư dân Việt cổ có tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, thờ các vị thần như: thần Sông, thần Núi,... Họ có tục nhuộm răng đen, ăn trầu,... Vào những ngày hội, mọi người thường hoá trang, vui chơi, nhảy múa,...

3. Gìn giữ và phát huy giá trị của sông Hồng



Đọc thông tin và quan sát các hình 5, 6, em hãy đề xuất một số biện pháp để góp phần gìn giữ và phát huy giá trị của sông Hồng.

Sông Hồng mang lại nhiều lợi ích cho sản xuất và đời sống của con người.



▲ Hình 5. Cánh đồng lúa (tỉnh Thái Bình)



▲ Hình 6. Du lịch trên sông Hồng (thành phố Hà Nội)

Tuy nhiên, hiện nay, sông Hồng cũng đang phải chịu những tác động do tự nhiên và con người gây ra, như: nguồn nước bị ô nhiễm, sạt lở bờ sông,... Vì vậy, chúng ta cần khai thác hợp lý, bảo vệ môi trường, tuyên truyền mọi người chung tay bảo vệ nguồn nước sông Hồng,...



LUYỆN TẬP

1. Lập và hoàn thành bảng mô tả (theo gợi ý dưới đây) về đời sống vật chất và tinh thần của người Việt cổ.

Đời sống của người Việt cổ		Biểu hiện
Đời sống vật chất	Thức ăn (lương thực)	?
	Nhà ở	?
	Trang phục	?
	Phương tiện đi lại	?
Đời sống tinh thần	Tín ngưỡng	?
	Phong tục, tập quán	?

2. Giới thiệu một câu chuyện dân gian về đời sống của người Việt cổ. Câu chuyện đó giúp em biết điều gì về đời sống của con người thời kì đó?



VẬN DỤNG

Em hãy tìm hiểu và kể tên một số phong tục, tập quán của người Việt cổ còn được lưu giữ đến ngày nay.

Sau bài học này, em sẽ:

- Xác định được vị trí địa lí của Thăng Long – Hà Nội trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Nêu được một số tên gọi khác của Thăng Long – Hà Nội.
- Nêu được đặc điểm tự nhiên của Thăng Long thể hiện ở *Chiếu dời đô* của Lý Công Uẩn.
- Trình bày được một số nét chính về lịch sử Thăng Long – Hà Nội qua tư liệu tranh ảnh, câu chuyện lịch sử.
- Sử dụng các nguồn tư liệu lịch sử và địa lí, nêu được Hà Nội là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục quan trọng của Việt Nam.
- Thể hiện được ý thức giữ gìn và phát huy truyền thống văn hoá của Thăng Long – Hà Nội.



KHỞI ĐỘNG

Hình dưới đây gợi cho em liên tưởng đến sự tích nào gắn với Hà Nội? Hãy chia sẻ những hiểu biết của em về Hà Nội.



▲ Hình 1. Một cảnh trong vở múa rối nước



KHÁM PHÁ

1. Vị trí và tên gọi Thăng Long – Hà Nội



1. Đọc thông tin và quan sát hình 2, em hãy xác định vị trí địa lí của Thăng Long – Hà Nội trên lược đồ.
2. Dựa vào hình 3, hãy kể các tên gọi khác nhau của Thăng Long – Hà Nội.



▲ Hình 2. Lược đồ hành chính thành phố Hà Nội

Hà Nội nằm ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ, tiếp giáp với nhiều tỉnh.

Năm 1010, vua Lý Thái Tổ dời đô từ Hoa Lư (Ninh Bình) về thành Đại La (Hà Nội) và đổi tên là Thăng Long. Từ đó, nơi đây là kinh đô của các triều đại Lý, Trần, Hậu Lê. Ngày nay, Hà Nội là Thủ đô của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Em có biết?

- Trong dân gian còn lưu truyền nhiều tên gọi khác của Thăng Long – Hà Nội, như: Tràng An, Kẻ Chợ, Hà Thành,...
- Sử chép, khi thuyền vua ra đến Đại La, tạm đỗ dưới chân thành, thấy có rồng vàng hiện lên, nhân đó đổi tên là thành Thăng Long, nghĩa là "Rồng bay lên".



▲ Hình 3. Tên gọi Thăng Long – Hà Nội qua các thời kì lịch sử

2. Lịch sử Thăng Long – Hà Nội



1. Em hãy nêu một số đặc điểm tự nhiên của Thăng Long qua *Chiếu dời đô*.
2. Đọc thông tin và quan sát các hình từ 4 đến 8, em hãy:
 - Nêu một số sự kiện tiêu biểu gắn với lịch sử Thăng Long – Hà Nội.
 - Kể một câu chuyện liên quan đến Thăng Long – Hà Nội mà em ấn tượng nhất.

TƯ LIỆU. Thành Đại La "ở giữa khu vực trời đất, được thế rồng cuộn hổ ngồi, chính giữa nam bắc đông tây, tiện nghi núi sông sau trước. Vùng này mặt đất rộng mà bằng phẳng, thế đất cao mà sáng sủa, dân cư không khổ thấp trũng tối tăm, muôn vật hết sức tươi tốt, phồn thịnh...".

(Theo Ngô Sĩ Liên và các sử thần nhà Lê, trích *Chiếu dời đô* trong *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập I, NXB Khoa học xã hội, 1998)



▲ **Hình 4.** Đền Quán Thánh trấn giữ phía bắc

Thăng Long – Hà Nội là mảnh đất văn hiến, gắn với những câu chuyện về Thăng Long tứ trấn, truyền thuyết Lê Lợi trả gươm báu cho Rùa Vàng sau khi đánh thắng giặc Minh,...

Thăng Long tứ trấn chỉ bốn ngôi đền thờ bốn vị thần trấn giữ bốn phía đông, tây, nam, bắc của Hà Nội, gồm: đền Bạch Mã, đền Voi Phục, đền Kim Liên và đền Quán Thánh.



Câu chuyện
Lịch sử

SỰ TÍCH HỒ GƯƠM



▲ **Hình 5.** Hồ Gươm ở Hà Nội ngày nay

Một lần, vua Lê Thái Tổ ngự trên thuyền rồng dạo quanh hồ Tả Vọng. Khi thuyền rồng tiến ra giữa hồ, bỗng Rùa Vàng nổi lên mặt nước, tiến về phía thuyền vua và nói: "Xin bệ hạ trả gươm lại cho Long Quân!". Nghe vậy, nhà vua liền rút thanh gươm trả lại cho Rùa Vàng. Rùa ngậm thanh gươm và lặn xuống mặt nước biến mất. Từ đó, hồ Tả Vọng mang tên là Hồ Gươm hay hồ Hoàn Kiếm.

(Theo Nguyễn Đồng Chi,
Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam, Sđd)

Hà Nội cũng là nơi diễn ra nhiều sự kiện lịch sử quan trọng: cuộc chiến đấu chống Pháp bảo vệ thành Hà Nội dưới sự lãnh đạo của Hoàng Diệu, Bác Hồ đọc *Tuyên ngôn Độc lập* tại Quảng trường Ba Đình, trận "Điện Biên Phủ trên không",...



▲ Hình 6. Chân dung Tổng đốc Hoàng Diệu

Năm 1882, thực dân Pháp tiến đánh Bắc Kỳ lần thứ hai. Tại thành Hà Nội, nhân dân ta đã anh dũng chống Pháp xâm lược dưới sự lãnh đạo của Tổng đốc Hoàng Diệu. Trong cuộc chiến đấu không cân sức, thành Hà Nội thất thủ, Hoàng Diệu đã soạn một tờ biểu dâng vua rồi tự vẫn để bảo toàn khí tiết.



▲ Hình 7. Bác Hồ đọc Tuyên ngôn Độc lập

Ngày 2 – 9 – 1945, tại Quảng trường Ba Đình, trong cuộc mít tinh có hàng vạn đồng bào tham dự, thay mặt Chính phủ lâm thời, Bác Hồ đọc *Tuyên ngôn Độc lập*, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Cuối tháng 12 – 1972, quân và dân Hà Nội đã anh dũng chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của Mỹ ở miền Bắc trong 12 ngày đêm, làm nên chiến thắng “Điện Biên Phủ trên không”. Chiến thắng này đã buộc Mỹ phải chấm dứt hoàn toàn chiến tranh phá hoại miền Bắc và kí kết Hiệp định Pa-ri (Paris) về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam.



▲ Hình 8. Xác máy bay B52 của Mỹ bị bắn rơi trên phố Hoàng Hoa Thám, Hà Nội (12 – 1972)

3. Thủ đô Hà Nội ngày nay



1. Đọc thông tin và quan sát các hình từ 9 đến 11, em hãy cho biết Hà Nội là trung tâm quan trọng của cả nước ở các lĩnh vực nào?
2. Quan sát hình 12 và cho biết các bạn nhỏ đang làm gì? Việc làm đó có ý nghĩa như thế nào?



▲ Hình 9. Toà nhà Quốc hội Việt Nam



▲ Hình 10. Đại học Bách khoa Hà Nội

Hà Nội là nơi có nhiều di tích lịch sử – văn hoá nhất của cả nước và là nơi lưu giữ nhiều giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc.

Em có biết?

Ngày 16 – 7 – 1999, Hà Nội được UNESCO trao tặng danh hiệu “Thành phố vì hoà bình”.



▲ Hình 11. Bảo tàng Lịch sử quốc gia



▲ Hình 12. Nghệ nhân dạy các bạn nhỏ nặn tò he



LUYỆN TẬP

1. Kể lại một câu chuyện về lịch sử Thăng Long – Hà Nội.
2. Vì sao nói Hà Nội là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục của đất nước?



VẬN DỤNG

Vẽ tranh tuyên truyền về việc bảo vệ di tích lịch sử – văn hoá, danh lam thắng cảnh hoặc giá trị truyền thống của Hà Nội.

BÀI 13

VĂN MIẾU – QUỐC TỬ GIÁM

Sau bài học này, em sẽ:

- Xác định được một số công trình tiêu biểu: Khuê Văn Các, nhà bia Tiến sĩ, Văn Miếu, Quốc Tử Giám trên sơ đồ khu di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám.
- Đọc tư liệu lịch sử, mô tả được kiến trúc và chức năng của một trong các công trình: Văn Miếu, Quốc Tử Giám, nhà bia Tiến sĩ.
- Bày tỏ được cảm nghĩ về truyền thống hiếu học của dân tộc Việt Nam.
- Đề xuất được ở mức độ đơn giản một số biện pháp để giữ gìn các di tích lịch sử.



KHỞI ĐỘNG

Năm 1999, Khuê Văn Các trong khu di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám được chọn là biểu tượng của Thủ đô Hà Nội. Em hãy chia sẻ hiểu biết về công trình kiến trúc này.



▲ Hình 1. Khuê Văn Các



KHÁM PHÁ

1. Tìm hiểu về khu di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám



1. Xác định vị trí của một số công trình kiến trúc tiêu biểu trong khu di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám trên sơ đồ hình 2.
2. Đọc thông tin và quan sát các hình từ 3 đến 5, em hãy:
 - Mô tả kiến trúc, chức năng của một trong những công trình: Văn Miếu, Quốc Tử Giám, nhà bia Tiến sĩ.
 - Nêu ý nghĩa của việc ghi danh những người đỗ tiến sĩ ở Văn Miếu – Quốc Tử Giám.

Khu di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám ở Hà Nội được bắt đầu xây dựng từ thời nhà Lý.



1. Cổng Văn Miếu 2. Khuê Văn Các 3. Nhà bia Tiến sĩ
4. Khu Đại Thành 5. Khu Thái Học

▲ Hình 2. Sơ đồ một số di tích trong khu di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám

Văn Miếu gồm các công trình tiêu biểu: cổng Văn Miếu, Khuê Văn Các, nhà bia Tiến sĩ, khu Đại Thành,... Đây là nơi thờ Khổng Tử và các học trò của ông.

Quốc Tử Giám ở phía sau Văn Miếu, là khu Thái Học gồm nhà Tiền Đường và nhà Hậu Đường. Đây là nơi học tập của các hoàng tử, con gia đình quý tộc, quan lại và những người giỏi trong nước.



▲ Hình 3. Điện Đại Thành

Em có biết?

Ngày nay, nhà Tiền Đường là nơi trưng bày các hiện vật liên quan đến truyền thống hiếu học của dân tộc Việt Nam. Nhà Hậu Đường có hai tầng: tầng một là nơi thờ Chu Văn An; tầng hai là nơi thờ vua Lý Thánh Tông, Lý Nhân Tông, Lê Thánh Tông.



▲ Hình 4. Nhà Tiền Đường

Ở Văn Miếu còn có 82 tấm bia đá khắc tên những người đỗ tiến sĩ thời Hậu Lê và thời Mạc. Việc dựng bia ghi danh những người đỗ đạt nhằm khuyến khích tinh thần hiếu học trong nhân dân.

TỰ LIỆU. “Hiền tài là nguyên khí quốc gia, nguyên khí thịnh thì thể nước mạnh, rồi lên cao, nguyên khí suy thì thể nước yếu, rồi xuống thấp”.

(Theo *Văn bia Hà Nội*, Tập I, NXB Khoa học xã hội, 1978)



▲ **Hình 5.** Bia Tiến sĩ trong khu di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám

Em có biết?

Năm 2010, 82 bia Tiến sĩ được UNESCO ghi danh là Di sản tư liệu thế giới. Năm 2012, khu di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám được công nhận là Di tích quốc gia đặc biệt.

2. Giữ gìn và phát huy giá trị của khu di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám



1. Đọc thông tin và quan sát các hình 6, 7, em hãy kể tên một số hoạt động được tổ chức ở Văn Miếu – Quốc Tử Giám nhằm tôn vinh truyền thống hiếu học của dân tộc.
2. Theo em, cần làm gì để giữ gìn và phát huy giá trị của khu di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám?

Ngày nay, khu di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám là nơi để tìm hiểu và tôn vinh truyền thống hiếu học của dân tộc.



▲ **Hình 6.** Học sinh tham gia cuộc thi Trạng nguyên nhỏ tuổi tại khu di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám



▲ Hình 7. Học sinh tham quan, học tập tại khu di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám

Các công việc bảo tồn, tu bổ, tuyên truyền, quảng bá về khu di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám luôn được chú trọng, nhằm bảo vệ, lưu giữ và phát huy những giá trị đặc sắc của khu di tích này.



LUYỆN TẬP

1. Lập và hoàn thiện bảng (theo gợi ý dưới đây) về các công trình tiêu biểu của khu di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám.

Tên công trình	Chức năng
Văn Miếu	?
Quốc Tử Giám	?
Nhà bia Tiến sĩ	?

2. Đề xuất một số việc nên làm và không nên làm để góp phần gìn giữ và phát huy giá trị của khu di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám.



VẬN DỤNG

Chọn một trong hai nhiệm vụ:

1. Đóng vai hướng dẫn viên du lịch, hãy giới thiệu với bạn về khu di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám.
2. Hãy chia sẻ cảm nghĩ của em về truyền thống hiếu học của dân tộc Việt Nam sau khi tìm hiểu về khu di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám.

Câu 1. Hãy trình bày một số nét chính về địa phương em.

- Tên tỉnh hoặc thành phố.
- Đặc điểm thiên nhiên nổi bật.
- Một số hoạt động sản xuất.
- Một số nét văn hoá đặc sắc.
- Tên một số danh nhân tiêu biểu.

Câu 2. Lựa chọn thông tin cho phù hợp với hai vùng và ghi kết quả vào vở.

1. Địa hình tương đối bằng phẳng

2. Hai hệ thống sông là sông Hồng và sông Thái Bình

3. Nền văn minh của người Việt cổ – văn minh sông Hồng

4. Mạng lưới sông ngòi khá dày đặc, các sông có nhiều thác ghềnh

5. Địa hình chủ yếu là đồi núi. Ngoài ra, còn có một số cao nguyên và vùng trung du

6. Lễ giỗ Tổ Hùng Vương

A. Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ

7. Nhiệt độ trung bình năm trên 23°C. Mùa đông kéo dài khoảng ba tháng với nhiệt độ trung bình dưới 20°C

8. Khu di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám

9. Lễ hội Long Tôm

10. Chợ phiên vùng cao

11. Có mùa đông lạnh nhất cả nước

12. Đền Hùng

B. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ

Câu 3. Hoàn thành bảng sau vào vở:

ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ, HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT VÀ MỘT SỐ NÉT VĂN HOÁ
CỦA VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ
VÀ VÙNG ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ

Đặc điểm \ Vùng	Trung du và miền núi Bắc Bộ	Đồng bằng Bắc Bộ
Dân cư	?	?
Hoạt động sản xuất	?	?
Một số nét văn hoá tiêu biểu	?	?

Câu 4. Xây dựng bảng dự kiến những việc làm của em để góp phần gìn giữ và phát huy giá trị của một danh lam thắng cảnh hoặc một di tích lịch sử – văn hoá ở địa phương em (theo gợi ý dưới đây):

- Tên danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử – văn hoá.
- Những việc làm cụ thể để gìn giữ và phát huy giá trị của danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử – văn hoá.
- Ý nghĩa của những việc làm đó.

Chủ đề 4

DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG

BÀI 15

THIÊN NHIÊN VÙNG DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG

Sau bài học này, em sẽ:

- Xác định được trên bản đồ hoặc lược đồ vị trí địa lí, một số địa danh tiêu biểu (ví dụ: dãy núi Trường Sơn, dãy núi Bạch Mã, đèo Hải Vân, Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng, ...) của vùng Duyên hải miền Trung.
- Quan sát lược đồ hoặc bản đồ, tranh ảnh, trình bày được một trong những đặc điểm thiên nhiên (ví dụ: địa hình, khí hậu, sông ngòi, ...) của vùng Duyên hải miền Trung.
- Nêu được một số tác động của môi trường thiên nhiên đối với đời sống và hoạt động sản xuất trong vùng.
- Đề xuất được ở mức độ đơn giản một số biện pháp phòng, chống thiên tai ở vùng Duyên hải miền Trung.
- Thể hiện được thái độ cảm thông và sẵn sàng có hành động chia sẻ với người dân gặp thiên tai.



KHỞ ĐỘNG

Trường Sơn là dãy núi dài nhất Việt Nam, nơi có con đường Trường Sơn huyền thoại trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc ta và đã đi vào thơ ca, âm nhạc như một niềm tự hào dân tộc.

Em hãy trình bày một câu thơ, câu hát về dãy Trường Sơn mà em biết.



▲ Hình 1. Một phần dãy Trường Sơn (tỉnh Quảng Bình)



KHÁM PHÁ

1. Vị trí địa lí

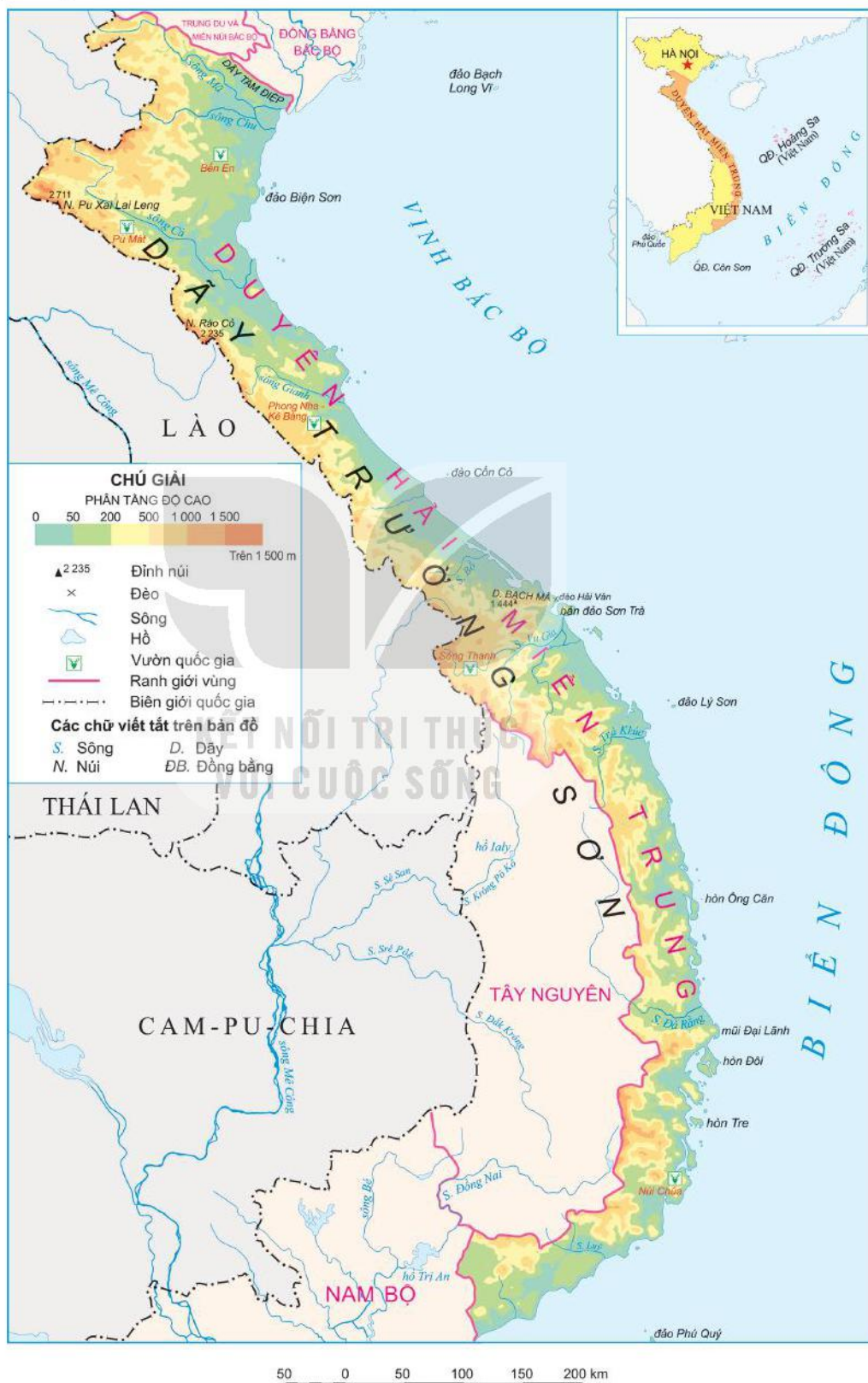


Đọc thông tin và quan sát hình 2, em hãy:

- Xác định vị trí của vùng Duyên hải miền Trung trên lược đồ.
- Đọc tên các vùng, quốc gia tiếp giáp với vùng Duyên hải miền Trung.

Vùng Duyên hải miền Trung là dải đất hẹp ngang, kéo dài từ tỉnh Thanh Hoá đến tỉnh Bình Thuận. Đây là cầu nối giữa vùng lãnh thổ phía bắc và phía nam đất nước.

Vùng Duyên hải miền Trung có nhiều đảo, quần đảo, trong đó có quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa đóng vai trò quan trọng đối với kinh tế và quốc phòng của đất nước.



Hình 2.
Lược đồ địa hình
vùng Duyên hải
miền Trung ▶

2. Đặc điểm thiên nhiên

a) Địa hình



Đọc thông tin và quan sát hình 2, em hãy:

- Xác định trên lược đồ: dãy núi Trường Sơn, dãy núi Bạch Mã, đèo Hải Vân, Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng, quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.
- Nêu đặc điểm của đồng bằng ở vùng Duyên hải miền Trung.

Địa hình vùng Duyên hải miền Trung có sự khác biệt từ tây sang đông. Phía tây là địa hình đồi núi; phía đông là dải đồng bằng nhỏ, hẹp. Ven biển thường có các cồn cát và đầm phá.



▲ Hình 3. Một góc phá Tam Giang (tỉnh Thừa Thiên Huế)

Em có biết?

Đầm phá Tam Giang – Cầu Hai dài khoảng 70 km, diện tích 216 km², thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế. Đây là vùng đầm phá lớn nhất Đông Nam Á với các loài thực vật, động vật rất phong phú và đa dạng.

b) Khí hậu



Đọc thông tin, em hãy cho biết những đặc điểm chính về khí hậu của vùng Duyên hải miền Trung.

Khu vực phía bắc và phía nam dãy núi Bạch Mã có sự khác nhau về nhiệt độ. Phần phía bắc dãy Bạch Mã trong năm thường có một đến hai tháng nhiệt độ dưới 20°C do chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc. Phần phía nam dãy Bạch Mã ít chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc nên nhiệt độ cao quanh năm.

Vào mùa thu – đông, vùng Duyên hải miền Trung thường có mưa lớn và bão. Mùa hạ của vùng ít mưa, ở phía bắc chịu ảnh hưởng của gió Tây Nam khô nóng, ở phía nam thường xảy ra hiện tượng hạn hán.

Em có biết?

Dãy núi Bạch Mã có hướng tây – đông, kéo dài ra đến biển. Dãy núi này tạo thành bức tường tự nhiên chắn gió mùa Đông Bắc thổi từ phía bắc xuống phía nam.

c) Sông ngòi



Đọc thông tin và quan sát hình 2, em hãy:

- Kể tên và chỉ trên lược đồ một số sông ở vùng Duyên hải miền Trung.
- Nêu những đặc điểm chính của sông ngòi ở vùng Duyên hải miền Trung.

Vùng Duyên hải miền Trung có nhiều sông nhưng phần lớn là sông ngắn và dốc. Vào mùa mưa lũ, nước ở các sông lên nhanh, thường gây ra lũ quét, sạt lở đất.

3. Tác động của môi trường thiên nhiên đối với sản xuất và đời sống



Đọc thông tin và quan sát các hình từ 4 đến 7, em hãy:

- Nêu tác động tích cực và tiêu cực của môi trường thiên nhiên đến đời sống và sản xuất của người dân vùng Duyên hải miền Trung.
- Đề xuất một số biện pháp phòng, chống thiên tai ở vùng Duyên hải miền Trung.

Vùng biển rộng, bờ biển kéo dài là điều kiện thuận lợi để vùng Duyên hải miền Trung phát triển hoạt động đánh bắt và nuôi trồng hải sản, giao thông đường biển, du lịch biển, sản xuất muối,...

Các đồng bằng ven biển thích hợp trồng lúa và cây công nghiệp hàng năm (lạc, mía,...), vùng đồi núi phía tây phát triển trồng rừng, trồng cây công nghiệp lâu năm (cà phê, chè,...) và chăn nuôi gia súc.

Trong vùng có nhiều tiềm năng phát triển thủy điện, điện gió, điện mặt trời.



▲ Hình 4. Bờ biển đảo Cù Lao Chàm (tỉnh Quảng Nam)



▲ Hình 5. Nhà máy thủy điện Bản Vẽ (tỉnh Nghệ An)

Vào mùa mưa, vùng Duyên hải miền Trung có mưa lớn và bão, gây ra ngập lụt ở khu vực đồng bằng; lũ quét, sạt lở đất ở khu vực miền núi,... gây thiệt hại về người và tài sản.

Mùa khô, vùng có hiện tượng hạn hán, nhiều nơi thiếu nước cho sinh hoạt và sản xuất.

Ngoài ra, khu vực ven biển còn có hiện tượng cát bay ảnh hưởng đến sinh hoạt và sản xuất của người dân.

Để phòng, chống thiên tai trong vùng, cần thực hiện đồng thời nhiều biện pháp: đẩy mạnh việc trồng và bảo vệ rừng, dự báo thiên tai kịp thời, xây dựng và hoàn thiện hệ thống thủy lợi,...



▲ **Hình 6.** Cánh đồng khô hạn do thiếu nước (tỉnh Ninh Thuận)



▲ **Hình 7.** Trồng rừng chắn cát bay (tỉnh Quảng Bình)



LUYỆN TẬP

Chọn ý ở cột A sao cho phù hợp với ý ở cột B và ghi kết quả vào vở.

A	B
1. Địa hình	a) Đường bờ biển dài và vùng biển rộng mang lại nhiều giá trị kinh tế.
2. Khí hậu	b) Phía tây là vùng đồi núi; phía đông là dải đồng bằng nhỏ, hẹp bị chia cắt bởi các dãy núi lan ra sát biển.
3. Sông ngòi	c) Có sự khác biệt giữa khu vực phía bắc và phía nam dãy Bạch Mã.
4. Biển	d) Có khá nhiều sông ngòi, chủ yếu là sông nhỏ, ngắn và dốc.



VẬN DỤNG

Hãy nêu những việc em có thể làm để chia sẻ khó khăn với các bạn ở vùng Duyên hải miền Trung khi có thiên tai xảy ra.

BÀI 16

DÂN CƯ VÀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT Ở VÙNG DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG

Sau bài học này, em sẽ:

- Kể được tên một số vật dụng chủ yếu có liên quan đến đời sống của người dân ở vùng Duyên hải miền Trung.
- Kể được tên một số bãi biển, cảng biển của vùng Duyên hải miền Trung.
- Nêu được một số hoạt động kinh tế biển ở vùng Duyên hải miền Trung (làm muối, đánh bắt và nuôi trồng hải sản, du lịch biển, giao thông đường biển,...).



KHỞI ĐỘNG

Khi đang học xa nhà, nhà thơ Tế Hanh đã thể hiện nỗi nhớ quê hương Quảng Ngãi – một tỉnh thuộc vùng Duyên hải miền Trung như sau:

*Làng tôi ở vốn làm nghề chài lưới:
Nước bao vây cách biển nửa ngày sông.*

(Tế Hanh, *Quê hương*, in trong *Hoa Niên*,
NXB Hội nhà văn, 1992)

Em hãy cho biết hoạt động kinh tế biển nào được tác giả nhắc đến trong đoạn thơ trên.

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG



KHÁM PHÁ

1. Dân cư

Vùng Duyên hải miền Trung có số dân hơn 20 triệu người (năm 2020). Các dân tộc sinh sống tại đây là Kinh, Chăm, Thái, Mường, Bru – Vân Kiều,...



▲ Hình 1. Người Mường (tỉnh Thanh Hoá)



▲ Hình 2. Người Chăm (tỉnh Ninh Thuận)

Cuộc sống của người dân ở vùng Duyên hải miền Trung có sự gắn bó mật thiết với biển, nhiều vật dụng đã được tạo ra để phục vụ cho hoạt động sản xuất.



Đọc thông tin và quan sát các hình từ 3 đến 5, em hãy kể tên một số vật dụng chủ yếu có liên quan đến đời sống của người dân ở vùng Duyên hải miền Trung.



▲ Hình 3. Làm muối



▲ Hình 4. Đánh bắt cá trên biển



▲ Hình 5. Thuyền thúng

Em có biết?

Thuyền thúng được làm từ tre, có hình như chiếc thúng, là phương tiện đánh bắt thủy sản của ngư dân vùng ven biển miền Trung nước ta. Hiện nay, thuyền thúng còn được sử dụng trong các hoạt động du lịch.

2. Một số hoạt động kinh tế biển



1. Đọc bảng thông tin và quan sát các hình 6, 7, em hãy:
 - Kể tên một số hoạt động kinh tế biển ở vùng Duyên hải miền Trung.
 - Kể tên một số bãi biển và cảng biển ở vùng.
2. Giải thích vì sao vùng Duyên hải miền Trung lại thuận lợi phát triển kinh tế biển.

Vùng Duyên hải miền Trung có đường bờ biển kéo dài khoảng 1 900 km và vùng biển rộng với nhiều đảo, quần đảo, tạo điều kiện để phát triển nhiều hoạt động kinh tế biển.

BẢNG MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ BIỂN Ở VÙNG DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG

Hoạt động kinh tế biển	Điều kiện thuận lợi	Một số địa danh nổi tiếng
Làm muối	– Nước biển mặn – Nhiều nắng	Sa Huỳnh (Quảng Ngãi), Cà Ná (Ninh Thuận),...
Đánh bắt và nuôi trồng hải sản	– Vùng biển rộng, nhiều hải sản – Nhiều đầm phá	Thanh Hoá, Nghệ An, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Ninh Thuận, Bình Thuận,...
Du lịch biển đảo	Nhiều bãi tắm, vịnh biển, đảo có phong cảnh đẹp	Bãi biển: Sầm Sơn (Thanh Hoá), Lăng Cô (Thừa Thiên Huế), Mỹ Khê, Non Nước (Đà Nẵng), Nha Trang (Khánh Hoà),...; các đảo: Cù Lao Chàm (Quảng Nam), Lý Sơn (Quảng Ngãi),...
Giao thông đường biển	– Vùng biển rộng và dài – Nhiều vịnh kín gió	Cảng: Cửa Lò (Nghệ An), Chân Mây (Thừa Thiên Huế), Đà Nẵng (Đà Nẵng), Dung Quất (Quảng Ngãi),...



▲ Hình 6. Bãi biển Nha Trang (tỉnh Khánh Hoà)



▲ Hình 7. Cảng Đà Nẵng (thành phố Đà Nẵng)



LUYỆN TẬP

Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện một số hoạt động kinh tế biển ở vùng Duyên hải miền Trung.



VẬN DỤNG

Sưu tầm thông tin về một vật dụng gắn liền với hoạt động kinh tế biển ở vùng Duyên hải miền Trung và trình bày trước lớp.

BÀI 17

MỘT SỐ NÉT VĂN HOÁ Ở VÙNG DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG

Sau bài học này, em sẽ:

- Xác định được các di sản thế giới ở vùng Duyên hải miền Trung trên bản đồ/lược đồ.
- Trình bày được một số điểm nổi bật về văn hoá vùng Duyên hải miền Trung, có sử dụng tư liệu (tranh ảnh, câu chuyện,...).



KHỞ ĐỘNG

Hình dưới đây là một di sản văn hoá tiêu biểu ở vùng Duyên hải miền Trung. Hãy kể tên một số di sản văn hoá ở vùng đất này mà em biết.



▲ Hình 1. Thánh địa Mỹ Sơn (tỉnh Quảng Nam)



KHÁM PHÁ

1. Vùng đất hội tụ nhiều di sản thế giới



Đọc thông tin và quan sát các hình từ 2 đến 4, em hãy:

- Kể tên và xác định vị trí các di sản thế giới ở vùng Duyên hải miền Trung.
- Nêu những nét nổi bật của di sản văn hoá thế giới ở vùng Duyên hải miền Trung: số lượng, địa bàn phân bố, loại hình di sản,...

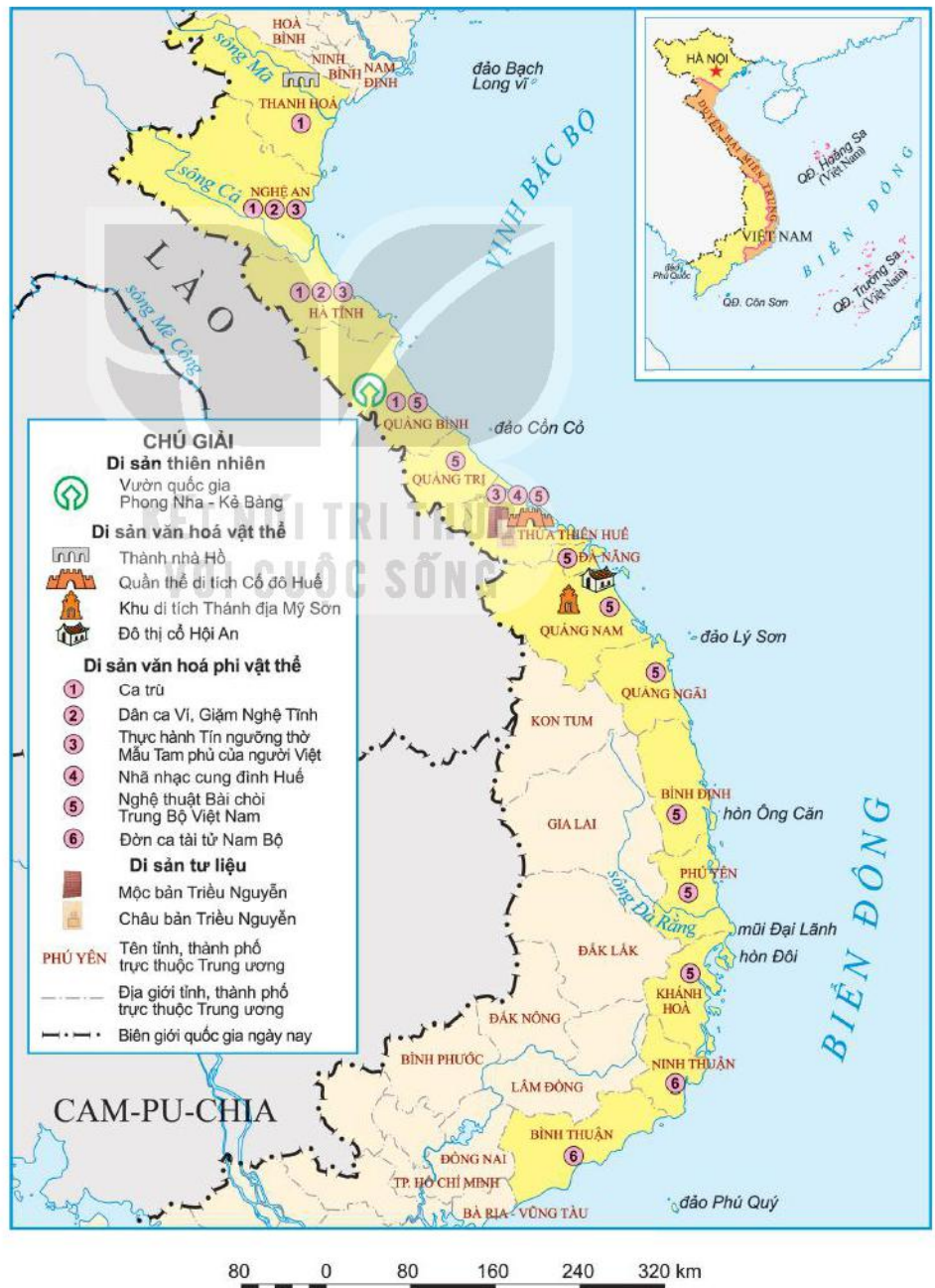
Vùng Duyên hải miền Trung có nhiều di sản thế giới được UNESCO ghi danh như: Phố cổ Hội An, Nhã nhạc cung đình Huế, Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng,...



▲ Hình 2. Hang Sơn Đoòng (tỉnh Quảng Bình)



▲ Hình 3. Biểu diễn Nhã nhạc cung đình Huế



Hình 4. Lược đồ phân bố các di sản thế giới ở vùng Duyên hải miền Trung (tính đến năm 2020) ▶

2. Vùng đất của lễ hội



Đọc thông tin và quan sát các hình từ 5 đến 7, em hãy:

- Kể tên một số lễ hội tiêu biểu ở vùng Duyên hải miền Trung và nêu những nét nổi bật về lễ hội của vùng đất này.
- Nêu cảm nghĩ của em về lễ Khao lề thế lính Hoàng Sa.

Vùng Duyên hải miền Trung nổi tiếng với nhiều lễ hội đặc sắc, nhằm tôn vinh truyền thống và những giá trị văn hoá tốt đẹp của dân tộc.

• Lễ Rước cá Ông

Lễ Rước cá Ông bắt nguồn từ tục thờ cá voi, tương truyền, đây là loài cá thường cứu giúp ngư dân mỗi khi họ gặp nạn trên biển.



▲ Hình 5. Lễ Rước cá Ông ở Quy Nhơn (tỉnh Bình Định)

• Lễ hội Ka-tê

Lễ hội Ka-tê (Kate) của đồng bào Chăm được tổ chức vào khoảng tháng 9 – 10 hằng năm (tháng 7 lịch Chăm) để tưởng nhớ các vị thần và cầu cho cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

Lễ hội diễn ra tại khu đền tháp Chăm. Sau phần lễ trang trọng là phần hội với nhiều trò chơi dân gian như: đội nước vượt chướng ngại vật, đi cà kheo,...



Em có biết?

Năm 2022, lễ hội Ka-tê của người Chăm ở Bình Thuận được đưa vào Danh mục di sản văn hoá phi vật thể quốc gia.

▶ Hình 6. Lễ hội Ka-tê tại tháp Pô Klông Ga-rai (Po Klong Garai) (tỉnh Ninh Thuận)

• Lễ Khao lễ thể lính Hoàng Sa

Cùng với quá trình khai phá vùng đất phía Nam, các chúa Nguyễn đã đặt ra Hải đội Hoàng Sa làm nhiệm vụ đi thuyền đến các đảo thuộc quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa để thu lượm sản vật, từng bước thực thi chủ quyền biển đảo,... Những người đi thực hiện nhiệm vụ trong điều kiện rất khó khăn, khắc nghiệt và chỉ bằng những phương tiện, vật dụng rất thô sơ.

Lễ Khao lễ thể lính Hoàng Sa là một tập tục cổ truyền có từ thời Hải đội Hoàng Sa nhằm tri ân những người đi làm nhiệm vụ và cầu cho họ được bình an trở về,...

Ngày nay, lễ Khao lễ thể lính Hoàng Sa vẫn được duy trì, gồm nhiều hoạt động như: tế lễ cổ truyền, lễ đưa thuyền tứ linh,... nhằm tri ân Hải đội Hoàng Sa năm xưa, đồng thời giáo dục thế hệ trẻ về trách nhiệm giữ gìn biển đảo quê hương.

Em có biết?

Năm 2013, lễ Khao lễ thể lính Hoàng Sa đã được đưa vào Danh mục di sản văn hoá phi vật thể quốc gia.



▲ Hình 7. Một nghi thức trong lễ Khao lễ thể lính Hoàng Sa ở Lý Sơn (tỉnh Quảng Ngãi)



LUYỆN TẬP

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Vẽ sơ đồ tư duy về một số nét nổi bật của văn hoá vùng Duyên hải miền Trung (theo gợi ý dưới đây).



VẬN DỤNG

Làm bộ sưu tập bằng tranh ảnh về một di sản thế giới hoặc một lễ hội ở vùng Duyên hải miền Trung. Chia sẻ với bạn hoặc người thân bộ sưu tập của em.

BÀI 18

CỔ ĐÔ HUẾ

Sau bài học này, em sẽ:

- Xác định được vị trí địa lí của Cố đô Huế trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Mô tả được vẻ đẹp của Cố đô Huế qua hình ảnh sông Hương, núi Ngự và một số công trình tiêu biểu.
- Kể lại được một số câu chuyện lịch sử liên quan đến Cố đô Huế.
- Đề xuất được một số biện pháp để bảo tồn và giữ gìn giá trị của Cố đô Huế.



KHỞI ĐỘNG

Quần thể di tích Cố đô Huế là Di sản văn hoá thế giới đầu tiên của Việt Nam được UNESCO ghi danh. Hãy chia sẻ những điều em biết về di sản này.



▲ Hình 1. Toàn cảnh Kinh thành Huế



KHÁM PHÁ

1. Vẻ đẹp của Cố đô Huế



1. Quan sát hình 2, em hãy xác định vị trí địa lí của Cố đô Huế.
2. Đọc thông tin và quan sát các hình từ 3 đến 5, em hãy mô tả vẻ đẹp của Cố đô Huế.

Quần thể di tích Cố đô Huế thuộc địa phận thành phố Huế và một số vùng phụ cận thành phố Huế.

Hình 2. Lược đồ hành chính tỉnh Thừa Thiên Huế



Cảnh quan thiên nhiên Cố đô Huế được tô điểm bởi vẻ đẹp của dòng sông Hương uốn lượn quanh kinh thành. Núi Ngự Bình nằm cạnh sông Hương, mang vẻ đẹp hùng vĩ mà nên thơ với bốn mùa thông reo, chim hót.



Hình 3. Sông Hương, núi Ngự Bình

Cố đô Huế có nhiều công trình kiến trúc cổ kính như: chùa Thiên Mụ, lăng tẩm của các vị vua Triều Nguyễn, đặc biệt là Kinh thành Huế. Kinh thành gồm ba vòng thành: Kinh thành, Hoàng thành và Tử Cấm thành, có sự kết hợp hài hoà giữa kiến trúc phương Đông và phương Tây.



Hình 4. Toàn cảnh chùa Thiên Mụ



Hình 5. Ngọ Môn trong Đại nội Huế

2. Kể chuyện lịch sử Cố đô Huế



1. Đọc thông tin, em hãy cho biết tên triều đại đã tiến hành xây dựng kinh thành Huế.
2. Hãy kể một câu chuyện lịch sử có liên quan đến Cố đô Huế mà em yêu thích.

Kinh thành Huế được xây dựng từ thời nhà Nguyễn, nơi đây gắn liền với nhiều sự kiện lịch sử của dân tộc.



CUỘC PHẢN CÔNG QUÂN PHÁP Ở KINH THÀNH HUẾ



▲ Hình 6. Tôn Thất Thuyết

Tại kinh thành Huế, Tôn Thất Thuyết – vị quan đại thần của Triều Nguyễn đã gấp rút chuẩn bị lực lượng chống Pháp. Khi biết tin, tướng Pháp vội cho mời Tôn Thất Thuyết đến họp để bắt, nhưng ông cáo bệnh không đến và quyết định nổ súng để giành thế chủ động.

Đêm mồng 4 rạng sáng mồng 5 – 7 – 1885, dưới sự lãnh đạo của Tôn Thất Thuyết, quân ta bất ngờ tấn công đồn Mang Cá và toà Khâm sứ Pháp.

Bị đánh bất ngờ, quân Pháp vô cùng bối rối và cố thủ đến gần sáng thì đánh trả lại, khiến quân triều đình tổn thất lớn. Trước tình hình đó, Tôn Thất Thuyết đã đưa vua Hàm Nghi lên vùng núi Quảng Trị để tiếp tục kháng chiến.

Cuộc phản công ở kinh thành Huế khẳng định tinh thần chiến đấu, khát vọng giành lại độc lập, tự do của nhân dân ta.

(Theo Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh (Chủ biên),
Tủ điển nhân vật lịch sử Việt Nam, NXB Giáo dục, 2005)

CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945 Ở HUẾ

Hoà trong không khí Cách mạng tháng Tám của cả nước, tại Huế, ngày 23 – 8 – 1945, nhân dân đã giành được chính quyền.

Chiều 30 – 8 – 1945, trước cổng Ngọ Môn, hàng vạn người dân xứ Huế chứng kiến giây phút lịch sử: Vua Bảo Đại đọc chiếu thoái vị và trao lại ấn kiếm cho chính quyền cách mạng. Trên ki đài, cờ đỏ sao vàng tung bay giữa những tiếng hô vang "Việt Nam Dân chủ Cộng hoà muôn năm!". Sự kiện này đánh dấu thắng lợi trọn vẹn của Cách mạng tháng Tám trên đất Cố đô Huế.

(Theo Phạm Như Thơm, Hồi kí Trần Huy Liệu, NXB Khoa học xã hội, 1991)

3. Bảo tồn và giữ gìn giá trị Cổ đô Huế



Đọc thông tin, quan sát hình 7 và dựa vào hiểu biết của bản thân, em hãy đề xuất một số biện pháp để góp phần bảo tồn và gìn giữ giá trị của Cổ đô Huế.

Cổ đô Huế chứa đựng nhiều giá trị lịch sử, văn hoá đặc sắc. Vì thế, nơi đây thu hút đông đảo du khách trong nước và quốc tế đến tham quan, tìm hiểu.

Tuy nhiên, những hoạt động đó cùng với tác động của điều kiện tự nhiên đã ảnh hưởng đến tính toàn vẹn của các di tích.

Với mục tiêu bảo tồn, giữ gìn và phát huy giá trị của Cổ đô Huế, nhiều hoạt động tu bổ, phục dựng các di tích, cũng như tuyên truyền về những giá trị văn hoá của vùng đất Cổ đô đã được tiến hành thường xuyên.

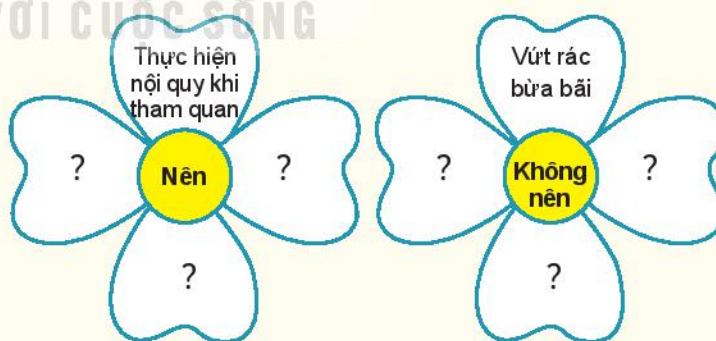


▲ Hình 7. Lễ khai mạc Phe-xi-van (Festival) Huế năm 2018



LUYỆN TẬP

1. Vì sao Cổ đô Huế là nơi thu hút nhiều khách du lịch?
2. Hoàn thiện những nội dung (theo gợi ý ở bên) vào vở về những việc nên làm hoặc không nên làm để bảo tồn và phát huy giá trị của Cổ đô Huế.



VẬN DỤNG

Lựa chọn và thực hiện một trong hai nhiệm vụ sau:

1. Thiết kế một tấm áp phích nhằm tuyên truyền mọi người bảo vệ Quần thể di tích Cổ đô Huế.
2. Đóng vai hướng dẫn viên du lịch, hãy giới thiệu về một cảnh quan thiên nhiên hoặc một di tích trong Quần thể di tích Cổ đô Huế.

BÀI 19

PHỐ CỔ HỘI AN

Sau bài học này, em sẽ:

- Xác định được vị trí địa lí của phố cổ Hội An trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Mô tả được một số công trình kiến trúc tiêu biểu của phố cổ Hội An, có sử dụng tư liệu (tranh ảnh, câu chuyện lịch sử).
- Đề xuất được một số biện pháp để bảo tồn và phát huy giá trị của phố cổ Hội An.



KHỞI ĐỘNG

Quan sát hình dưới đây và mô tả một số nét về phố cổ Hội An.



▲ Hình 1. Phố cổ Hội An (tỉnh Quảng Nam)

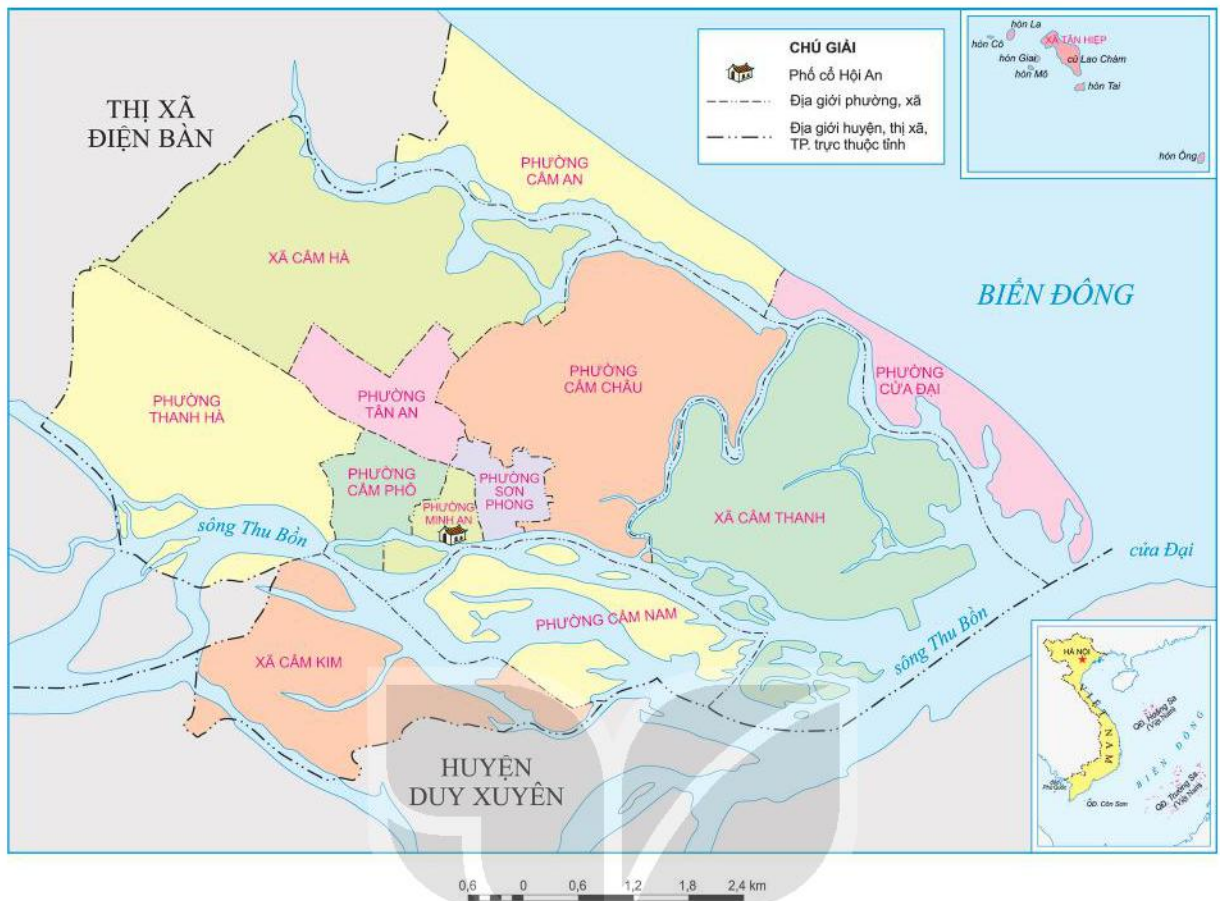


KHÁM PHÁ

1. Phố cổ Hội An



1. Quan sát hình 2, hãy xác định vị trí địa lí của phố cổ Hội An.
2. Đọc thông tin và quan sát các hình 3, 4, em hãy kể tên và mô tả một số công trình kiến trúc tiêu biểu ở phố cổ Hội An.



▲ Hình 2. Lược đồ hành chính thành phố Hội An (tỉnh Quảng Nam)

Phố cổ Hội An là một đô thị nằm ở hạ lưu sông Thu Bồn, thuộc thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam. Nơi đây lưu giữ được gần như nguyên vẹn những công trình kiến trúc cổ như: nhà cổ, hội quán của người Hoa, Chùa Cầu,...

• Nhà cổ

Các nhà cổ ở phố cổ Hội An được xây dựng từ thế kỉ XVII đến thế kỉ XIX, phổ biến là nhà một tầng hoặc hai tầng. Chiều ngang nhà thường hẹp nhưng chiều sâu tương đối dài. Không gian kiến trúc nhà gồm: nơi buôn bán, nơi sinh hoạt và nơi thờ tự.



▲ Hình 3. Nhà cổ Tấn Ký

• Hội quán của người Hoa

Hội quán là nơi sinh hoạt cộng đồng và cũng là nơi thờ các vị thần của người Hoa. Các hội quán ở phố cổ Hội An được xây dựng trên nền đất rộng, cao ráo, quay mặt về hướng nam và mang đậm phong cách kiến trúc Trung Hoa; tiêu biểu là các hội quán: Phúc Kiến, Quảng Đông, Hải Nam,...



▲ Hình 4. Hội quán Phúc Kiến

• Chùa Cầu

Chùa Cầu tương truyền do thương nhân Nhật Bản ở Hội An xây dựng vào khoảng cuối thế kỉ XVI – đầu thế kỉ XVII. Chùa Cầu được làm bằng gỗ, hình vòng cung, mái lợp ngói âm dương, hai bên đều có hành lang cho du khách dừng chân ngắm cảnh,...

Em có biết?

Chùa Cầu được công nhận là Di tích lịch sử – văn hoá quốc gia năm 1990.



KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG TRUYỀN THUYẾT VỀ CHÙA CẦU



▲ Hình 5. Chùa Cầu

Chùa Cầu gắn liền với con thủy quái trong truyền thuyết của Nhật Bản, có đầu nằm ở Ấn Độ, lưng vắt qua khe nước ở Hội An và đuôi ở tận Nhật Bản. Mỗi khi nó cựa mình thì động đất, lũ lụt,... lại xảy ra.

Để hạn chế sức mạnh của thủy quái, người Nhật Bản ở Hội An đã xây dựng ngôi chùa trên cầu như một thanh kiếm chắn ngang lưng thủy quái, ngăn không cho nó cựa mình. Từ đó, cuộc sống của người dân ba quốc gia được yên bình.

(Theo Tài liệu của Trung tâm Quản lí Bảo tồn Di sản Văn hoá Hội An)

2. Bảo tồn và phát huy giá trị phố cổ Hội An



Đọc thông tin, quan sát các hình 6, 7, em hãy:

1. Cho biết vì sao phố cổ Hội An là điểm thu hút nhiều du khách trong nước và quốc tế đến tham quan.
2. Nêu một số biện pháp góp phần bảo tồn và phát huy giá trị phố cổ Hội An.

Hội An với nhiều sản phẩm du lịch độc đáo như “Đêm phố cổ”, “Lễ hội đèn lồng”,... kết hợp các hoạt động văn hoá truyền thống khác nên đã thu hút đông đảo lượng du khách trong nước và quốc tế đến tham quan.



▲ Hình 6. Du lịch trên sông Hoài ở Hội An

Để bảo tồn và phát huy giá trị của phố cổ Hội An, nhiều hoạt động được tiến hành thường xuyên như: tổ chức các lễ hội văn hoá mang đậm nét đặc sắc của địa phương; du lịch kết hợp bảo vệ môi trường; bảo tồn, tu bổ, phục dựng các di tích;...



▲ Hình 7. Trùng tu nhà cổ ở Hội An



LUYỆN TẬP

1. Lập và hoàn thành bảng mô tả về một số công trình kiến trúc tiêu biểu ở phố cổ Hội An (theo gợi ý dưới đây).

Tên công trình kiến trúc	Mô tả
– Nhà cổ	– Không gian chia làm ba phần
?	?

2. Theo em, cần làm gì để góp phần bảo tồn và phát huy giá trị phố cổ Hội An?



VẬN DỤNG

Đóng vai hướng dẫn viên du lịch giới thiệu về phố cổ Hội An.

Chủ đề 5 TÂY NGUYÊN

BÀI 20

THIÊN NHIÊN VÙNG TÂY NGUYÊN

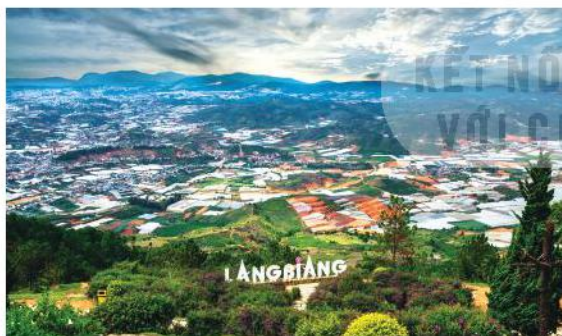
Sau bài học này, em sẽ:

- Xác định được vị trí địa lý của vùng Tây Nguyên, các cao nguyên ở Tây Nguyên trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Trình bày được một trong những đặc điểm thiên nhiên (ví dụ: địa hình, đất đai, khí hậu, rừng,...) của vùng Tây Nguyên.
- Nêu được nét điển hình của khí hậu thông qua đọc số liệu về lượng mưa, nhiệt độ của một địa điểm ở vùng Tây Nguyên.
- Nêu được vai trò của rừng đối với tự nhiên, hoạt động sản xuất và đời sống của người dân ở vùng Tây Nguyên.
- Đưa ra được một số biện pháp bảo vệ rừng ở Tây Nguyên.



KHỞI ĐỘNG

Các hình 1, 2 gợi cho em biết những điều gì về thiên nhiên vùng Tây Nguyên?



▲ Hình 1. Cao nguyên Lâm Viên (tỉnh Lâm Đồng)



▲ Hình 2. Voi ở Vườn quốc gia Yok Đôn (tỉnh Đắk Lắk)



KHÁM PHÁ

1. Vị trí địa lý



Đọc thông tin và quan sát hình 3, em hãy:

- Xác định vị trí của vùng Tây Nguyên trên lược đồ.
- Kể tên các vùng và quốc gia tiếp giáp với vùng Tây Nguyên.

Em có biết?

Xã Bờ Y (huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum) là nơi có cột mốc ngã ba biên giới giữa các nước: Việt Nam, Lào và Cam-pu-chia.



**BẢNG 1. ĐỘ CAO TRUNG BÌNH CỦA CÁC CAO NGUYÊN
Ở VÙNG TÂY NGUYÊN**

Cao nguyên	Kon Tum	Pleiku	Đắk Lắk	Mơ Nông	Lâm Viên	Di Linh
Độ cao trung bình (m)	500	800	500	800	1 500	1 000

b) Khí hậu



- Dựa vào bảng 2, em hãy cho biết thời gian mùa mưa và thời gian mùa khô ở Buôn Ma Thuột.
- Đọc thông tin, em hãy nêu đặc điểm chính của khí hậu ở vùng Tây Nguyên.

Vùng Tây Nguyên có nhiệt độ cao quanh năm, trung bình trên 20°C. Khí hậu của vùng có hai mùa rõ rệt là mùa mưa và mùa khô. Lượng mưa trong năm tập trung chủ yếu vào mùa mưa. Mùa khô xảy ra tình trạng thiếu nước nghiêm trọng.

**BẢNG 2. NHIỆT ĐỘ VÀ LƯỢNG MƯA TRUNG BÌNH THÁNG
Ở BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK**

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ (°C)	21	23	25	26	26	25	24	24	24	24	23	21
Lượng mưa (mm)	7	6	28	86	242	236	246	315	347	203	106	26



Mùa khô



Mùa mưa

(Nguồn: Trung tâm Thông tin và Dữ liệu khí tượng thủy văn)

c) Đất



- Đọc thông tin, em hãy cho biết tên và đặc điểm của loại đất chính ở vùng Tây Nguyên.

Vùng Tây Nguyên có đất đỏ badan là chủ yếu. Đất giàu chất dinh dưỡng, thích hợp để trồng các cây công nghiệp như: cà phê, hồ tiêu, cao su,...

d) Tài nguyên rừng



- Đọc thông tin và quan sát các hình 4, 5, em hãy cho biết:
- Tên một số kiểu rừng ở vùng Tây Nguyên.
 - Vai trò của rừng và một số biện pháp bảo vệ rừng.

– Tài nguyên rừng:

Vùng Tây Nguyên có diện tích rừng rộng lớn, gồm hai kiểu rừng chính: rừng rậm nhiệt đới và rừng rụng lá vào mùa khô (còn gọi là rừng khộp).

Rừng ở vùng Tây Nguyên có nhiều loại gỗ quý như trắc, hương, cẩm lai, gụ,... và nhiều cây thuốc có giá trị. Rừng là nơi sinh sống của nhiều loài thú lớn như voi, bò rừng,...



▲ Hình 4. Rừng rậm nhiệt đới (tỉnh Kon Tum)



▲ Hình 5. Rừng khộp vào mùa khô (tỉnh Đắk Lắk)

– Vai trò của rừng:

- + Giúp giảm lũ lụt vào mùa mưa và giảm khô hạn vào mùa khô.
- + Cung cấp nhiều sản vật có giá trị như gỗ, dược liệu, thực phẩm,...
- + Góp phần phát triển du lịch.

– Bảo vệ rừng:

Rừng ở vùng Tây Nguyên do khai thác quá mức nên diện tích bị thu hẹp. Vì vậy, cần thực hiện các biện pháp để bảo vệ rừng như: trồng rừng và phục hồi rừng, thành lập các khu bảo tồn thiên nhiên, tuyên truyền và vận động người dân cùng tham gia bảo vệ rừng,...



LUYỆN TẬP

Trình bày một số đặc điểm địa hình, khí hậu ở vùng Tây Nguyên.



VẬN DỤNG

Sưu tầm hình ảnh về một số cảnh đẹp thiên nhiên ở vùng Tây Nguyên và chia sẻ với các bạn.

BÀI 21

DÂN CƯ VÀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT Ở VÙNG TÂY NGUYÊN

Sau bài học này, em sẽ:

- Kể được tên một số dân tộc ở vùng Tây Nguyên.
- Sử dụng lược đồ phân bố dân cư hoặc bảng số liệu, so sánh được sự phân bố dân cư ở vùng Tây Nguyên với các vùng khác.
- Trình bày được một số hoạt động kinh tế chủ yếu ở vùng Tây Nguyên (ví dụ: trồng cây công nghiệp, chăn nuôi gia súc, phát triển thủy điện,...).

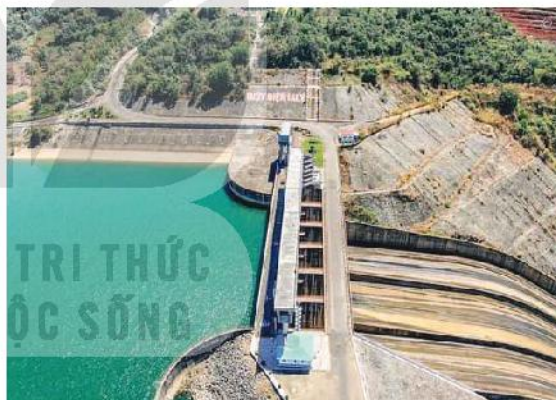


KHƠI ĐỘNG

Dựa vào các hình 1, 2, em hãy cho biết một số hoạt động kinh tế chủ yếu ở vùng Tây Nguyên.



▲ Hình 1. Thu hoạch cà phê (tỉnh Đắk Lắk)



▲ Hình 2. Nhà máy thủy điện Ialy (tỉnh Gia Lai)



KHÁM PHÁ

1. Dân cư



1. Đọc thông tin và quan sát hình 3, em hãy kể tên một số dân tộc ở vùng Tây Nguyên.
2. Đọc bảng thông tin, em hãy so sánh mật độ dân số của vùng Tây Nguyên với các vùng khác.



▲ Hình 3. Người Ê Đê

Vùng Tây Nguyên có số dân gần 6 triệu người (năm 2020), ít nhất cả nước. Vùng là nơi sinh sống của các dân tộc Gia Rai, Ê Đê, Ba Na, Mạ, Xơ Đăng,...; các dân tộc này thường sống tập trung thành buôn làng. Hiện nay, có nhiều dân tộc từ vùng khác đến xây dựng kinh tế như: Kinh, Mường, Dao, Mông,...

Tây Nguyên là vùng thưa dân. Dân cư chủ yếu tập trung ở các thị trấn, thị xã, thành phố ven các trục đường giao thông.

BẢNG MẬT ĐỘ DÂN SỐ CÁC VÙNG Ở NƯỚC TA NĂM 2020

Vùng	Trung du và miền núi Bắc Bộ	Đồng bằng Bắc Bộ	Duyên hải miền Trung	Tây Nguyên	Nam Bộ
Mật độ dân số (người/km ²)	139	1 431	212	109	554

(Nguồn: Tổng hợp từ Niên giám thống kê Việt Nam 2021)

2. Một số hoạt động kinh tế chủ yếu

a) Trồng cây công nghiệp



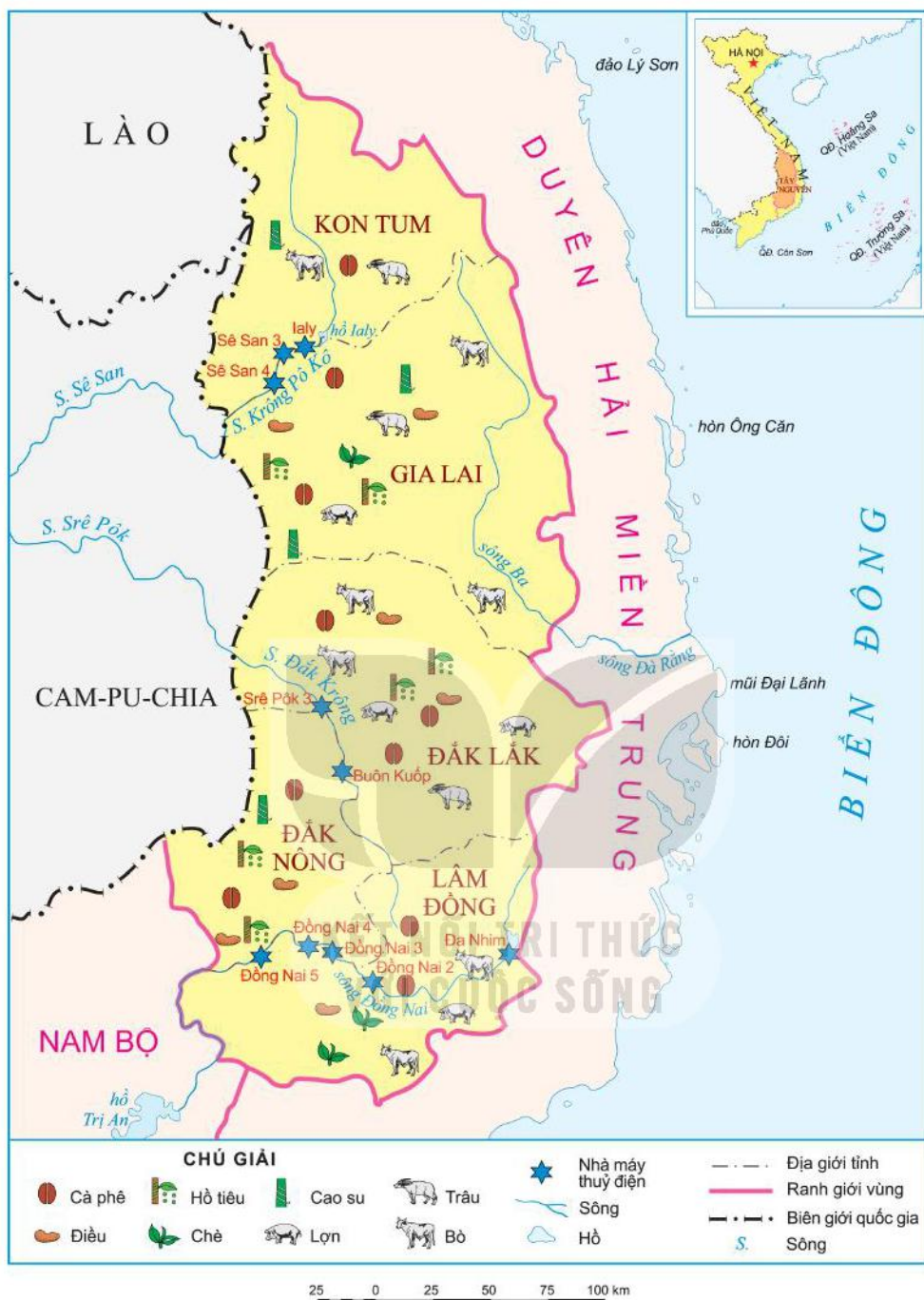
Đọc thông tin và quan sát các hình 4, 5, em hãy:

- Kể tên các loại cây công nghiệp được trồng nhiều ở vùng Tây Nguyên.
- Xác định trên lược đồ những địa phương trồng nhiều các loại cây đó.



▲ Hình 4. Vườn hồ tiêu (tỉnh Gia Lai)

Tây Nguyên là vùng trồng cây công nghiệp lâu năm lớn nhất nước ta. Các cây trồng chính có giá trị xuất khẩu cao là cà phê, hồ tiêu, cao su, chè,...



▲ **Hình 5.** Lược đồ các cây trồng, vật nuôi chính và một số nhà máy thủy điện ở vùng Tây Nguyên năm 2020

b) Chăn nuôi gia súc



Đọc thông tin và quan sát hình 5, em hãy:

- Xác định trên lược đồ những địa phương nuôi nhiều trâu, bò và lợn ở vùng Tây Nguyên.
- Giải thích vì sao trâu, bò được nuôi nhiều ở vùng Tây Nguyên.

Nhờ có đồng cỏ tự nhiên và khí hậu nhiều thuận lợi nên vùng Tây Nguyên có thể mạnh về chăn nuôi gia súc lớn (trâu, bò). Trâu, bò được nuôi nhiều ở tỉnh Gia Lai và tỉnh Đắk Lắk.

Ngoài ra, chăn nuôi lợn cũng phát triển. Lợn được nuôi nhiều ở tỉnh Đắk Lắk.

c) Phát triển thủy điện



Đọc thông tin và quan sát hình 5, em hãy:

- Kể tên và chỉ trên lược đồ một số nhà máy thủy điện ở vùng Tây Nguyên.
- Giải thích vì sao vùng Tây Nguyên có nhiều nhà máy thủy điện.

Sông ngòi ở vùng Tây Nguyên chảy qua nhiều bậc địa hình có độ dốc lớn nên có khả năng phát triển thủy điện. Nhiều nhà máy thủy điện đã được xây dựng, cung cấp điện cho sinh hoạt và sản xuất.

Tuy nhiên, việc xây dựng các nhà máy thủy điện cũng gây ảnh hưởng tới môi trường tự nhiên.



LUYỆN TẬP

1. Dựa vào bảng mật độ dân số các vùng ở nước ta năm 2020, hãy sắp xếp mật độ dân số các vùng theo thứ tự từ cao xuống thấp.
2. Chọn ý ở cột A sao cho phù hợp với ý ở cột B và ghi kết quả vào vở.

A	B
1. Các cây công nghiệp được trồng nhiều ở Tây Nguyên là	a) được phát triển mạnh nhờ có đồng cỏ tự nhiên và khí hậu thuận lợi.
2. Chăn nuôi trâu, bò	b) được xây dựng trên các dòng sông: Krông Pô Kô, Đắk Krông, Đồng Nai,...
3. Các nhà máy thủy điện	c) cà phê, hồ tiêu, cao su, chè,...



VẬN DỤNG

Sưu tầm một số thông tin, hình ảnh về một sản phẩm của cây công nghiệp nổi tiếng ở vùng Tây Nguyên và chia sẻ với các bạn.

BÀI 22

MỘT SỐ NÉT VĂN HOÁ VÀ TRUYỀN THỐNG YÊU NƯỚC, CÁCH MẠNG CỦA ĐỒNG BÀO TÂY NGUYÊN

Sau bài học này, em sẽ:

- Mô tả được một số nét chính về văn hoá các dân tộc ở vùng Tây Nguyên.
- Nêu được truyền thống đấu tranh yêu nước và cách mạng của đồng bào Tây Nguyên (sử dụng một số tư liệu tranh ảnh, câu chuyện lịch sử về anh hùng Núp, N'Trang Lơng, ...).



KHỞI ĐỘNG

Sinh sống trên mảnh đất cao nguyên hùng vĩ, người dân Tây Nguyên đã tạo dựng được một nền văn hoá với những nét đặc sắc riêng. Hãy giới thiệu về một nét văn hoá hoặc một nhân vật lịch sử của vùng Tây Nguyên mà em biết.



KHÁM PHÁ

1. Một số nét văn hoá của đồng bào Tây Nguyên



KẾT NỐI TRI THỨC

Đọc thông tin và quan sát các hình từ 1 đến 6, em hãy mô tả những nét chính về văn hoá của đồng bào Tây Nguyên.

• Nhà ở và nhà sinh hoạt cộng đồng

Trước đây, đồng bào Tây Nguyên thường ở trong những ngôi nhà sàn làm bằng các vật liệu truyền thống như: gỗ, tre, nứa, lá. Hiện nay, nhà ở của đồng bào Tây Nguyên có sự thay đổi theo hướng hiện đại.

Mỗi buôn làng có một ngôi nhà chung được xây dựng ở trung tâm buôn làng, là không gian sinh hoạt chung của cộng đồng như: nhà Rông của người Ba Na, Gia Rai; nhà Dài của người Ê Đê,...



▲ Hình 1. Nhà Rông của người Ba Na (tỉnh Kon Tum)



▲ Hình 2. Nhà Dài của người Ê Đê (được dựng tại Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam ở Hà Nội)

• Trang phục

Trang phục truyền thống của đồng bào Tây Nguyên được may bằng vải thổ cẩm, trang trí các loại hoa văn màu sắc sặc sỡ. Nam thường đóng khố, trời lạnh thì khoác thêm tấm choàng. Phụ nữ mặc áo chui đầu, váy tằm,...



▲ Hình 3. Trang phục dân tộc Brâu

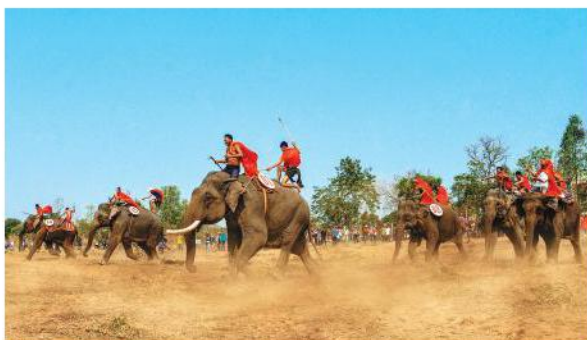


▲ Hình 4. Trang phục dân tộc Mnông

• Lễ hội

Lễ hội là một phần không thể thiếu trong đời sống tinh thần của các dân tộc ở Tây Nguyên, tiêu biểu như: lễ hội Cồng chiêng, lễ hội Đua voi, lễ Tạ ơn cha mẹ,...

Lễ hội Đua voi được tổ chức hai năm một lần vào tháng Ba âm lịch, tại Buôn Đôn (tỉnh Đắk Lắk). Đây là một trong những lễ hội cổ truyền độc đáo của đồng bào các dân tộc ở Tây Nguyên nhằm tôn vinh tinh thần thượng võ và tài nghệ thuần dưỡng voi.



▲ Hình 5. Lễ hội Đua voi tại Đắk Lắk

Lễ Tạ ơn cha mẹ là một sinh hoạt dân gian được lưu truyền qua nhiều thế hệ của một số dân tộc ở Tây Nguyên. Lễ do một người con khi đã trưởng thành tổ chức để bày tỏ lòng biết ơn công lao sinh thành và nuôi dưỡng của cha mẹ.



▲ Hình 6. Lễ Tạ ơn cha mẹ của dân tộc Gia Rai

2. Truyền thống yêu nước và cách mạng của đồng bào vùng Tây Nguyên



Đọc thông tin và quan sát các hình 7, 8, em hãy cho biết:

1. Truyền thống yêu nước và cách mạng của đồng bào vùng Tây Nguyên có điểm gì nổi bật?
2. Kể lại một câu chuyện lịch sử về truyền thống yêu nước và cách mạng của đồng bào Tây Nguyên.

Tây Nguyên là vùng đất giàu truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm. Khi thực dân Pháp xâm lược, đồng bào nơi đây đã anh dũng đứng lên chiến đấu, tiêu biểu là các cuộc đấu tranh dưới sự lãnh đạo của N'Trang Long, Đinh Núp,...

Cuộc khởi nghĩa do N'Trang Long lãnh đạo kéo dài từ năm 1912 đến năm 1935, thu hút đông đảo đồng bào các dân tộc Mnông, Ê Đê, Xtiêng, Mạ,... tham gia. Cuộc khởi nghĩa lan rộng, gây nhiều khó khăn cho việc chiếm đóng của thực dân Pháp trên vùng đất Tây Nguyên.



▲ Hình 7. Tượng đài anh hùng N'Trang Long (tỉnh Đắk Nông)

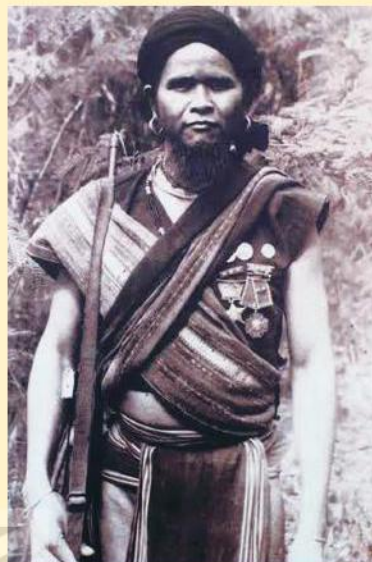


ANH HÙNG NÚP

Anh hùng Đinh Núp (1914 – 1999) là người dân tộc Ba Na, quê ở xã Tơ Tung, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Năm 1935, trong một lần quân Pháp kéo về làng bắt phu, dân làng lánh hết vào rừng, chỉ còn một mình Đinh Núp ở lại. Đinh Núp dùng nỏ phục kích bắn lính Pháp chảy máu để chứng minh với dân làng rằng lính Pháp cũng là người và có thể chống lại được. Từ đó, ông đã lãnh đạo các buôn làng Ba Na và Ê Đê đứng lên bảo vệ quê hương, chống lại sự tàn sát của thực dân Pháp và lập nhiều chiến công. Năm 1955, Đinh Núp được Bác Hồ phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân và thường được gọi với tên anh hùng Núp.

(Theo Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh (Chủ biên),
Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam, Sđd)



▲ Hình 8. Đinh Núp
(ảnh chụp năm 1954)



LUYỆN TẬP

1. Lập bảng hoặc vẽ sơ đồ tư duy về một số nét văn hoá tiêu biểu của đồng bào Tây Nguyên.
2. Tinh thần yêu nước của đồng bào Tây Nguyên được thể hiện qua những hành động nào của các nhân vật lịch sử N'Trang Long, Đinh Núp?



VẬN DỤNG

1. Chỉ ra một số điểm giống và khác về nhà ở, trang phục của các dân tộc vùng Tây Nguyên với dân tộc khác mà em biết.
2. Tìm hiểu và kể lại một câu chuyện lịch sử khác về truyền thống yêu nước và cách mạng của đồng bào Tây Nguyên.

BÀI 23

LỄ HỘI CỒNG CHIÊNG TÂY NGUYÊN

Sau bài học này, em sẽ:

- Kể được tên một số dân tộc là chủ nhân của Không gian văn hoá Cồng chiêng Tây Nguyên.
- Nêu được vai trò của cồng chiêng trong đời sống tinh thần của đồng bào các dân tộc ở Tây Nguyên.
- Mô tả được những nét chính về lễ hội Cồng chiêng Tây Nguyên.



KHƠI ĐỘNG

Từ bao đời nay, cồng chiêng đã trở thành một phần không thể thiếu trong đời sống tinh thần của đồng bào Tây Nguyên. Em biết dân tộc nào ở Tây Nguyên gắn bó với cồng chiêng? Lễ hội Cồng chiêng Tây Nguyên có điểm gì đặc biệt?



KHÁM PHÁ

1. Không gian văn hoá Cồng chiêng Tây Nguyên



Đọc thông tin và quan sát hình 1, em hãy:

- Kể tên một số dân tộc là chủ nhân của Không gian văn hoá Cồng chiêng Tây Nguyên.
- Nêu một số dịp mà đồng bào Tây Nguyên sử dụng cồng chiêng.

Không gian văn hoá Cồng chiêng trải rộng trên địa bàn 5 tỉnh Tây Nguyên là: Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng. Chủ nhân của Không gian văn hoá này gồm các dân tộc như: Ê Đê, Gia Rai, Ba Na, Mạ, Xơ Đăng, Cơ Ho, Mông,...

Cồng chiêng gắn bó mật thiết với đồng bào các dân tộc ở Tây Nguyên, là tiếng nói của tâm hồn con người, diễn tả niềm vui, nỗi buồn của cuộc sống.

Cồng chiêng thường được sử dụng trong các nghi lễ, ngày hội và sinh hoạt cộng đồng như: lễ Mừng lúa mới, lễ Thôi tai cho trẻ sơ sinh, lễ Trưởng thành,...

Em có biết?

Năm 2005, UNESCO đã ghi danh Không gian văn hoá Cồng chiêng Tây Nguyên là Kiệt tác truyền khẩu và phi vật thể nhân loại.



▲ Hình 1. Đánh cồng chiêng trong lễ Mừng lúa mới của dân tộc Cơ Ho (tỉnh Lâm Đồng)

2. Lễ hội Cồng chiêng Tây Nguyên



Đọc thông tin và quan sát hình 2, em hãy mô tả những nét chính về lễ hội Cồng chiêng Tây Nguyên.

Lễ hội Cồng chiêng được tổ chức luân phiên hằng năm ở các tỉnh thuộc Không gian văn hoá Cồng chiêng Tây Nguyên.



▲ Hình 2. Lễ hội Cồng chiêng Tây Nguyên năm 2018 (tỉnh Gia Lai)

Trong lễ hội, nghệ nhân của các tỉnh sẽ trình diễn cồng chiêng, biểu diễn các tiết mục văn hoá đặc sắc của tỉnh mình. Nhiều lễ hội dân gian đặc sắc gắn với diễn tấu cồng chiêng được phục dựng như: lễ Ăn cơm mới của dân tộc Ê Đê, lễ Sạ lúa của dân tộc Chu Ru, lễ Cầu an của dân tộc Ba Na,...

Ngoài ra, nhiều cuộc thi cũng được tổ chức như: tạc tượng gỗ, dệt thổ cẩm, diễn xướng sử thi,...



▲ Hình 3. Nghệ nhân trình diễn dệt thổ cẩm trong lễ hội Cồng chiêng Tây Nguyên năm 2018

LUYỆN TẬP

1. Lập và hoàn thiện bảng hệ thống (theo gợi ý dưới đây) về một số hoạt động chính trong lễ hội Cồng chiêng Tây Nguyên.

TT	Hoạt động chính
1	?
...	?

2. Em ấn tượng nhất với hoạt động nào trong lễ hội Cồng chiêng Tây Nguyên? Vì sao?

VẬN DỤNG

Tìm hiểu thông tin và cho biết tên một số dân tộc khác trên đất nước Việt Nam, ngoài các dân tộc ở Tây Nguyên cũng sử dụng cồng chiêng.

Chủ đề 6 NAM BỘ

BÀI 24

THIÊN NHIÊN VÙNG NAM BỘ

Sau bài học này, em sẽ:

- Xác định được vị trí địa lí của vùng Nam Bộ, một số con sông lớn của vùng Nam Bộ trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Quan sát lược đồ hoặc bản đồ, trình bày được một trong những đặc điểm thiên nhiên (ví dụ: địa hình, khí hậu, đất và sông ngòi,...) ở vùng Nam Bộ.
- Nêu được ảnh hưởng của môi trường thiên nhiên đến sản xuất và sinh hoạt của người dân ở vùng Nam Bộ.



KHỞI ĐỘNG

*“Tháp Mười nước mặn, đồng chua
Nửa mùa nắng cháy, nửa mùa nước dâng”*

(Ca dao)

Tháp Mười là một địa danh ở vùng Nam Bộ. Em hãy cho biết câu ca dao trên nói lên điều gì về thiên nhiên vùng Nam Bộ.



KHÁM PHÁ

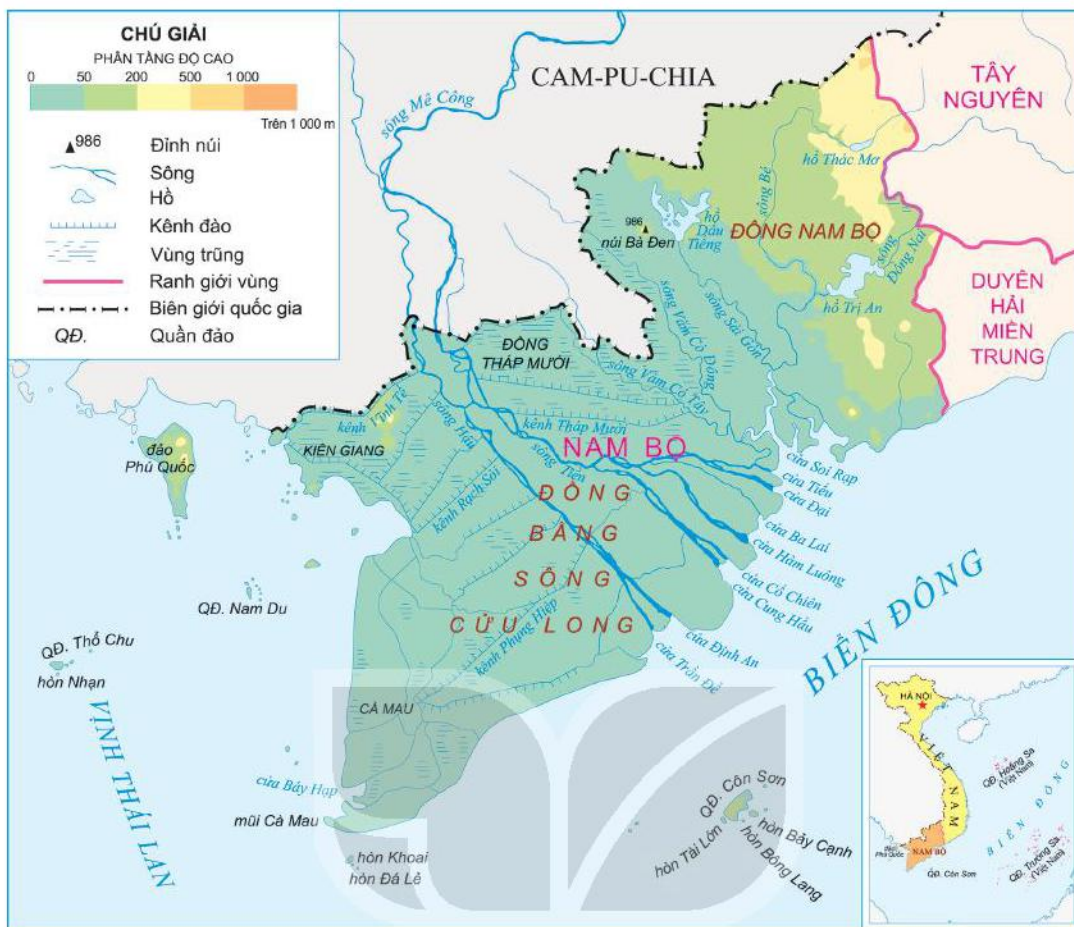
1. Vị trí địa lí



Đọc thông tin và quan sát hình 1, em hãy:

- Chỉ vị trí của vùng Nam Bộ trên lược đồ.
- Kể tên các vùng, quốc gia tiếp giáp với vùng Nam Bộ.

Vùng Nam Bộ nằm ở phía nam của đất nước, gồm: Đông Nam Bộ, Tây Nam Bộ (còn gọi là đồng bằng sông Cửu Long). Vùng Nam Bộ có vùng biển rộng lớn, nhiều tiềm năng.



50 0 50 100 150 200 km

▲ Hình 1: Lược đồ địa hình vùng Nam Bộ

2. Đặc điểm thiên nhiên

a) Địa hình



Đọc thông tin và quan sát hình 1, em hãy:

- Xác định trên lược đồ vị trí của đỉnh núi Bà Đen và các vùng trũng: Đồng Tháp Mười, Kiên Giang, Cà Mau.
- Cho biết độ cao chủ yếu của địa hình vùng Nam Bộ.

Vùng Nam Bộ chủ yếu có địa hình đồng bằng, thấp, tương đối bằng phẳng (trừ phần phía bắc của Đông Nam Bộ có địa hình đồi núi thấp).

Đồng bằng sông Cửu Long có nhiều vùng trũng dễ ngập nước như Đồng Tháp Mười và một số nơi ở tỉnh Kiên Giang, Cà Mau.

Em có biết?

Cụm núi Bà Đen (tỉnh Tây Ninh) gồm ba ngọn núi tạo thành: núi Heo, núi Phụng và núi Bà Đen. Trong đó, đỉnh núi Bà Đen (986 m) là đỉnh núi cao nhất Nam Bộ.



▲ Hình 2. Núi Bà Đen



▲ Hình 3. Một góc đồng bằng sông Cửu Long

b) Khí hậu



Đọc thông tin, em hãy nêu đặc điểm chính của khí hậu ở vùng Nam Bộ.

Vùng Nam Bộ có nhiệt độ cao, trung bình trên 27°C . Khí hậu chia thành hai mùa rõ rệt: mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11, mùa khô từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau. Mùa khô thường mưa ít, gây ra tình trạng thiếu nước cho sinh hoạt và sản xuất.

c) Sông ngòi



Đọc thông tin và quan sát hình 1, em hãy:

- Kể tên và chỉ một số sông lớn ở vùng Nam Bộ trên lược đồ.
- Nêu đặc điểm của sông ngòi ở vùng Nam Bộ.

Em có biết?

Sông Mê Công chảy về đồng bằng sông Cửu Long chia thành hai nhánh lớn là sông Tiền và sông Hậu. Trước kia sông đổ ra Biển Đông qua chín cửa nên còn được gọi là sông Cửu Long (chín con rồng), hiện nay một cửa sông (Bát Xắc) đã không còn do phù sa bồi lấp.

Vùng Nam Bộ có hệ thống sông ngòi dày đặc. Một số sông lớn là sông Đồng Nai (Đồng Nam Bộ), sông Tiền, sông Hậu (đồng bằng sông Cửu Long),... Sông ngòi là nguồn cung cấp nước, phù sa, thủy sản và là đường giao thông quan trọng của vùng.

d) Đất



Đọc thông tin, em hãy kể tên:

- Các loại đất chính ở vùng Nam Bộ.
- Một số loại cây trồng phù hợp với các loại đất chính ở vùng.

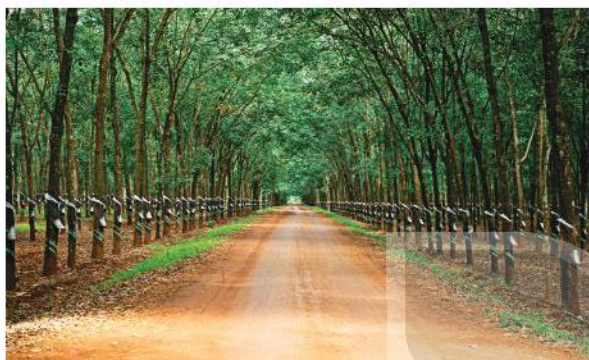
Vùng Nam Bộ có ba loại đất chính. Đất xám, đất badan (có nhiều ở Đồng Nam Bộ) thích hợp để trồng các loại cây công nghiệp như cao su, điều, hồ tiêu,... Đất phù sa (ở các khu vực đồng bằng) thích hợp để trồng lúa, rau, cây ăn quả,...

3. Ảnh hưởng của môi trường thiên nhiên đến sản xuất và sinh hoạt của người dân



Đọc thông tin và quan sát các hình từ 4 đến 7, em hãy cho biết ảnh hưởng của môi trường thiên nhiên đến sản xuất và sinh hoạt của người dân vùng Nam Bộ.

Môi trường thiên nhiên của vùng Nam Bộ có nhiều điều kiện thuận lợi cho sinh hoạt và sản xuất, nhất là sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, các hiện tượng như: lũ lụt; sạt lở đất ven sông, ven biển; đất bị nhiễm mặn; thiếu nước vào mùa khô;... gây nhiều khó khăn cho người dân.



▲ Hình 4. Rừng trồng cao su (tỉnh Bình Phước)



▲ Hình 5. Bè nuôi cá ven biển (tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)



▲ Hình 6. Sạt lở đất ven sông (tỉnh An Giang)



▲ Hình 7. Kênh bị cạn nước vào mùa khô (tỉnh Tiền Giang)



LUYỆN TẬP

Vẽ sơ đồ tư duy về đặc điểm thiên nhiên vùng Nam Bộ.



VẬN DỤNG

Đề xuất một số biện pháp khắc phục khó khăn của môi trường thiên nhiên đối với sản xuất và sinh hoạt của người dân vùng Nam Bộ.

BÀI 25

DÂN CƯ VÀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT Ở VÙNG NAM BỘ

Sau bài học này, em sẽ:

- Kể được tên một số dân tộc ở vùng Nam Bộ.
- Xác định được trên bản đồ hoặc lược đồ vùng Nam Bộ sự phân bố một số ngành công nghiệp, cây trồng, vật nuôi.
- Trình bày được một số hoạt động sản xuất của người dân ở vùng Nam Bộ (ví dụ: sản xuất lúa, nuôi trồng thủy sản,...).



KHOẢNG ĐỘNG

Vùng Nam Bộ có hoạt động sản xuất đa dạng. Dựa vào kiến thức đã học, em hãy cho biết vùng có thể phát triển các hoạt động sản xuất nào.



KHÁM PHÁ

1. Dân cư



Đọc thông tin, em hãy kể tên một số dân tộc ở vùng Nam Bộ.

Nam Bộ là vùng đông dân, vùng có số dân là hơn 35 triệu người (năm 2020). Các dân tộc sinh sống ở vùng chủ yếu là: Kinh, Khơ-me (Khmer), Hoa, Chăm,...

2. Một số hoạt động sản xuất

a) Nông nghiệp



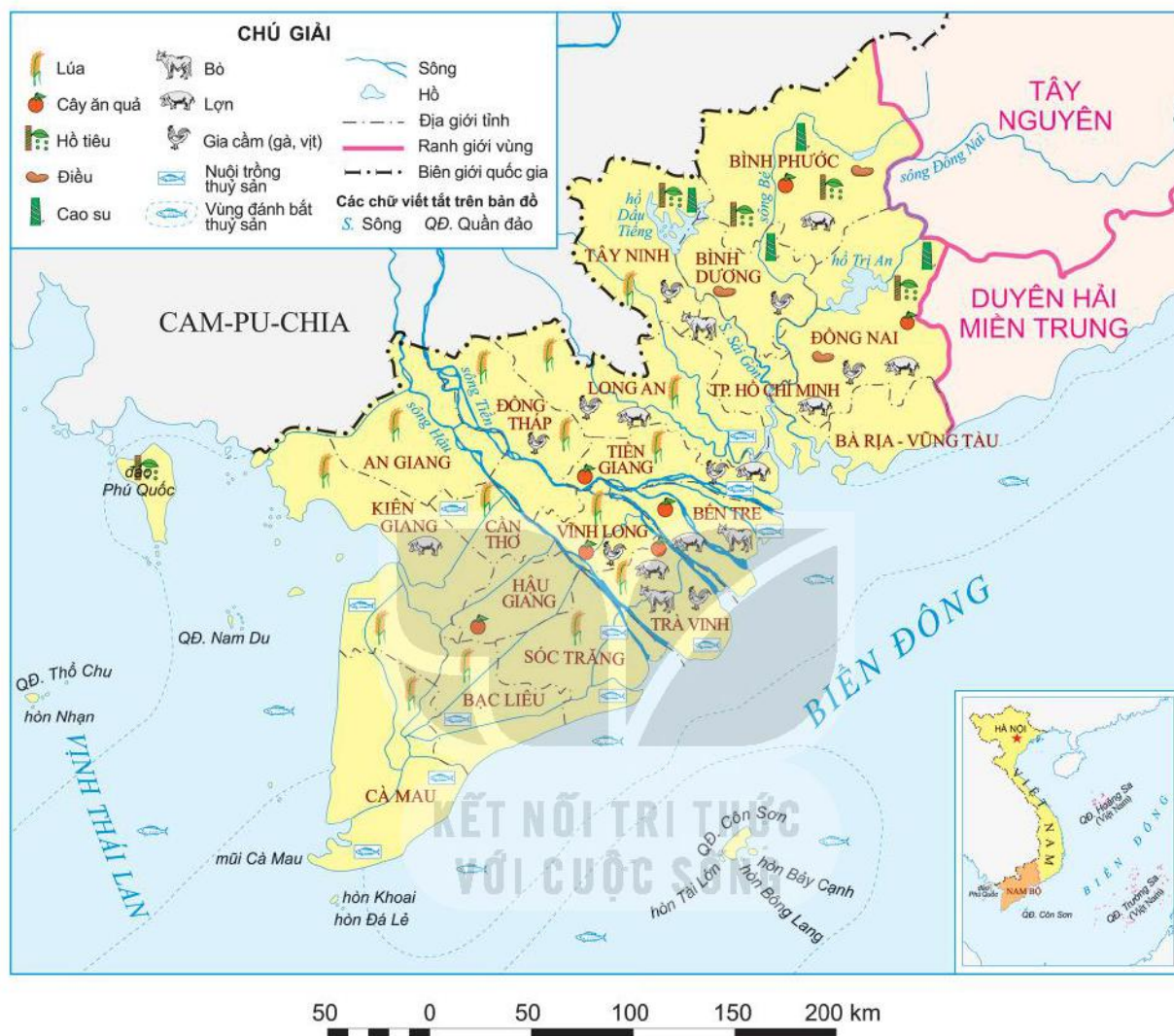
Đọc thông tin và quan sát hình 1, em hãy kể tên và chỉ trên lược đồ một số cây trồng, vật nuôi chính ở vùng Nam Bộ.

Vùng Nam Bộ có nhiều điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển nông nghiệp.

Đây là vùng trồng lúa lớn nhất nước ta. Lúa được trồng trên những cánh đồng lớn, sử dụng nhiều máy móc hiện đại cho năng suất cao, chất lượng tốt. Ngoài ra, Nam Bộ còn là vùng trồng cây ăn quả (sầu riêng, chôm chôm, xoài, dừa, cam, quýt,...), cây công nghiệp (cao su, điều, hồ tiêu,...) lớn trong cả nước.

Chăn nuôi ở vùng Nam Bộ cũng phát triển, các vật nuôi chủ yếu là lợn, gà, vịt,...

Vùng Nam Bộ có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển đánh bắt, nuôi trồng thủy sản. Các sản phẩm nuôi trồng đặc trưng là cá tra, cá ba sa, tôm,... Đây là vùng có sản lượng thủy sản lớn nhất cả nước.



▲ Hình 1. Lược đồ nông nghiệp vùng Nam Bộ năm 2020



▲ Hình 2. Thu hoạch lúa (tỉnh Sóc Trăng)



▲ Hình 3. Trang trại nuôi tôm (tỉnh Kiên Giang)



▲ Hình 5. Sản xuất linh kiện điện tử
(Thành phố Hồ Chí Minh)



▲ Hình 6. Sản xuất hàng may mặc
(tỉnh Bình Dương)



LUYỆN TẬP

Quan sát các hình 1, 4, hãy hoàn thành bảng sau vào vở:

Hoạt động sản xuất	Phân bố
Trồng lúa	?
Trồng cây ăn quả	?
Trồng cây công nghiệp	?
Nuôi trồng, đánh bắt thủy sản	?
Khai thác dầu khí	?
Dệt may	?
Điện tử – tin học	?



VẬN DỤNG

Sưu tầm hình ảnh về một dân tộc hoặc một hoạt động sản xuất ở vùng Nam Bộ và chia sẻ với các bạn.

BÀI 26

MỘT SỐ NÉT VĂN HOÁ VÀ TRUYỀN THỐNG YÊU NƯỚC, CÁCH MẠNG CỦA ĐỒNG BÀO NAM BỘ

Sau bài học này, em sẽ:

- Mô tả được sự chung sống hài hoà với thiên nhiên của người dân Nam Bộ thông qua một số nét văn hoá tiêu biểu.
- Nêu được truyền thống đấu tranh yêu nước và cách mạng của đồng bào Nam Bộ, có sử dụng một số tư liệu tranh ảnh, câu chuyện lịch sử về một số nhân vật tiêu biểu ở Nam Bộ.



KHƠI ĐỘNG

Hãy chia sẻ những hiểu biết của em về cuộc sống của người dân Nam Bộ. Vì sao vùng đất này được mệnh danh là “Thành đồng Tổ quốc”?



KHÁM PHÁ

1. Một số nét văn hoá tiêu biểu của đồng bào Nam Bộ



Đọc thông tin và quan sát các hình từ 1 đến 4, em hãy:

- Chỉ ra một số nét nổi bật về văn hoá của người dân Nam Bộ.
- Nêu một số dẫn chứng thể hiện sự chung sống hài hoà với thiên nhiên của người dân Nam Bộ.

• Nhà ở

Nhà ở truyền thống của người dân Nam Bộ có nhiều loại khác nhau. Ở vùng sông nước, phổ biến là kiểu nhà sàn, nhà nổi. Tại các miệt vườn, chủ yếu là nhà lợp bằng lá.



▲ Hình 1. Nhà nổi ở Châu Đốc (tỉnh An Giang)

Ngày nay, nhà ở của người dân Nam Bộ được xây dựng kiên cố, hiện đại hơn. Ở một số nơi, những ngôi nhà cổ vẫn còn được lưu giữ.



▲ Hình 2. Một ngôi nhà cổ được xây dựng từ cuối thế kỉ XIX ở Gò Công (tỉnh Tiền Giang)

• Chợ nổi

Hoạt động mua bán, trao đổi hàng hoá của người dân Nam Bộ một phần diễn ra tại chợ nổi trên sông.

Hàng hoá được bán trên các ghe, xuồng, chủ yếu là nông sản và những vật dụng cần thiết. Trên mỗi ghe, xuồng có treo những loại hàng hoá cần bán.

Một số chợ nổi lớn ở Nam Bộ như: Cái Răng, Phong Điền (Cần Thơ); Cái Bè (Tiền Giang); Phụng Hiệp (Hậu Giang); Ngã Năm (Sóc Trăng); Trà Ôn (Vĩnh Long);...



▲ Hình 3. Chợ nổi Ngã Năm (tỉnh Sóc Trăng)

• Vận tải đường sông

Giao thông đường thủy đóng vai trò quan trọng đối với người dân vùng Nam Bộ. Ghe, xuồng,... là phương tiện đi lại, vận chuyển hàng hoá chủ yếu ở đây.



▲ Hình 4. Ghe, xuồng được người dân Nam Bộ sử dụng trong cuộc sống hằng ngày

• Trang phục

Trước đây, trang phục phổ biến của người dân Nam Bộ là áo bà ba và khăn rằn.

Ngày nay, áo bà ba và khăn rằn vẫn được chọn làm trang phục chính trong những dịp lễ, tết,... thể hiện đặc trưng văn hoá của miền sông nước Nam Bộ.

2. Truyền thống yêu nước và cách mạng của đồng bào Nam Bộ



Đọc thông tin và quan sát các hình 5, 6, em hãy kể lại câu chuyện về một nhân vật lịch sử tiêu biểu cho truyền thống yêu nước và cách mạng của nhân dân Nam Bộ.

Em có biết?

Nguyễn Trung Trực là người chỉ huy nghĩa quân đốt cháy tàu É-t-pê-răng (Espérance – tàu Hi Vọng) của Pháp trên sông Nhật Tảo. Ông từng có câu nói nổi tiếng: “Bao giờ người Tây nhổ hết cỏ nước Nam thì mới hết người Nam đánh Tây”.

Nhân dân Nam Bộ có truyền thống yêu nước đấu tranh chống ngoại xâm với nhiều tấm gương anh dũng, tiêu biểu như: Trương Định, Nguyễn Trung Trực, Nguyễn Thị Định,... Vì thế, Bác Hồ đã tặng quân và dân Nam Bộ danh hiệu “Thành đồng Tổ quốc”.



“BÌNH TÂY ĐẠI NGUYÊN SOÀI” TRƯƠNG ĐỊNH

Trương Định quê ở xã Tịnh Khê (thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi). Ngay khi thực dân Pháp đánh chiếm Gia Định, ông đã chỉ huy nghĩa quân phối hợp với quan quân triều đình anh dũng chống giặc. Cuộc khởi nghĩa do Trương Định lãnh đạo đã thu hút đông đảo nhân dân và quan quân triều đình có tinh thần chống Pháp tham gia. Năm 1862, Trương Định đã khước từ chức Lãnh binh tại An Giang và ở lại cùng nhân dân chống Pháp. Nhân dân đã suy tôn ông là “Bình Tây Đại Nguyên soái”. Trong một trận chiến đấu, khi bị thương nặng, ông đã tự sát để bảo toàn khí tiết.



▲ Hình 5. Trương Định được suy tôn là Bình Tây Đại Nguyên soái (tranh vẽ)

(Theo Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh (Chủ biên),
Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam, Sdd)



▲ Hình 6. Nguyễn Thị Định

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Nguyễn Thị Định là người khởi xướng và là lãnh đạo chủ chốt của phong trào Đồng khởi ở tỉnh Bến Tre. Sau đó, bà giữ chức Phó Tư lệnh các lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam Việt Nam,... Bà có nhiều đóng góp cho thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.



LUYỆN TẬP

- Hãy hoàn thiện bảng mô tả vào vở (theo gợi ý dưới đây) về một số nét văn hoá tiêu biểu của đồng bào Nam Bộ.

TT	Một số nét văn hoá	Điểm nổi bật
1	Nhà ở	?
2	Chợ nổi	?
3	Vận tải đường sông	?
4	...	...

- Em hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 4 – 5 câu) bày tỏ cảm nghĩ về truyền thống yêu nước, cách mạng của đồng bào Nam Bộ.



VẬN DỤNG

Liên hệ và cho biết điểm giống, khác nhau trong đời sống văn hoá của người dân Nam Bộ so với địa phương em hoặc địa phương khác mà em biết.

Sau bài học này, em sẽ:

- Xác định được vị trí địa lí của Thành phố Hồ Chí Minh trên bản đồ hoặc lược đồ. Kể được một số tên gọi khác của Thành phố Hồ Chí Minh.
- Trình bày được một số sự kiện lịch sử có liên quan đến Thành phố Hồ Chí Minh, có sử dụng một số tư liệu tranh ảnh, câu chuyện lịch sử, như: chuyện về Bến Nhà Rồng, Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước,...
- Sử dụng tư liệu lịch sử và địa lí, nêu được Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm kinh tế, văn hoá, giáo dục quan trọng của Việt Nam.

**KHỞI ĐỘNG**

Quan sát hình dưới đây và chia sẻ những hiểu biết của em về thành phố mang tên Bác.



▲ Hình 1. Một góc Thành phố Hồ Chí Minh ngày nay

**KHÁM PHÁ****1. Vị trí địa lí, tên gọi**

1. Quan sát hình 2, em hãy xác định trên lược đồ vị trí địa lí của Thành phố Hồ Chí Minh và cho biết thành phố tiếp giáp với các tỉnh nào?
2. Kể một số tên gọi khác của Thành phố Hồ Chí Minh trong lịch sử.

Thành phố Hồ Chí Minh là đô thị lớn nhất nước ta, nằm ở Đông Nam Bộ. Thành phố này trước đây có nhiều tên gọi khác nhau như: Gia Định, Sài Gòn, Sài Gòn – Chợ Lớn, Sài Gòn – Gia Định; từ năm 1976 được đổi tên là Thành phố Hồ Chí Minh.



▲ Hình 2. Lược đồ hành chính Thành phố Hồ Chí Minh

2. Một số sự kiện lịch sử tiêu biểu



Đọc thông tin và quan sát các hình 3, 4, em hãy:

- Nêu một số sự kiện lịch sử tiêu biểu đã diễn ra tại Thành phố Hồ Chí Minh.
- Kể lại một câu chuyện lịch sử được giới thiệu trong bài học.

Với lịch sử hơn 300 năm hình thành và phát triển, Thành phố Hồ Chí Minh là nơi diễn ra nhiều sự kiện lịch sử quan trọng như: Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước năm 1911, Khởi nghĩa giành chính quyền tháng Tám năm 1945, Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975,...



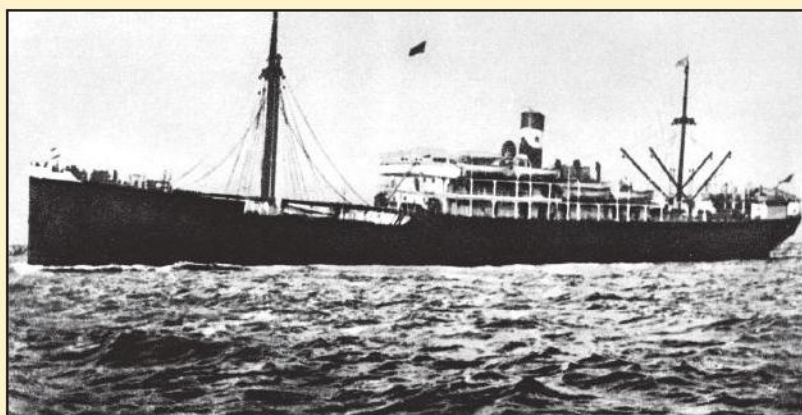
NGUYỄN TẤT THÀNH RA ĐI TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC

Đầu thế kỉ XX, phong trào yêu nước ở Việt Nam có bước chuyển biến mới. Khác với các nhà yêu nước tiền bối hướng về Nhật Bản, Nguyễn Tất Thành lựa chọn sang phương Tây. Người muốn đến nước Pháp để tìm hiểu xem "nước Pháp và các nước khác làm thế nào, rồi sẽ trở về giúp đồng bào mình". Người vào Sài Gòn – nơi có thương cảng và nền kinh tế phát triển nhất trong xứ Đông Dương thuộc Pháp.

Với lòng yêu nước và ý chí quyết tâm tìm đường cứu nước, Nguyễn Tất Thành sẵn sàng làm những công việc nặng nhọc khác nhau như: phụ bếp, bồi bàn,...

Ngày 5 – 6 – 1911, trên con tàu mang tên Đô đốc La-tu-sơ Tơ-rê-vin (Latouche Tréville), Nguyễn Tất Thành với tên gọi là Văn Ba đã rời Bến Nhà Rồng ra đi mang theo hoài bão tìm đường cứu nước, cứu dân.

(Theo Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh (Chủ biên),
Tủ điển nhân vật lịch sử Việt Nam, Sđd)



▲ Hình 3. Tàu Đô đốc La-tu-sơ Tơ-rê-vin

XE TĂNG TIẾN VÀO DINH ĐỘC LẬP



▲ **Hình 4.** Xe tăng Quân giải phóng húc đổ cổng Dinh Độc Lập

Ngày 30 – 4 – 1975, Lữ đoàn xe tăng 203 tiến về Dinh Độc Lập. Xe tăng 390 tiến vào húc đổ cổng chính của Dinh, mở đường cho các xe khác thẳng tiến vào bên trong.

Đồng chí Bùi Quang Thận, chỉ huy xe tăng 843, trong tay cầm lá cờ cách mạng nhanh chóng lao lên các bậc thềm của toà nhà và cắm cờ trên nóc Dinh Độc Lập...

Đúng 11 giờ 30 phút, lá cờ cách mạng kiêu hãnh tung bay trên nóc Dinh Độc Lập.

(Theo Tư liệu của Bảo tàng Quân sự Việt Nam)

3. Trung tâm kinh tế, văn hoá, giáo dục



Đọc thông tin và quan sát các hình từ 5 đến 9, hãy nêu những biểu hiện chứng tỏ Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm kinh tế, văn hoá và giáo dục quan trọng của đất nước.

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

• Về kinh tế

Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm kinh tế hàng đầu của đất nước. Nơi đây tập trung rất nhiều khu công nghiệp lớn, khu công nghệ cao, nhiều ngân hàng và trung tâm tài chính lớn,...



▲ **Hình 5.** Cảng biển quốc tế trong Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè



▲ **Hình 6.** Một nhà máy trong Khu công nghệ cao ở Thành phố Hồ Chí Minh

- **Về văn hoá, giáo dục**

Thành phố Hồ Chí Minh là một trong hai trung tâm giáo dục, khoa học và công nghệ lớn của đất nước với nhiều trường đại học và viện nghiên cứu,...



▲ **Hình 7.** Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

Nơi đây cũng có nhiều di tích lịch sử – văn hoá, bảo tàng và các khu vui chơi giải trí lớn,...



▲ **Hình 8.** Bảo tàng Lịch sử Thành phố Hồ Chí Minh



▲ **Hình 9.** Một góc khu du lịch văn hoá Đầm Sen

LUYỆN TẬP

1. Lập và hoàn thiện bảng (theo gợi ý dưới đây) về những biểu hiện chứng tỏ Thành phố Hồ Chí Minh là một trung tâm kinh tế, văn hoá, giáo dục của đất nước.

TT	Lĩnh vực	Biểu hiện
1	Kinh tế	?
2	Văn hoá	?
3	Giáo dục	?

2. Hãy vẽ trục thời gian thể hiện một số sự kiện lịch sử tiêu biểu ở Sài Gòn – Thành phố Hồ Chí Minh được giới thiệu trong bài học.

VẬN DỤNG

Chọn một trong hai nhiệm vụ:

1. Viết một đoạn văn ngắn (5 – 7 câu) thể hiện mong muốn của em về Thành phố Hồ Chí Minh trong tương lai.
2. Đóng vai hướng dẫn viên du lịch, giới thiệu về một di tích lịch sử – văn hoá, danh lam thắng cảnh hoặc một địa danh của Thành phố Hồ Chí Minh mà em ấn tượng nhất (theo gợi ý dưới đây):
 - Tên di tích hoặc địa danh.
 - Địa điểm.
 - Nét đặc sắc về di tích hoặc địa danh đó.

BÀI 28

ĐỊA ĐẠO CỬ CHI

Sau bài học này, em sẽ:

- Xác định được vị trí địa lí của Địa đạo Củ Chi trên lược đồ.
- Mô tả được một số công trình tiêu biểu trong Địa đạo Củ Chi, có sử dụng tranh ảnh, tư liệu lịch sử.
- Sưu tầm và kể lại một số câu chuyện lịch sử về đào hầm ở Củ Chi, chống Mỹ ở Địa đạo Củ Chi.



KHỞI ĐỘNG

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, quân và dân Củ Chi đã đào hệ thống đường hầm ngầm trong lòng đất. Theo em, hệ thống đường hầm ngầm trong Địa đạo Củ Chi được đào để làm gì? Công trình này gắn liền với những câu chuyện lịch sử nào?



KHÁM PHÁ

1. Vị trí địa lí và cấu trúc của địa đạo

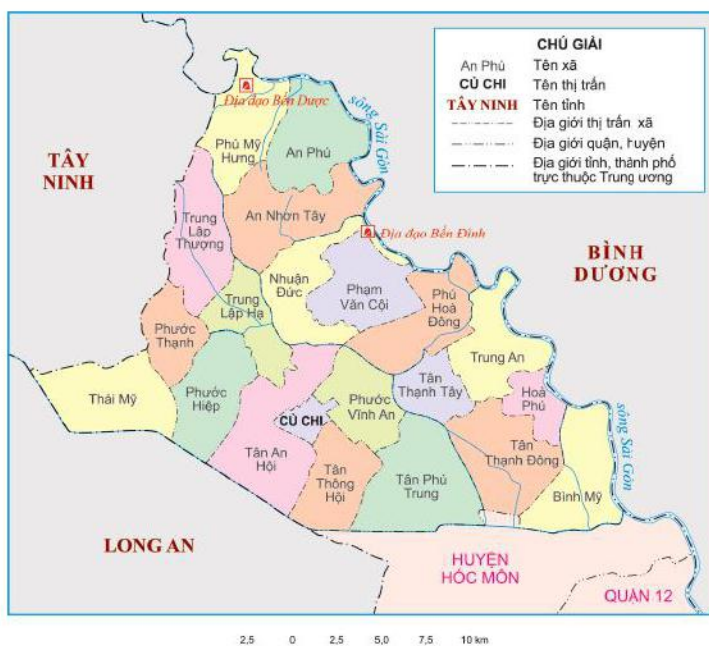


1. Quan sát hình 1, em hãy xác định vị trí địa lí của Địa đạo Củ Chi.
2. Đọc thông tin và quan sát các hình 2, 3, em hãy:
 - Kể tên một số công trình tiêu biểu trong Địa đạo Củ Chi.
 - Mô tả một công trình mà em ấn tượng nhất.

Địa đạo Củ Chi là một hệ thống phòng thủ, căn cứ bí mật nằm sâu dưới lòng đất từ 3 – 10 m, dài khoảng 250 km thuộc huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hiện nay, di tích Địa đạo Củ Chi được bảo tồn ở Địa đạo Bến Dược thuộc xã Phú Mỹ Hưng và Địa đạo Bến Đình thuộc xã Nhuận Đức.

Hình 1. Lược đồ hành chính huyện Củ Chi (Thành phố Hồ Chí Minh) ➤



Địa đạo gồm ba tầng, từ đường chính toả ra các nhánh dài, ngắn được thông với nhau. Đường lên xuống giữa các tầng hầm được bố trí bằng các nắp hầm bí mật. Trong địa đạo có các hầm rộng để nghỉ ngơi, cứu thương; nơi dự trữ vũ khí, lương thực; giếng nước; bếp Hoàng Cầm; hầm chỉ huy;...



▲ Hình 2. Hầm cứu thương

Bếp Hoàng Cầm là loại bếp dã chiến, do Hoàng Cầm sáng tạo ra trong cuộc kháng chiến chống Pháp. Bếp được đào dưới đất, có hố đun và hệ thống rãnh dẫn khói, tản khói giúp cho việc nấu ăn dễ dàng hơn mà không bị kẻ địch phát hiện.



▲ Hình 3. Bếp Hoàng Cầm

2. Chuyện về Địa đạo Củ Chi



Đọc thông tin và các câu chuyện dưới đây, em hãy kể lại một câu chuyện về Địa đạo Củ Chi. Nêu cảm nghĩ của em về câu chuyện đó.

Gắn liền với Địa đạo Củ Chi có nhiều câu chuyện lịch sử về cách đào địa đạo, về cuộc chiến đấu của quân và dân Củ Chi chống quân Mỹ càn quét,...



ĐÀO HẦM Ở ĐỊA ĐẠO CỦ CHI

Địa đạo được đào dựa trên kinh nghiệm kế thừa từ trước. Từ đáy một cái giếng có đường kính 0,6 m, sâu 3 m, người ta dùng cuốc khoét sâu tạo ra một đường hầm đủ để người bò lom khom dưới lòng đất; cứ cách 16 m lại tạo một giếng. Hai đội đào ngược hướng nhau, chủ yếu dựa vào tiếng đục dưới lòng đất để xác định đúng hướng. Việc đào hầm được tiến hành liên tục. Đất đào xong được đem đổ xuống sông hoặc rải khắp rừng để tránh sự phát hiện của địch... Miệng giếng đào xong được nguy trang theo dạng tổ mối để lấy đường dẫn không khí vào địa đạo.

Chỉ bằng những phương tiện, dụng cụ hết sức thô sơ, quân và dân Củ Chi đã đào được khoảng 250 km địa đạo với đường "xương sống" và những đường "xương cá" chằng chịt rẽ ra hai bên.

(Theo Tài liệu của Ban Quản lý di tích Địa đạo Củ Chi)

CUỘC CHIẾN TRONG LÒNG ĐẤT

Đế quốc Mỹ đã dùng nhiều thủ đoạn để phá huỷ địa đạo, tiến hành nhiều cuộc càn quét hòng tìm ra vị trí các nắp hầm. Chúng dội hàng nghìn tấn bom, chất độc hoá học xuống Củ Chi hòng phá huỷ sự sống ở đây.

Với tinh thần đấu tranh "một tấc không đi, một li không rời" cùng lối đánh giặc mưu trí, sáng tạo, du kích và nhân dân Củ Chi đã đập tan mọi âm mưu của kẻ thù. Những hầm chông, bãi mìn tự chế của quân và dân Củ Chi đã trở thành nỗi ám ảnh của quân Mỹ. Để tiếp tế lương thực vào địa đạo, đồng bào đã tìm ra những cách thức mà địch không thể ngờ đến như: độn nửa lon gạo vào búi tóc của phụ nữ, khoét rỗng cán cuốc rồi đổ gạo vào trong,... Chính sự chở che, đùm bọc của nhân dân cũng đã góp phần vào những chiến thắng vang dội của du kích Củ Chi. Củ Chi xứng đáng với danh hiệu "Đất thép thành đồng".

(Theo Tài liệu của Ban Quản lý di tích Địa đạo Củ Chi)



LUYỆN TẬP

Lập và hoàn thiện bảng về một số công trình tiêu biểu trong Địa đạo Củ Chi (theo gợi ý dưới đây).

Tên công trình	Chức năng
?	?
?	?



VẬN DỤNG

Hãy viết một đoạn văn ngắn nêu cảm nhận của em về Địa đạo Củ Chi.

Câu 1. Lựa chọn thông tin phù hợp với ba vùng và ghi kết quả vào vở.

1. Vùng trồng lúa, trồng cây ăn quả lớn nhất nước ta

A. Vùng Duyên hải miền Trung

6. Vùng trồng cây công nghiệp lớn nhất cả nước

2. Nghề làm muối, đánh bắt và nuôi trồng hải sản, du lịch biển phát triển

7. Phố cổ Hội An

3. Trương Định

B. Vùng Tây Nguyên

8. Cố đô Huế

4. Ngành công nghiệp phát triển nhất nước ta

9. Phát triển chăn nuôi gia súc và thủy điện

5. Không gian văn hoá Cồng chiêng

C. Vùng Nam Bộ

10. Địa đạo Củ Chi

Câu 2. Hoàn thành bảng về vùng Duyên hải miền Trung, vùng Tây Nguyên và vùng Nam Bộ vào vở.

Vùng	Duyên hải miền Trung	Tây Nguyên	Nam Bộ
Đặc điểm			
Địa hình	?	?	?
Khí hậu	?	?	?
Dân cư	?	?	?
Một số nét văn hoá	?	?	?

Câu 3. Đóng vai hướng dẫn viên du lịch, giới thiệu về một vùng mà em yêu thích (theo gợi ý dưới đây):

- Tên vùng.
- Danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử – văn hoá tiêu biểu.
- Câu chuyện lịch sử liên quan mà em thích.
- Chia sẻ cảm nghĩ của em về vùng đó.

B

Bảo tồn (38): hoạt động nhằm bảo vệ, gìn giữ các giá trị lịch sử, thành tựu văn hoá vật chất và tinh thần để truyền lại cho thế hệ sau.

Bão (67): gió mạnh từ cấp 8 trở lên kèm theo mưa to, có sức phá hoại lớn.

Biến đổi khí hậu (39): sự thay đổi của khí hậu trong một khoảng thời gian dài do tác động của điều kiện tự nhiên và hoạt động của con người, biểu hiện bởi sự nóng lên toàn cầu, mực nước biển dâng và gia tăng các hiện tượng khí tượng thủy văn cực đoan.

C

Cao nguyên (20): vùng đất tương đối bằng phẳng hoặc gợn sóng, thường cao trên 500 m so với mực nước biển, có sườn dốc, nhiều khi dựng đứng thành vách so với vùng đất xung quanh.

Chợ nổi (109): loại hình chợ phổ biến vùng sông nước, trong đó người bán và người mua đều dùng ghe, thuyền,... làm phương tiện vận chuyển.

Cồn cát (67): những sóng cát khổng lồ có dạng không đối xứng giữa hai sườn, do gió tích tụ thành trong điều kiện có nhiều cát.

Cổ đô (77): kinh đô cũ.

Cố thủ (79): cố giữ bằng được (thường là địa điểm đang bị tấn công).

D

Danh nhân (16): người có tài, đức nổi tiếng trong lịch sử, được lịch sử ghi công và nhân dân ca ngợi, truyền tụng.

Dân cư (24): tập hợp những con người cùng cư trú trên một lãnh thổ nhất định.

Di tích (17): là dấu vết của quá khứ còn lưu lại trong lòng đất hoặc trên mặt đất, có ý nghĩa về mặt văn hoá và lịch sử.

Đ

Đảo (66): bộ phận đất nổi có diện tích nhỏ hơn lục địa, xung quanh có biển hoặc đại dương bao bọc.

Đầm phá (67): vùng nước lợ và tương đối nông, thông ra biển và ngăn cách với biển bằng các bờ cát, đụn cát, đảo chắn hay các rạn san hô.

Đồi (20): dạng địa hình nhô cao. Độ cao của đồi so với các vùng đất xung quanh thường không quá 200 m. Đồi có đỉnh tròn, sườn thoải.

Đồng bằng (26): dạng địa hình thấp có bề mặt khá bằng phẳng hoặc hơi gợn sóng, có thể rộng hàng triệu ki-lô-mét vuông. Độ cao thường dưới 200 m so với mực nước biển.

H

Hạn hán (67): tình trạng thiếu hụt lượng nước so với giá trị trung bình trong một thời gian dài, làm cho độ ẩm của đất và không khí giảm đi nhiều, ảnh hưởng xấu đến sự sinh trưởng và phát triển bình thường của cây trồng, gây tình trạng khô hạn.

K

Không gian văn hoá (97): những khu vực, môi trường có các hoạt động văn hoá hoặc gắn với văn hoá.

Ki-lô-mét vuông (25): diện tích của hình vuông có cạnh dài 1 km. Ki-lô-mét vuông viết tắt là km².

L

Lăng tẩm (78): nơi chôn cất và thờ các vua đã mất.

Lũ (26): hiện tượng nước sông dâng lên trong khoảng thời gian nhất định, sau đó xuống.

Lũ quét (22): loại lũ xảy ra khi một khối lượng nước khổng lồ di chuyển nhanh từ địa hình cao xuống thấp.

Lụt (39): hiện tượng nước trên các con sông tràn khỏi bờ, làm ngập một vùng đất đai rộng lớn trong thời kì nước lớn hoặc nước lũ.

Lượng mưa (13): là lượng nước trong khí quyển rơi xuống mặt đất ở một địa điểm trong khoảng thời gian nhất định (ngày, tháng, năm,...).

Lưu vực (51): vùng đất cung cấp các loại nước cho một con sông.

M

Mật độ dân số (24): số người dân trung bình sống trên một đơn vị diện tích lãnh thổ (đơn vị: người/km²).

N

Ngói âm dương (83): loại ngói sử dụng phổ biến trong các công trình cổ, gồm các ngói âm và ngói dương xếp đan xen với nhau.

Núi (18): dạng địa hình nhô cao rõ rệt so với mặt bằng xung quanh. Độ cao của núi so với mực nước biển là từ 500 m trở lên. Núi thường có đỉnh nhọn, sườn dốc.

P

Phục dựng (80): khôi phục và dàn dựng lại cho giống như thật.

Q

Quần đảo (66): nhóm gồm nhiều đảo lớn, nhỏ nằm gần nhau.

S

Sương muối (22): sương đọng trên các ngọn cỏ, lá cây dưới dạng những hạt nhỏ li ti có màu trắng như muối, có tác hại lớn đối với sản xuất nông nghiệp.

T

Thành hoàng (47): người được thờ trong các ngôi đình ở các địa phương, có công trong các cuộc kháng chiến đánh đuổi giặc ngoại xâm, hoặc có công lập làng, truyền dạy nghề cho dân làng, hoặc hiển linh phù hộ cho làng, xã,...

Thiên tai (79): sự thay đổi đột ngột, dữ dội của tự nhiên (bão, lũ quét, động đất,...) có tác động xấu đến điều kiện tự nhiên và môi trường trên Trái Đất, gây thiệt hại cho đời sống con người.

Thoái vị (79): từ bỏ tước vị vua (hoàng đế).

Tiên vương (35): cách gọi tôn kính vua đời trước thuộc cùng một triều đại.

Trùng tu (84): sửa chữa lại một công trình kiến trúc bị xuống cấp, hư hại (đình, chùa,...).

Truyền thống (16): thói quen đã hình thành từ lâu đời, được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác.

Tu bổ (62): là hoạt động nhằm tu sửa, gia cố, tôn tạo di tích lịch sử – văn hoá, danh lam thắng cảnh.

V

Văn hiến (56): truyền thống văn hoá lâu đời và tốt đẹp.

Văn minh (50): trình độ phát triển đạt đến một mức nhất định của xã hội loài người, có nền văn hoá vật chất và tinh thần với những đặc trưng riêng.

Vịnh (37): một bộ phận của biển, đại dương ăn khá sâu vào lục địa nhưng vẫn có sự lưu thông, trao đổi với phần nước bên ngoài.

Vùng phụ cận (77): là vùng giáp, gần xung quanh của một đơn vị hành chính.

*Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn
các cơ quan: Vườn quốc gia Xuân Thủy, Bảo tàng Lịch sử quốc gia,...
và các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn
trong cuốn sách này.*

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: TRẦN ĐÌNH PHIÊN – NGUYỄN THỊ HOÀI THU

Biên tập và thiết kế bản đồ: PHẠM VĂN HẢI

Thiết kế sách: ĐÌNH THANH LIÊM

Trình bày bìa: NGUYỄN BÍCH LA

Minh họa: PHẠM VIỆT QUANG – ĐÌNH THANH LIÊM

Sửa bản in: TẠ THỊ HƯỜNG – VŨ THỊ THANH TÂM – NGUYỄN DUY LONG

Chế bản: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Bản quyền © (2023) thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Xuất bản phẩm đã đăng kí quyền tác giả. Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 4

Mã số: G1HH4U001H23

In ... bản, (QĐ ...) khổ 19 x 26,5 cm.

Đơn vị in: ...

Địa chỉ: ...

Số ĐKXB: 8-2023/CXBIPH/89-2097/GD

Số QĐXB: .../QĐ-GD - HN ngày ... tháng ... năm ...

In xong và nộp lưu chiểu tháng ... năm 20...

Mã số ISBN: 978-604-0-35033-6



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH



BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 4 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1. Tiếng Việt 4, tập một
2. Tiếng Việt 4, tập hai
3. Toán 4, tập một
4. Toán 4, tập hai
5. Khoa học 4
6. Đạo đức 4
7. Âm nhạc 4
8. Mĩ thuật 4
9. Công nghệ 4
10. Lịch sử và Địa lí 4
11. Tin học 4
12. Hoạt động trải nghiệm 4
13. Giáo dục thể chất 4
14. Tiếng Anh 4 – Global Success – SHS, tập một
15. Tiếng Anh 4 – Global Success – SHS, tập hai

Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
- **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
- **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long

Sách điện tử: <http://hanhtrangso.nxbgd.vn>

Kích hoạt để mở học liệu điện tử: Cào lớp nhũ trên tem để nhận mã số. Truy cập <http://hanhtrangso.nxbgd.vn> và nhập mã số tại biểu tượng chìa khoá.



ISBN 978-604-0-35033-6



9 786040 350336